Lienvietpostbank

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

VỮNG BƯỚC ĐI, NÂNG VỊ THẾ

MỤC LỤC

Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng Quản trị 4

01
GIỚI THIỆU NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

Thông tin chung 8
Sơ đồ tổ chức 16
Giới thiệu nhân sự 18
Hoạt động quản trị rủi ro 26

02
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 32
Tình hình tài chính 34
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 35
Kiểm soát nguồn vốn linh hoạt trong hoạt động kinh doanh 38
Mảng Khách hàng cá nhân 40
Mảng Khách hàng doanh nghiệp 41
Bảo hiểm nhân thọ 42
Bảo hiểm phi nhân thọ 43
Chuyển đổi số quá trình phát triển liên tục và toàn diện 44
Hoạt động CNTT nổi bật năm 2022 48

03
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Ngân hàng và công tác quản trị, điều hành năm 2022 54
Định hướng, kế hoạch phát triển của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 56

04
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng và công tác quản trị, điều hành năm 2022 60
Định hướng, kế hoạch phát triển của Hội đồng Quản trị trong năm 2023 61

05
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị 64
Ban Kiểm soát 66
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát 67

06
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt 74
Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt 76
Sự tương tác giữa các bên liên quan 77
Kết quả triển khai phát triển bền vững tại Ngân hàng 78

07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 94

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Với những kết quả ấn tượng và nền tảng vững chắc đã đạt được trong hơn 15 năm qua, chúng tôi sẽ không ngừng đổi mới, quyết liệt hành động hướng tới dấu mốc kỷ niệm 20 năm thành lập Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Mục tiêu HĐQT đặt ra trong nhiệm kỳ 2023-2028 nhằm thay đổi mạnh mẽ, toàn diện sự phát triển của Ngân hàng trong các năm tiếp theo, trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam. ”

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác,

Năm 2022, nền kinh tế nói chung và ngành tài chính nói riêng trải qua nhiều biến động, tuy nhiên Lienvietpostbank vẫn ghi nhận mức lợi nhuận cao nhất lịch sử 15 năm hoạt động với 5.690 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 56% so với năm 2021 và vượt hơn 18% kế hoạch năm. Ngân hàng đã thành công trong kế hoạch nâng vốn điều lệ lên 17.291 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2022 ở mức hơn 327.000 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 12,79%, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt ở mức 1,45%, tiếp tục là ngân hàng có hệ số an toàn vốn cao (CAR) đạt 12,36%.

Đồng thời, Ngân hàng đã hoàn thành triển khai hai chuẩn mực quốc tế Basel III và IFRS9 tạo khung quản trị rủi ro vững chắc, minh bạch trong các hoạt động, nâng cao vị thế, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Lienvietpostbank tiếp tục được tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Moody’s Investors Service (Moody’s) nâng mức tín nhiệm lên Ba3 - triển vọng ổn định.

Với những kết quả ấn tượng và nền tảng vững chắc đã đạt được trong hơn 15 năm qua, chúng tôi sẽ không ngừng đổi mới, quyết liệt hành động hướng tới dấu mốc kỷ niệm 20 năm thành lập Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Mục tiêu HĐQT đặt ra trong nhiệm kỳ 2023-2028 nhằm thay đổi mạnh mẽ, toàn diện sự phát triển của Ngân hàng trong các năm tiếp theo, trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam:

- Nâng cao thu nhập và chế độ phúc lợi cho cán bộ nhân viên;
- Đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ tối ưu cho khách hàng và đối tác;
- Tập trung nguồn lực chuyển đổi số, số hóa toàn diện;
- Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng (CSR) thông qua công tác an sinh xã hội.

Các mục tiêu trên là thách thức không hề nhỏ trong bối cảnh kinh tế hiện nay, song tôi tin tưởng rằng, với định hướng chiến lược rõ ràng của Hội đồng Quản trị cùng tinh thần đoàn kết, đổi mới toàn diện của tập thể Ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên, sự ủng hộ của Quý cổ đông, đối tác và khách hàng, Lienvietpostbank chắc chắn sẽ hoàn thành mục tiêu đề ra trong nhiệm kỳ 2023 - 2028, bắt đầu một hành trình phát triển mạnh mẽ hơn.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản trị tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới sự quan tâm và hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan truyền thông; sự hợp tác của các đối tác; sự tin tưởng của các cổ đông và hàng triệu khách hàng, đồng thời mong muốn Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng Lienvietpostbank đạt được những thành tựu mới.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Đức Thụy

CHƯƠNG 1
GIỚI THIỆU NGÂN HÀNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
Giấy chứng nhận đăng ký DN số:	6300048638
Vốn điều lệ:	17.291.053.690.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	17.291.053.690.000 đồng
Địa chỉ:	Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại:	024 62 668 668
Số fax:	024 62 669 669
Website:	www.lienvietpostbank.com.vn
Mã cổ phiếu:	LPB

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động khác;
- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
- Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
- Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.

TẦM NHÌN

TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG BÁN LẺ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM – NGÂN HÀNG CỦA MỌI NGƯỜI

SỨ MỆNH

CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG VÀ XÃ HỘI CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐA DẠNG VỚI CHẤT LƯỢNG CAO; MANG LẠI LỢI ÍCH CAO NHẤT CHO NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT VÀ XÃ HỘI

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KỶ CƯƠNG: Ngân hàng Bưu điện Liên Việt là một tập thể thống nhất ý chí, sống và làm việc có kỷ cương, được thực hiện theo nguyên tắc Tuân thủ và Phục tùng. Tuân thủ là thượng tôn Pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật và của Ngân hàng. Phục tùng là phục tùng mệnh lệnh của cấp trên và cấp quản lý. Cấp quản lý bao gồm quản lý hành chính và quản lý công việc.

SÁNG TẠO: Là động lực và yếu tố quyết định để phát triển, nâng cao năng suất làm việc, chất lượng dịch vụ, hiệu quả công việc. Sáng tạo phải được thực hiện một cách có nguyên tắc và luôn tạo sự đột phá để đưa Ngân hàng phát triển không ngừng và bền vững.

NHÂN BẢN: Là giá trị mà Ngân hàng Bưu điện Liên Việt luôn quan tâm và hướng đến, với triết lý tất cả từ Con người và vì Con người. Giá trị Nhân bản được thể hiện dựa trên hai nguyên tắc là Chuẩn mực và Vị tha.

Chuẩn mực là mọi thành viên của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đều phải sống và làm việc theo quy định của Pháp luật và chuẩn mực chung của xã hội. Vị tha là mọi thành viên của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phải luôn có lòng nhân ái, cao thượng.

MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

- **Hội sở chính:** 1
- **Văn phòng Đại diện:** 3
- **Chi nhánh:** 80
- **Phòng Giao dịch:** 481
- **Phòng Giao dịch Bưu điện:** 568

SỐ LƯỢNG CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH MỞ MỚI NĂM 2022

- **Chi nhánh:** 4
- **Phòng giao dịch:** 1

SỐ LƯỢNG CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH CHUYỂN TRỤ SỞ TRONG NĂM

- **Chi nhánh:** 5
- **Phòng Giao dịch:** 5

SỐ LƯỢNG CÁC CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH TẠI CÁC KHU VỰC, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC

STT	Khu vực	Số lượng Chi nhánh	Số lượng Phòng giao dịch
1	Khu vực Hà Nội	10	24
2	Khu vực Miền núi Phía Bắc	12	83
3	Khu vực Đồng bằng Phía Bắc	15	92
4	Khu vực Miền Trung	17	117
5	Khu vực TP Hồ Chí Minh	5	12
6	Khu vực Đông Nam bộ	11	81
7	Khu vực Tây Nam Bộ	10	72

- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

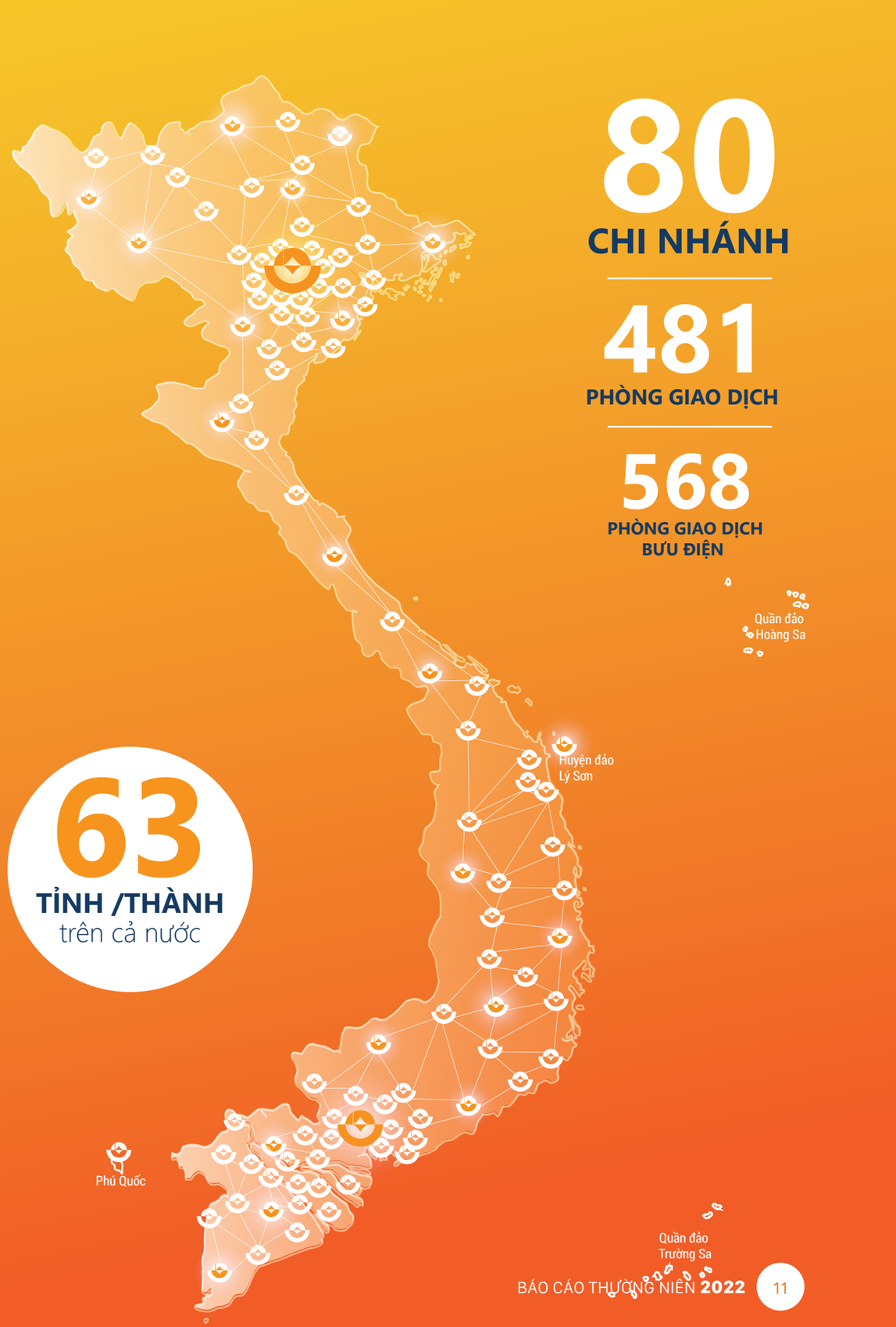

QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2008

NGÀY 28/03/2008: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký Giấy phép thành lập Ngân hàng (Giấy phép 91/GP-NHNN).

Ngày 01/05/2008: Chính thức khai trương hoạt động Ngân hàng TMCP Liên Việt tại tỉnh Hậu Giang.

2011

Ngày 23/7/2011: Ngân hàng đổi tên thành Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Lienvietpostbank sau khi Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam góp vốn và trở thành cổ đông lớn.

2014

Giải thưởng Ngân hàng Tiết kiệm Tốt Nhất Việt Nam năm 2014 (Best Saving Bank Vietnam) do tạp chí Global Banking & Financial Review trao tặng.

2017

Ngày 05/10/2017: Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu LPB lên sàn giao dịch chứng khoán phi tập trung Upcom.

Hoàn thành phủ sóng Chi nhánh tới tất cả 63/63 tỉnh thành cả nước.

2018

Lần đầu tiên được tổ chức Moody's xếp hạng tín nhiệm, nâng tầm uy tín quốc tế của Lienvietpostbank (xếp hàng tín nhiệm ở mức B2, có Triển vọng Tích cực).

Giải thưởng Dự án Ngân hàng Di động Tốt Nhất (Best Mobile Banking Project) do The Asian Banker trao tặng.

2019

Ký kết Thỏa ước Hợp tác với định chế tài chính toàn cầu J.P.Morgan.

Hoàn thành trước hạn triển khai Thông tư 41/TT-NHNN, là trụ cột I và trụ cột III của Basel II. Đến năm 2020, với việc hoàn thành triển khai đánh giá mức độ đủ vốn ICAAP, Ngân hàng hoàn thành trước hạn cả 3 trụ cột của Basel II.

2020

Ngày 15/20/2020: Ra mắt Ngân hàng số Lienviet24H. Sản phẩm được phát triển trên cơ sở hợp nhất các nền tảng online bao gồm: Thẻ phi vật lý Ví Việt, Ngân hàng số (Internet Banking & Mobile Banking) và các dịch vụ Thẻ.

Ngày 9/11/2020: Cổ phiếu Lienvietpostbank chính thức niêm yết đại chúng trên Sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

2021

Tổ chức Moody's nâng mức xếp hạng tín nhiệm của Lienvietpostbank lên B1 – Mức Ổn định.

Phát hành thành công 22.549 tỷ VND mệnh giá Giấy tờ có giá của Ngân hàng, bao gồm 20.740 tỷ VND Chứng chỉ tiền gửi/Trái phiếu thường và 1.809 tỷ VND Trái phiếu tăng vốn cấp 2.

Giành Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ Phát triển Nhanh Nhất Việt Nam 2021 do tạp chí Global Business Outlook trao.

2022

Hoàn thành triển khai BASEL III và IFRS 9, trở thành một trong số ít các tổ chức tín dụng tại Việt Nam triển khai đồng thời hai chuẩn mực quản trị rủi ro và báo cáo tài chính khắt khe trong lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới

Ký kết hợp đồng với IBM Việt Nam về tư vấn chiến lược và kiến trúc chuyển đổi số. Sự kiện này mở đường cho việc xác lập chiến lược chuyển đổi số, thúc đẩy một cách bài bản, đồng bộ dài hạn quá trình chuyển đổi số của Ngân hàng.

Ngân hàng nhận được nhiều giải thưởng danh giá từ các tổ chức quốc tế và trong nước, như: Ngân hàng bán lẻ phát triển nhanh nhất Việt Nam 2022 do Tạp chí Tài chính Quốc tế (International Finance Magazine) trao tặng, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Lienvietpostbank xếp thứ 61),...

CÁC GIẢI THƯỞNG, CHỨNG NHẬN NỔI BẬT
NĂM 2022

NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU VỀ DOANH SỐ CHI TIÊU THẺ TÍN DỤNG 2021
Leading Licensee in Credit Card Retail Spending Volume 2021

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CHÀO GIÁ GIAO DỊCH FX SWAP TỐT NHẤT NĂM 2021

NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU TĂNG TRƯỞNG DOANH SỐ THẺ TÍN DỤNG NĂM
Leading Licensee in Credit Card Retail Spending Volume Growth 2021

DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC CHÂU Á
Corporate Excellence Award

NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU VỀ SỐ LƯỢNG THẺ PLATINUM TÍCH LŨY 2021
Leading Licensee in Balance of Platinum Card 2021

NGÂN HÀNG BÁN LẺ PHÁT TRIỂN NHANH NHẤT VN 2022
Fastest Growing Retail Bank – Vietnam 2022

NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU VỀ PHÁT HÀNH THẺ MỚI NĂM 2021
Leading Licensee in New Card Acquisition 2021

TOP 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2022

NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU VỀ SỐ LƯỢNG THẺ GHI NỢ TÍCH LŨY 2021
Leading Licensee in Balance of Debit Card 2021

NGÂN HÀNG BÁN LẺ PHÁT TRIỂN NHANH NHẤT VN 2022
Fastest Growing Retail Bank – Vietnam 2022

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH FX SWAP NHIỀU NHẤT NĂM 2021

TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VN 2022
Lienvietpostbank xếp thứ 27

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VN 2022
Lienvietpostbank xếp thứ 61

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

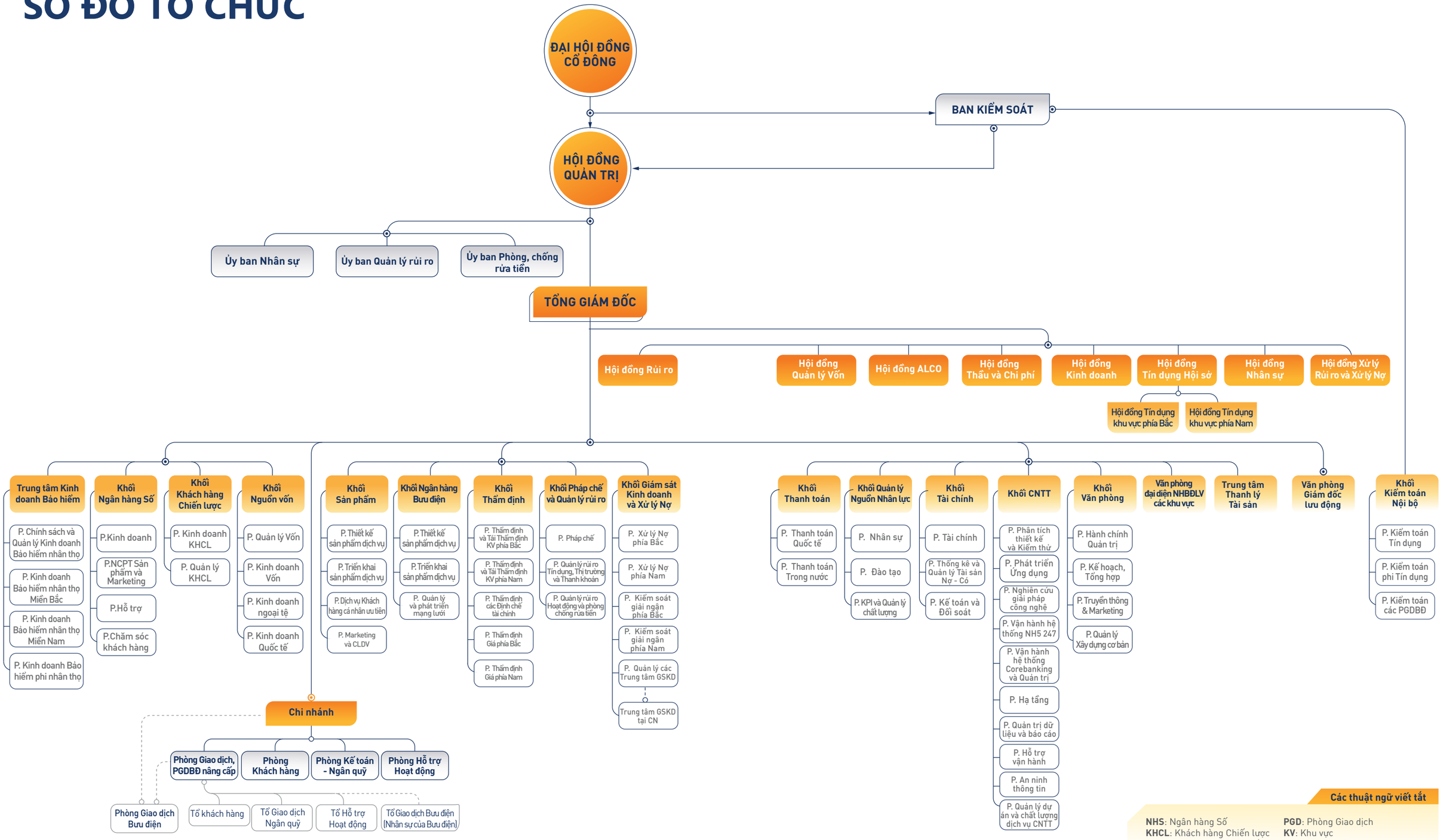

Các thuật ngữ viết tắt

NHS: Ngân hàng Số
KHCL: Khách hàng Chiến lược
NCPT: Nghiên cứu Phát triển
CLDVL: Chất lượng dịch vụ
CN: Chi nhánh
PGD: Phòng Giao dịch
KV: Khu vực
GSKD: Giám sát Kinh doanh
CNTT: Công nghệ Thông tin
PGDBĐ: Phòng Giao dịch Bưu điện

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Đức Thụy

Năm sinh: 1976

Trình độ học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 11 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 47.806.200 cổ phần, tương ứng 2,765% vốn cổ phần

- Từ ngày 09/12/2022, HĐQT bầu ông Ông Thụy giữ chức Chủ tịch HĐQT

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Huỳnh Ngọc Huy

Năm sinh: 1966

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Tài chính

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 16 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 495.482 cổ phần, tương ứng 0,029% vốn cổ phần.

- Từ ngày 09/12/2022, ông Huy thôi không giữ chức Chủ tịch HĐQT và HĐQT bầu ông giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Dương Công Toàn

Năm sinh: 1979

Trình độ học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 14 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 220.737 cổ phần, tương ứng 0,013% vốn cổ phần.

THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Lê Hồng Phong

Năm sinh: 1962

Trình độ học vấn: Tiến sỹ Kinh tế

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 36 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 243.080 cổ phần, tương ứng 0,014% vốn cổ phần.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Bà Dương Hoài Liên

Năm sinh: 1981

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Tài chính

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 18 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 115.000 cổ phần, tương ứng 0,007% vốn cổ phần

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT

Ông Phạm Doãn Sơn

Năm sinh: 1967

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 28 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 31.935.524 cổ phần, tương ứng 1,847% vốn cổ phần.

- Từ ngày 17/03/2023, Ông Sơn thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Thanh Tùng

Năm sinh: 1967

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 30 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 253.828 cổ phần, tương ứng 0,015% vốn cổ phần.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Năm sinh: 1958

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kinh tế.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 9 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Phùng Thế Việt

Năm sinh: 1989

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 9 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Nam Tiến

Năm sinh: 1971

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 29 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 536.834 cổ phần, tương ứng 0,031% vốn cổ phần

- Từ ngày 16/07/2020 đến ngày 17/03/2023, Ông Tiến đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực.

- Từ ngày 17/03/2023, Ông Tiến được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Ông Bùi Thái Hà

Năm sinh: 1976

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 15 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 835.416 cổ phần, tương ứng 0,048% vốn cổ phần.

- Từ ngày 11/06/2014 đến ngày 21/03/2023, Ông Hà đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

- Từ ngày 21/03/2023, Ông Hà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Nguyễn Thị Gấm

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành Tài chính kiểm soát; Chứng chỉ hành nghề kế toán kiểm toán quốc tế ACCA - UK.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 29 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 525.845 cổ phần, tương ứng 0,03% vốn cổ phần

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Ánh Vân

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 27 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 676.611 cổ phần, tương ứng 0,039% vốn cổ phần.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hoàng Văn Phúc

Năm sinh: 1977

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị An ninh phi truyền thống.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 18 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 271.448 cổ phần, tương ứng 0,016% vốn cổ phần

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Vũ Quốc Khánh

Năm sinh: 1981

Trình độ học vấn: Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 20 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 1.091.853 cổ phần, tương ứng 0,063% vốn cổ phần.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Năm sinh: 1973

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 29 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 130.891 cổ phần, tương ứng 0,008% vốn cổ phần

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Vũ Thu Hiền

Năm sinh: 1970

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 9 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 271.478 cổ phần, tương ứng 0,016% vốn cổ phần

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quốc Thành

Năm sinh: 1983

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Thông tin

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 8 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 271.400 cổ phần, tương ứng 0,016% vốn cổ phần

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Ngọc Nam

Năm sinh: 1966

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 23 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 352.579 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Lê Thị Thanh Nga

Năm sinh: 1980

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 21 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 673.578 cổ phần, tương ứng 0,039% vốn cổ phần.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quý Chiến

Năm sinh: 1971

Trình độ học vấn: Cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế; Cử nhân Tài chính – Tín dụng.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 25 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 506.649 cổ phần, tương ứng 0,029% vốn cổ phần

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Anh Tùng

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế.

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 23 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 643.849 cổ phần, tương ứng 0,037% vốn cổ phần.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kim Minh Tuấn

Năm sinh: 1975

Trình độ học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: 15 năm

Số lượng chứng khoán thuộc sở hữu cá nhân tại Lienvietpostbank: 386.400 cổ phần, tương ứng 0,022% vốn cổ phần

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

> Ngân hàng đã hoàn thành cả 3 trụ cột theo chuẩn mực Basel II. Năm 2022 Ngân hàng tiếp tục triển khai và hoàn thành dự án Basel III để nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng, từng bước tiệm cận theo tiêu chuẩn quốc tế. Hoạt động Quản trị rủi ro sẽ tiếp tục được duy trì thường xuyên, liên tục, không tách rời với hoạt động kinh doanh và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG (QLRRTD)

Tình hình kinh tế toàn cầu và thị trường tài chính có nhiều biến động, điều này tác động khá lớn đến hoạt động của các ngân hàng. Trước tình hình đó, Lienvietpostbank luôn chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng song song với tăng trưởng tín dụng hiệu quả. Năm 2022, Lienvietpostbank đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 12,79% và tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát tốt ở mức 1,45%.

Công tác quản trị rủi ro tín dụng được triển khai chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các đơn vị kinh doanh (ĐVKD):

- Việc thẩm định, kiểm soát giải ngân, phê duyệt tín dụng được phân cấp thẩm quyền giữa ĐVKD và Hội sở vừa đảm bảo tính chủ động của ĐVKD trong công tác cấp tín dụng vừa đảm bảo tính độc lập, khách quan trong bối cảnh Lienvietpostbank triển khai tăng cường bán lẻ.
- Rủi ro tín dụng được nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý qua các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống, kiểm tra trực tiếp bởi ba tuyến phòng thủ. Theo đó, các bộ phận nghiệp vụ chủ động xác định nguyên nhân, đo lường, đánh giá chi tiết để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa rủi ro phát sinh.
- Công tác quản trị danh mục giúp kiểm soát đảm bảo tuân thủ các hạn mức tín dụng và các tỷ lệ đảm bảo an toàn, phân tích các thay đổi trên toàn danh mục để dự báo sớm các biến động có thể dẫn đến rủi ro, thực hiện đề xuất thay đổi các chính sách có liên quan.
- Ngân hàng chủ động tích cực tăng cường công tác trích lập dự phòng rủi ro để đảm bảo kiểm soát được rủi ro phát sinh đối với các khoản nợ quá hạn. Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu của Ngân hàng đến 31/12/2022 đạt ~ 142%.
- Công tác xử lý nợ luôn luôn được chú trọng, tăng cường các biện pháp phân luồng, xử lý, thu hồi nợ quá hạn và nợ xấu.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (QLRRHĐ)

Công tác quản lý RRHĐ đã có nhiều chuyển biến với việc triển khai đồng bộ các công cụ chính: Thu thập sự kiện tổn thất (LDC) từ phần mềm QLRRHĐ; Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát (RCSA); Các chỉ số rủi ro chính (KRIs). Công tác rà soát các dấu hiệu bất thường và các giao dịch sai sót được tăng cường thực hiện nhằm phát hiện sớm rủi ro hoạt động phát sinh từ đó cảnh báo sớm đến các Đơn vị có liên quan.

Ngân hàng luôn chú trọng đến việc đánh giá tác động, các điểm mới của văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành (luật, nghị định, thông tư) có ảnh hưởng tới hoạt động ngân hàng để các Đơn vị nghiệp vụ lên kế hoạch xây dựng văn bản nội bộ, đưa ra phương án thực hiện về mặt nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Hội sở cũng thực hiện tư vấn, giải đáp pháp lý kịp thời cho các Đơn vị trên toàn hệ thống, tạo cơ sở để Ngân hàng có cơ hội triển khai/hợp tác với nhiều đối tượng khách hàng. Ngân hàng luôn kịp thời nghiên cứu và vận dụng các quy định pháp luật trong các lĩnh vực phức tạp như: bảo hiểm, công nghệ thông tin,... để đảm bảo quyền và lợi ích cho Lienvietpostbank khi tham gia hợp tác, giao dịch với các đối tác, khách hàng lớn. Theo đó, Ngân hàng luôn hoạt động trên cơ sở thượng tôn pháp luật, đảm bảo an toàn trong việc triển khai cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính theo quy định

Hệ thống văn bản nội bộ không ngừng được rà soát, cập nhật thường xuyên, trong đó, đặc biệt chú trọng

rà soát hoạt động chuyển đổi số của Ngân hàng đảm bảo hệ thống văn bản đầy đủ, cập nhật và tuân thủ theo các quy định hiện hành. Các dấu hiệu rủi ro, gian lận điển hình của hoạt động ngân hàng: gian lận giả mạo hồ sơ, tội phạm công nghệ, an toàn bảo mật thông tin, an toàn kho quỹ,...được tăng cường rà soát, cảnh báo sớm và xây dựng các phương án phòng ngừa hiệu quả.

Công tác Quản lý kinh doanh liên tục được triển khai trên toàn hệ thống nhằm duy trì hoạt động kinh doanh liên tục xuyên suốt trong điều kiện dịch bệnh Covid19 diễn biến phức tạp nửa đầu năm 2022. Các phương án đối phó dịch bệnh được xây dựng chặt chẽ, chi tiết, linh hoạt và phù hợp theo các chỉ đạo của Uỷ ban Phòng, Chống dịch bệnh cũng như các cơ quan chủ quản khác.

Năm 2022, Ngân hàng tiếp tục triển khai dự án An ninh an toàn hệ thống CNTT nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng để ứng phó với rủi ro hoạt động công nghệ thông tin đặc biệt là trong bối cảnh Ngân hàng đang trong giai đoạn từng bước chuyển đổi số hóa.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG, THANH KHOẢN VÀ LÃI SUẤT

Thanh khoản hệ thống được đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản của Ngân hàng đáp ứng tốt các quy định của NHNN.

Trong bối cảnh thị trường tiền tệ - lãi suất năm 2022 có những biến động mạnh, khó lường, Ngân hàng đã chủ động đánh giá rủi ro và sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro bao gồm các công cụ phái sinh ngoại tệ, phái sinh lãi suất đồng thời điều chỉnh chính sách lãi suất cập nhật theo biến động thị trường và theo chủ trương của NHNN. Ngoài ra, Ngân hàng thường xuyên rà soát hệ thống chính sách, nâng cấp công cụ về quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, quản lý rủi ro thanh khoản đảm bảo nhận diện, đo lường, kiểm soát hiệu quả rủi ro tiềm ẩn.

Cơ cấu nguồn vốn ổn định của Ngân hàng cũng được cải thiện đáng kể với sự gia tăng của vốn điều lệ, nguồn vốn trung, dài hạn...Ngân hàng cũng rất chú trọng trong việc thực hiện đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP) đảm bảo quản lý vốn an toàn, hiệu quả thông qua việc sử dụng các công cụ mô hình tính toán hiện đại.

Năm 2022, Ngân hàng triển khai thành công dự án Basel III. Việc triển khai Basel III tạo khung quản trị rủi ro vững chắc và khẳng định tính minh bạch trong các hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, cũng bổ sung thêm nền tảng bền vững giúp hoạt động kinh doanh của Ngân hàng phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn chiến lược sắp tới, đặc biệt trong năm 2023, một năm rất đặc biệt đối với Lienvietpostbank khi ngân hàng kỷ niệm 15 năm hình thành và phát triển.

PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN (PCRT)

Năm 2022, Ngân hàng tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung của khung công tác về phòng, chống rửa tiền/tài trợ khủng bố và phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trong đó chú trọng triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin (áp dụng chính thức cấu phần KYC của hệ thống phòng, chống rửa tiền, triển khai ứng dụng Transaction Screening) để nâng cao hiệu quả tuân thủ và phòng ngừa rủi ro rửa tiền/tài trợ khủng bố cho Ngân hàng.

Hoạt động đào tạo, cảnh báo về phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố tiếp tục được triển khai trên toàn Ngân hàng nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức, trách nhiệm của các cán bộ, nhân viên trong công tác phòng chống tội phạm, phòng chống rửa tiền/ tài trợ khủng bố.

Bên cạnh công tác giám sát thường xuyên, năm 2022, hoạt động thanh toán quốc tế và giao dịch online được Ngân hàng chú trọng tăng cường rà soát nhằm phát hiện, ngăn chặn và có biện pháp phòng ngừa kịp thời các rủi ro liên quan đến vận chuyển tiền trái phép qua biên giới và lừa đảo qua phương tiện điện tử - một trong các hoạt động phạm tội được ghi nhận gia tăng đột biến trong thời gian qua.

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của nền kinh tế nói chung cũng như của Lienvietpostbank nói riêng.

ĐỊNH HƯỚNG TRONG QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2023

Trong năm 2023 công tác quản lý rủi ro sẽ tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới nhằm: (i) Nâng cấp và hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro; (ii) Đầu tư phát triển các công cụ cảnh báo sớm rủi ro và (iii) Đáp ứng các thay đổi của Luật phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, (iv) Hướng tới phát triển bền vững trong hoạt động tại Ngân hàng; (v) Tăng cường kiểm soát các hoạt động trọng yếu/tiềm ẩn nhiều rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo sớm rủi ro.

Để giảm thiểu rủi ro tập trung, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh phát triển cho vay nhỏ lẻ, nông nghiệp nông thôn; cho vay hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, tham gia chuỗi giá trị liên kết; phát triển các sản phẩm dịch vụ để gia tăng tỷ trọng doanh thu phi tín dụng; đồng thời kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT giao thông; thực hiện cho vay bằng ngoại tệ theo chủ trương của Chính phủ.

Năm 2023, Ngân hàng đặt mục tiêu hoàn thiện khung năng lực quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố và tái cơ cấu khung công tác về phòng, chống rửa tiền/tài trợ khủng bố nhằm đáp ứng theo các thay đổi của pháp luật về phòng chống rửa tiền. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh tiến độ và hoàn thành các dự án trọng điểm khác như: Nâng cấp hệ thống PCRT, đánh giá an toàn bảo mật công nghệ thông tin,... góp phần nâng cao hiệu quả và năng lực quản trị của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, với mục tiêu tích hợp hệ thống quản trị rủi ro về môi trường – xã hội vào khung quản trị rủi ro, Ngân hàng dự kiến sẽ tập trung nguồn lực để triển khai dự án liên quan đến phát triển bền vững trong năm 2023.

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Mặc dù, nền kinh tế toàn cầu có dấu hiệu suy thoái và thị trường tài chính có nhiều biến động nhưng hoạt động kinh doanh của Lienvietpostbank vẫn có những bước tiến vững chắc và đạt kết quả rất tốt. Năm 2022, các chỉ tiêu kinh doanh đều có sự tăng trưởng cao, đặc biệt lợi nhuận tăng 56%, hoàn thành vượt 19% kế hoạch năm. Ngân hàng đã phát huy tối đa các thế mạnh sẵn có để đẩy mạnh bán lẻ, phát triển các hoạt động dịch vụ, đồng thời luôn linh hoạt, chủ động đưa ra các biện pháp triển khai phù hợp với các diễn biến của thị trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả.

DƯ NỢ TÍN DỤNG

235.767 TỶ ĐỒNG
TĂNG **12,8%** **so với 2021**

Dư nợ tín dụng tăng trưởng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nông nghiệp nông thôn và các lĩnh vực ưu tiên khác được khuyến khích phát triển theo chủ trương của Chính phủ. Trong quá trình triển khai, Lienvietpostbank luôn chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu tín dụng tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng bán lẻ, tăng trưởng bán lẻ chiếm tỷ trọng 65% trong tổng tăng trưởng tín dụng của năm 2022.

Song song với việc thúc đẩy kinh doanh, Ngân hàng vẫn thực hiện triển khai các chính sách hỗ trợ cho khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 để khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, nhiều khách hàng đã hồi phục sản xuất, tăng trưởng trở lại và đã trả được nợ cho Ngân hàng, góp phần tăng thu nhập lãi năm 2022.

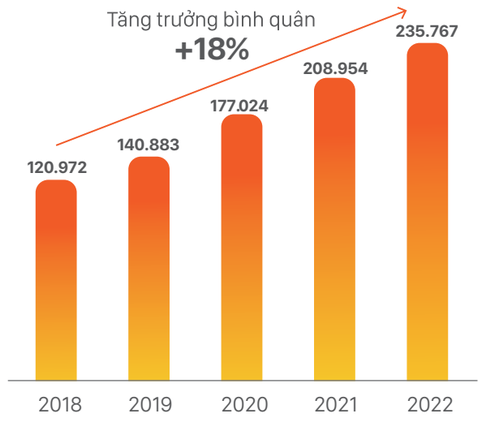

HUY ĐỘNG TT1

250.936 TỶ ĐỒNG
TĂNG **15,6%** **so với 2021**

Với thế mạnh mạng lưới điểm giao dịch rộng khắp các tỉnh/thành phố, Lienvietpostbank đã huy động được nguồn vốn nhàn rỗi từ dân cư với tỷ trọng huy động khách hàng cá nhân chiếm 65% tổng tiền gửi, đồng thời tăng trưởng bán lẻ chiếm 70% tổng tăng trưởng huy động vốn năm 2022. Ngân hàng cũng đưa ra các chính sách lãi suất huy động phù hợp để cân đối tốc độ tăng trưởng huy động tương xứng với tăng trưởng tín dụng nhằm tối đa hiệu quả sử dụng nguồn.

Hoạt động tăng vốn cấp 2 vẫn được triển khai trong năm 2022, từ đó góp phần tăng quy mô vốn tự có, tăng tỷ trọng huy động trung dài hạn, các tỷ lệ đảm bảo an toàn luôn duy trì ở mức tốt, đáp ứng quy định của Ngân hàng Nhà nước, đặc biệt là nâng cao hệ số an toàn vốn CAR.

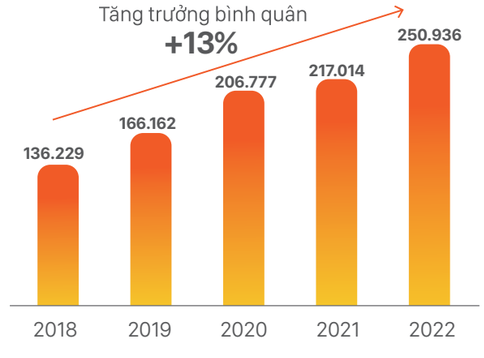

THU THUẦN DỊCH VỤ

1.662 TỶ ĐỒNG
TĂNG GẦN **94%** **so với 2021**

Hoạt động dịch vụ năm 2022 đã có kết quả thực hiện rất tốt, góp phần tăng tỷ trọng thu nhập phi tín dụng. Ngân hàng rất chú trọng phát triển nhiều mảng hoạt động dịch vụ như: Thẻ, Ngân hàng số, Thanh toán, Bảo hiểm,... bằng nhiều chương trình thúc đẩy, chính sách ưu đãi cho khách hàng và đặc biệt là luôn nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ để phù hợp với nhiều phân khúc khách hàng.

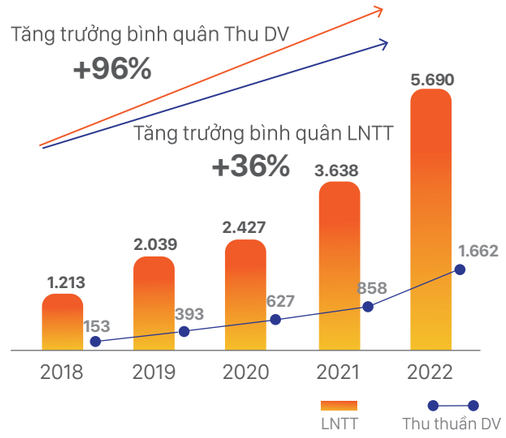

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

5.690 TỶ ĐỒNG
TĂNG **56%** **so với 2021**

Lợi nhuận hoàn thành kế hoạch lợi nhuận cả năm sau 09 tháng hoạt động và đến 31/12/2022 đạt 5.690 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt 19% kế hoạch năm.

Ngân hàng đã triển khai đồng bộ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên kênh Ngân hàng Số và kênh mạng lưới truyền thống từ đó đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng mọi lúc mọi nơi. Thế mạnh mạng lưới đã hỗ trợ rất lớn cho Ngân hàng trong việc phát triển các dịch vụ Ngân hàng Số, nhờ đó số lượng khách hàng tăng trưởng mạnh và đem lại hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng do đã bán chéo được nhiều sản phẩm, dịch vụ.

Năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, Ngân hàng đã triển khai linh hoạt nhiều giải pháp để ổn định tình hình hoạt động và nỗ lực để hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh. Kết thúc năm, các chỉ tiêu sinh lời của Ngân hàng tăng lên đã cho thấy hiệu quả từ các biện pháp đã triển khai và kết kinh doanh tăng trưởng tốt, cụ thể: Biên lãi thuần (NIM) tăng hơn 0,4% đạt 3,96%; ROAA tăng 0,38% đạt 1,46%; ROAE tăng 3,6% đạt 22,08%; đồng thời chỉ số CIR của Ngân hàng đạt 37,5% thấp hơn nhiều so với năm 2021 do đã tối ưu hóa quản lý chi phí hoạt động.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng tài sản	242.342.951	289.193.879	327.745.847	13,33%
Doanh thu	19.593.134	23.141.046	29.741.327	28,52%
Thuế và các khoản phải nộp	248.948	230.687	878.161	280,67%
Lợi nhuận trước thuế	2.426.553	3.638.018	5.689.681	56,40%
Lợi nhuận sau thuế	1.861.908	2.873.248	4.510.253	56,97%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Đánh giá
1. Quy mô vốn				
Vốn điều lệ	10.746.389	12.035.905	17.291.054	
Tổng tài sản có	242.342.951	289.193.879	327.745.847	
Tỷ lệ an toàn vốn	10,81%	11,26%	12,36%	Tuân thủ quy định
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh số cho vay	165.556.591	202.108.411	285.735.526	
Doanh số thu nợ	129.436.100	169.979.065	259.211.147	
Nợ quá hạn	3.843.644	4.864.444	6.993.244	Mặc dù nền kinh tế có nhiều biến động nhưng Ngân hàng vẫn kiểm soát được tỷ lệ nợ xấu nằm trong ngưỡng dưới 1,5%. Lienvietpostbank nằm trong nhóm những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu tương đối thấp.
Nợ khó đòi	2.527.349	2.863.454	3.426.818	
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%	0,00%	
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,17%	2,33%	2,97%	
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	1,43%	1,37%	1,45%	
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	14,79%	11,54%	16%	
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày				
- VND	77,80%	67,56%	140,58%	
- Ngoại tệ	-18,32%	157,83%	35,18%	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN:

Tổng số cổ phần (tại thời điểm 31/12/2022): 1.729.105.369 cổ phần

Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.609.981.588 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 119.123.781 cổ phần (căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng, Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật).

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn	*1*	*140.501.644*	*8,13*
- Cổ đông còn lại	*65.473*	*1.588.603.725*	*91,87*
Phân loại theo loại hình			
- Cổ đông cá nhân	*65.346*	*1.397.143.298*	*80,80*
- Cổ đông tổ chức	*128*	*331.962.071*	*19,20*
Phân loại theo quốc tịch			
- Cổ đông trong nước	*65.197*	*1.642.758.305*	*95,00*
- Cổ đông nước ngoài	*277*	*86.347.064*	*5,00*
Phân loại theo sở hữu Nhà nước			
- Cổ đông Nhà nước	*1*	*140.501.644*	*8,13*
- Các cổ đông khác	*65.473*	*1.588.603.725*	*91,87*
Tổng cộng	65.474	1.729.105.369	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tổng số cổ phiếu phát hành trong năm 2022: **525.514.895** cổ phần.

- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động Lienvietpostbank:
  - Số cổ phần đã phân phối: **34.995.849** cổ phần
  - Số cổ đông được phân phối: **6.512** cổ đông
- Phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng:
  - Số cổ phần đã phân phối: **264.999.670** cổ phiếu
  - Số cổ đông được phân phối: **33.205** cổ đông
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021:
  - Số cổ phần đã phân phối: **225.519.376** cổ phiếu
  - Số cổ đông được phân phối: **62.316** cổ đông
- Các đợt tăng vốn:

Đợt tăng năm	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2008	3.300.000.000.000	3.300.000.000.000	Thành lập	NHNN
2009	350.000.000.000	3.650.000.000.000	Chào bán ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
2011	2.000.000.000.000	5.650.000.000.000	Chuyển đổi 2.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành ra công chúng năm 2010	NHNN và UBCKNN
2011	360.000.000.000	6.010.000.000.000	Sáp nhập Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện	Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Tài chính, NHNN và UBCKNN
2012	450.000.000.000	6.460.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam	Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Tài chính, NHNN và UBCKNN
2018	1.039.994.280.000	7.499.994.280.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	NHNN và UBCKNN
2019	1.381.446.670.000	8.881.440.950.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017; Chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu	NHNN và UBCKNN
2020	888.042.240.000	9.769.483.190.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN và UBCKNN
2020	976.905.960.000	10.746.389.150.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	NHNN và UBCKNN
2021	1.289.515.590.000	12.035.904.740.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	NHNN và UBCKNN
2022	349.958.490.000	12.385.863.230.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	NHNN và UBCKNN
2022	2.649.996.700.000	15.035.859.930.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN và UBCKNN
2022	2.255.193.760.000	17.291.053.690.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	NHNN và UBCKNN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:

Hoạt động phát hành Giấy tờ có giá của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt

Trải qua gần 15 năm hoạt động và phát triển, Ngân hàng đã có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động phát hành Giấy tờ có giá, bao gồm: Trái phiếu chuyển đổi, Trái phiếu tăng vốn cấp 2, Trái phiếu phát hành riêng lẻ, Chứng chỉ tiền gửi và luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết.

Trong năm 2022, Ngân hàng đã phát hành thành công gần 16.000 tỷ đồng Trái phiếu và Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng Bưu điện Liên Việt có kỳ hạn từ 1 đến 10 năm, theo đó tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/12/2022 là hơn 35.000 tỷ đồng.

KIỂM SOÁT NGUỒN VỐN
LINH HOẠT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIỀN TỆ

Do tác động của tình hình kinh tế thế giới, sự thay đổi trong chính sách điều hành của NHNN và một loạt sự kiện trên thị trường tài chính trong nước dẫn đến nhiều biến động đối với hoạt động tiền tệ trên thị trường liên ngân hàng năm 2022. Giai đoạn nửa đầu năm 2022, thanh khoản thị trường khá ổn định và nguồn vốn khá dồi dào. Bước sang nửa cuối năm 2022 thị trường liên ngân hàng gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố: nguồn vốn thiếu hụt (bắt nguồn từ tốc độ tăng trưởng huy động chậm hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống), liên tiếp xảy ra các sự kiện gây tác động tiêu cực đến thanh khoản và tâm lý thị trường. Điều này dẫn đến hệ quả là mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh lên mức 7 – 8%/ năm, các tổ chức tín dụng hạn chế giao dịch vì tiềm ẩn rủi ro nợ xấu...

Mặc dù thị trường liên ngân hàng có nhiều biến động nhưng Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã xác định đúng mục tiêu và kiên trì theo đúng định hướng đã đặt ra trong từng giai đoạn. Ngân hàng đã sử dụng linh hoạt các kênh huy động vốn trên thị trường tiền tệ để đáp ứng nhu cầu nguồn vốn ngắn hạn, hoàn thành các mục tiêu đặt ra từ đầu năm: đảm bảo thanh khoản của toàn hệ thống tại mọi thời điểm (đặc biệt trong bối cảnh thanh khoản thị trường hết sức khó khăn, có thời điểm gần như đóng băng); duy trì dự trữ bắt buộc theo đúng quy định của NHNN và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động. Trong nửa đầu năm 2022, Ngân hàng đã tận dụng nguồn vốn huy động với chi phí thấp từ thị trường liên ngân hàng để phục vụ nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn, từ đó tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng. Đến nửa cuối năm 2022, để phù hợp với tình hình thực tế, mục tiêu bảo đảm thanh khoản của hệ thống được đặt lên hàng đầu. Nhờ sử dụng linh hoạt các loại hình giao dịch và mở rộng mối quan hệ với nhiều đối tác, trong năm 2022 thanh khoản của Ngân hàng luôn được bảo đảm, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt luôn là một thành viên tích cực trên thị trường liên ngân hàng với số lượng và doanh số giao dịch tăng mạnh so với năm 2021 (tốc độ tăng trưởng số lượng và doanh số giao dịch lần lượt là hơn 60% và 76%).

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được của năm 2022, trong năm 2023, Ngân hàng sẽ tiếp tục thúc đẩy hoạt động trên thị trường tiền tệ, sử dụng linh hoạt nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn của Ngân hàng song song với việc đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nâng tầm hình ảnh của Ngân hàng trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ VÀ CÁC SẢN PHẨM PHÁI SINH

Trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, Ngân hàng luôn là thành viên tích cực và là nhà tạo lập thị trường hàng đầu của thị trường. Trong năm 2022, với kết quả giao dịch ấn tượng, Ngân hàng tiếp tục nằm trong danh sách đề cử cho 02/02 giải thưởng danh giá cho Nhà tạo lập thị trường giao dịch ngoại tệ hoán đổi (FX SWAP) của VBMA.

Năm 2022, Ngân hàng đã triển khai nhiều biện pháp và chương trình thúc đẩy bán, hỗ trợ Đơn vị kinh doanh và khách hàng cùng vượt qua các rào cản từ đại dịch Covid-19, bám sát diễn biến thị trường và giảm thiểu ảnh hưởng từ những biến động bất lợi trên thị trường quốc tế. Tính đến hết tháng 12/2022, lợi nhuận từ mua/bán ngoại tệ phân khúc Khách hàng doanh nghiệp của các Đơn vị kinh doanh đạt 47,2 tỷ VND, vượt 51,94% kế hoạch, tăng 39,64% so với cùng kỳ năm 2021.

Sang năm 2023, Ngân hàng tiếp tục đặt mục tiêu đảm bảo thanh khoản ngoại tệ của toàn hệ thống, theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời tư vấn, hỗ trợ Đơn vị kinh doanh và khách hàng, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận tốt cho Ngân hàng, tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong và tích cực trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN NỢ

Một trong những hoạt động nổi bật của Ngân hàng trong năm 2022 là việc phát hành thành công gần 1.900 tỷ VND trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng, đây là các trái phiếu có kỳ hạn 07 năm và 10 năm với lãi suất thả nổi, và hơn 14.000 tỷ VND Giấy

tờ có giá riêng lẻ cho các đối tác trên thị trường liên ngân hàng. Thành công này không chỉ làm tăng quy mô vốn tự có, cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR) mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã chủ động đẩy mạnh hoạt động đầu tư Giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng trong năm 2022. Hoạt động đầu tư được đa dạng hóa trên cơ sở tận dụng cơ hội của thị trường và xu hướng lãi suất để cơ cấu lại danh mục đầu tư, tối đa hóa lợi nhuận gắn liền với kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất. Danh mục đầu tư Giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng phát hành của Ngân hàng được phân bổ tương đối đồng đều và đa dạng về kỳ hạn, lãi suất và chủ thể phát hành; tổng danh mục đầu tư Giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (không bao gồm Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh) tại thời điểm 31/12/2022 đạt hơn 10.000 tỷ VND. Ngân hàng tiếp tục khẳng định được vai trò và vị thế trên thị trường, đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt đối với các đối tác trong hệ thống tài chính ngân hàng.

Với những nỗ lực và kết quả đã đạt được trong năm 2022, Ngân hàng đã duy trì ổn định hoạt động đầu tư/phát hành Giấy tờ có giá trong bối cảnh thị trường nhiều khó khăn và thách thức, tạo tiền đề hỗ trợ cho sự tăng trưởng trở lại của hoạt động này trong năm 2023 khi thị trường hồi phục.

CHIẾN LƯỢC BÁN LẺ HIỆU QUẢ

MẢNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN – TẬN DỤNG VỊ THẾ CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ

Năm 2022, tận dụng vị thế lớn tại các tỉnh, đặc biệt là khu vực nông thôn, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm truyền thống như: Cho vay Phát triển Nông Nghiệp Nông Thôn; Cho vay Sản Xuất Kinh Doanh; Cho vay nhà đất; Cho vay Hưu trí, Cho vay Tổ liên kết... Nhờ đó toàn hệ thống dễ dàng tăng trưởng hết room tín dụng do Ngân hàng Nhà nước cấp dù thị trường có nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất vay vốn cho khách hàng nhằm mục đích khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng sau giai đoạn dịch bệnh.

Đối với mảng huy động vốn KHCN, có thể khẳng định năm 2022 là một năm lột xác chuyển mình mạnh mẽ với tổng tăng trưởng đạt 23.940 tỷ, tương đương 270% cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức tăng trưởng lớn nhất từ trước tới nay của Ngân hàng. Toàn hàng tập trung tổng lực vào công tác huy động vốn từ Hội sở tới ĐVKD. Theo đó, Hội sở liên tục triển khai các chiến dịch thúc đẩy bán hàng, các chương trình thi đua. Đặc biệt, hội nghị kinh doanh về huy động vốn được triển khai đồng bộ tại 7 khu vực trên toàn hệ thống. Các CBBH tại ĐVKD thay vì chỉ phục vụ khách hàng tại quầy thì đã chủ động tìm kiếm KH tiềm năng từ nhiều kênh. Không chỉ bộ phận kế toán ngân quỹ mà tất cả các phòng ban đều đồng lòng triển khai tiếp thị huy động vốn. Các chương trình roadshow, phát tờ rơi, tư vấn trực tiếp tại những địa bàn đông dân cư... đã đem lại hiệu quả rõ rệt trong việc tăng trưởng huy động vốn và phát triển khách hàng mới.

CHO VAY

117.203 TỶ ĐỒNG

(Bao gồm Thẻ tín dụng)

KHÁCH HÀNG CHO VAY

350.108 KH

HUY ĐỘNG KHCN

141.604 TỶ ĐỒNG

MẢNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP – PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH BỀN VỮNG

Trong năm 2022, mảng KHDN vẫn tiếp tục phát triển ổn định và bền vững. Theo đó công tác kiểm soát nợ xấu được tập trung thực hiện kết hợp tăng cường cung cấp đa dịch vụ cho khách hàng. Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19, Ngân hàng luôn nỗ lực đồng hành cùng khách hàng doanh nghiệp với ba nhóm trọng tâm: các KHDN hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất. Kết thúc năm 2022, tổng dư nợ cho vay đối với KHDN đạt 118.564 tỷ đồng.

HUY ĐỘNG	CHO VAY	KHÁCH HÀNG
109.385 TỶ ĐỒNG	**118.564** TỶ ĐỒNG	**24.394** KHDN

DỊCH VỤ THU HỘ, CHI HỘ

Với mạng lưới rộng lớn bao phủ khắp các tỉnh/thành phố trên toàn quốc, Ngân hàng đã và đang tập trung đẩy mạnh các dịch vụ thu chi hộ. Việc đẩy mạnh dịch vụ thu hộ giúp người dân có thể thanh toán hóa đơn và nộp Ngân sách nhà nước (NSNN)... dễ dàng hơn thông qua nộp tiền trực tiếp tại các điểm giao dịch của Ngân hàng, đồng thời từng bước giúp người dân, đặc biệt là người dân ở các vùng nông thôn làm quen với việc thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các ứng dụng thanh toán hóa đơn trực tuyến. Đặc biệt dịch vụ Thu hộ NSNN là một trong các dịch vụ trọng tâm giúp thu đúng, đủ, kịp thời NSNN đồng thời giảm thiểu tối đa thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí mang lại sự thuận tiện và hài lòng cho khách hàng.

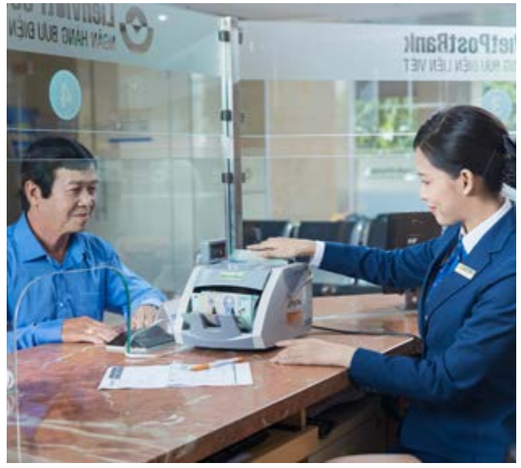

CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ KHCN - ĐỘT PHÁ CỦA NĂM 2022

Năm 2022, sản phẩm Chuyển tiền quốc tế dành cho KHCN được tập trung đẩy mạnh tạo ra những con số ấn tượng. Lợi nhuận từ mua bán ngoại tệ và thu phí dịch vụ là 72,32 tỷ, hoàn thành 109% kế hoạch. Năm 2022, công tác "phổ cập kiến thức" về sản phẩm Chuyển tiền quốc tế đã được tổ chức một cách bài bản, nghiêm túc. Hiệu quả mang lại đã được phản ánh rất rõ nét vào kết quả kinh doanh năm 2022 của 95 ĐVKD toàn hệ thống.

Sản phẩm chuyển tiền quốc tế đã góp phần tạo "cú hích" đối với mảng dịch vụ bán lẻ tại Lienvietpostbank. Sản phẩm giúp thay đổi tư duy bán hàng của đơn vị kinh doanh thể hiện thông qua việc lực lượng bán hàng biết cách bán chéo nhiều sản phẩm, dịch vụ khác ngoài các sản phẩm chính như tín dụng, huy động, bảo hiểm... ĐVKD cũng đã chủ động tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu khách hàng kỹ hơn, thấu hiểu hơn để từ đó đề xuất các giải pháp tài chính, gói sản phẩm phù hợp.

BẢO HIỂM NHÂN THỌ VƯỢT QUA GIỚI HẠN – BỨT PHÁ THÀNH CÔNG

LINH HOẠT – SÁNG TẠO TRONG KHÓ KHĂN

Năm 2022, giai đoạn giãn cách do dịch bệnh Covid là giai đoạn vô cùng khó khăn đối với công tác bán BHNT do sản phẩm BHNT là sản phẩm đặc thù cần có vai trò tư vấn trực tiếp của cán bộ bán hàng với KH. Tuy vậy, trong hoàn cảnh khó khăn lại xuất hiện rất nhiều cách làm sáng tạo từ chính ĐVKD. Các khóa đào tạo online được triển khai linh hoạt qua Zoom để nâng cao kỹ năng bán hàng cho CBNV. Các hình thức tư vấn không tiếp xúc trực tiếp và các bài viết chia sẻ ý nghĩa nhân văn của bảo hiểm được các cán bộ bán hàng thực hiện qua các kênh như Zalo, Viber, Facebook... Dịch bệnh khiến KH luôn cảm thấy bất an về sức khỏe và tài chính nên giai đoạn này là thời điểm vàng để các cán bộ bán hàng tích cực tư vấn ý nghĩa và giá trị nhân văn của BHNT tới KH. Ngay sau khi hết lệnh giãn cách, các chương trình huấn luyện, các lớp đào tạo tập trung được tổ chức theo từng vùng/miền giúp nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng bán hàng cho cán bộ nhân viên. Công tác giám sát, quy trình hướng dẫn tư vấn bán hàng, quy trình giải quyết khiếu nại được ban hành kịp thời để CBNV nắm vững và chủ động trong công tác triển khai kinh doanh và hỗ trợ khách hàng.

DOANH SỐ

792 TỶ ĐỒNG

TĂNG **28%** **SO VỚI** 2021

TƯ VẤN BÁN HÀNG TỪ TÂM

Đặc biệt, tinh thần bán hàng có trách nhiệm – bán hàng từ tâm luôn được đề cao để những cán bộ bán bảo hiểm có thể tư vấn đúng và đủ cho từng nhu cầu và hoàn cảnh của KH. Nhờ đó ngày càng nhiều CBNV cũng như KH thêm tin yêu vào giá trị nhân văn của sản phẩm BHNT. Rủi ro là điều không ai muốn nghĩ đến nhưng khi xảy ra thì khoản tài chính mà KH được chi trả đã làm vơi bớt đi phần nào gánh nặng cả về tinh thần lẫn vật chất cho gia đình.

Tính đến tháng 12/2022 đã có 1.320 khách hàng được giải quyết quyền lợi bảo hiểm với tổng giá trị bồi thường là 85 tỷ đồng. Nhiều gia đình đã được chia sẻ bớt khó khăn khi người thân không may gặp rủi ro. Nhờ vậy, con em của khách hàng vẫn được đi học, các khoản chi tiêu sinh hoạt hàng ngày vẫn được duy trì đảm bảo...

BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM - TỐI ƯU NGUỒN LỰC

Thành công này không chỉ đến từ nỗ lực, quyết tâm của toàn hệ thống, mà còn đến từ việc kịp thời xây dựng, điều chỉnh phương án kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ (BHPNT) phù hợp với thực tế từng thời kỳ. Trong đó phải kể đến chính sách đa dạng hóa sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu từ chỗ chỉ triển khai các sản phẩm bảo hiểm (SPBH) bắt buộc sang đẩy mạnh khai thác các sản phẩm bảo hiểm tự nguyện. Đó là các sản phẩm như Bảo hiểm Tín dụng An khang, Bảo hiểm Sức khỏe, Bảo hiểm Xe máy... dành cho khách hàng tiền gửi, khách hàng tiền vay, khách hàng mở tài khoản, khách hàng mở thẻ, khách hàng vãng lai...

Có thể nói, BHPNT trong năm 2022 đã có sự chuyển mình thành công theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu đa dạng của tất cả các đối tượng Khách hàng. Các sản phẩm BHPNT cũng được thiết kế với tính nhân văn cao, ngoài việc hạn chế rủi ro cho Ngân hàng trong việc thu hồi dư nợ khoản vay còn chú trọng vào việc đảm bảo quyền lợi cho khách hàng khi xảy ra rủi ro. Khoản tài chính được bảo vệ giúp KH vơi bớt nỗi đau khi trụ cột gia đình không may gặp rủi ro. Trong năm 2022, đã có hơn 100.000 Khách hàng tin tưởng lựa chọn tham gia các sản phẩm BHPNT tại Lienvietpostbank. Trong đó có 3.250 khách hàng đã được chi trả quyền lợi bảo hiểm với tổng số tiền chi trả hơn 50 tỷ đồng.

Thành công của việc đa dạng hóa các sản phẩm BHPNT đã cho thấy sự đúng đắn trong việc tối ưu hóa nguồn lực kinh doanh của Ngân hàng trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành. Đồng thời cung cấp được nhiều sản phẩm dịch vụ phù hợp, ý nghĩa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng.

PHÍ DỊCH VỤ

ĐẠT **112%** **KẾ HOẠCH**

TĂNG **39%** **SO VỚI** 2021

CHUYỂN ĐỔI SỐ
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN TỤC VÀ TOÀN DIỆN

> Trong hành trình 15 năm phát triển, Lienvietpostbank tự hào là Ngân hàng tiên phong đầu tư vào chiến lược số hóa toàn diện và bài bản cho các phân khúc khách hàng khác nhau. Tiếp tục giữ vững thế chủ động đó, năm 2022, Lienvietpostbank tập trung thúc đẩy các sản phẩm, dịch vụ cốt lõi của Ngân hàng Số như: liên tục đầu tư và cải tiến hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp các giải pháp bảo mật trong thanh toán, phát triển các hình thức thanh toán không tiếp xúc, đồng thời cập nhật thêm các tính năng tiện ích mới trên nền tảng Ngân hàng Số Lienviet24h, hướng tới trọng tâm là mang lại sự tiện lợi và trải nghiệm số hiện đại cho khách hàng, tiến gần hơn mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam – Ngân hàng của mọi người.

SỐ HÓA HÀNH TRÌNH TRẢI NGHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG

Số hóa hành trình trải nghiệm khách hàng được cho là yếu tố then chốt để "chạy đường dài" trong cuộc đua chuyển đổi số của ngân hàng. Bên cạnh đó, khách hàng sử dụng kênh số còn đòi hỏi nhu cầu về sự tiện lợi, cá nhân hóa dịch vụ. Lienvietpostbank tự hào là Ngân hàng tiên phong trong chuyển đổi số, sẵn sàng bắt nhịp nhanh với các xu hướng công nghệ, đặc biệt là dịch vụ Ngân hàng Số thông qua ứng dụng Lienviet24h. Tối ưu hóa hành trình trải nghiệm của khách hàng, Lienviet24h mang đến những tiện ích vượt trội về mở tài khoản, giao dịch hoàn toàn trực tuyến với độ an toàn và bảo mật cao. Chỉ bằng thao tác "chạm" trên ứng dụng, người dùng có thể dễ dàng mở tài khoản thanh toán trực tuyến dựa trên phương thức định danh khách hàng điện tử eKYC mà không cần phải đến quầy giao dịch. Các thủ tục được đơn giản và "số hóa" một cách nhanh chóng, tích hợp các dịch vụ lựa chọn tài khoản số đẹp theo nhu cầu của khách hàng.

Năm 2022 cũng là năm thành công của nền tảng Ngân hàng Số Lienviet24h khi hỗ trợ đa nền tảng, giúp khách hàng quản lý sản phẩm tài chính đồng bộ, liền mạch trên các kênh: website (Lienviet24h.vn), ứng dụng di động (ứng dụng Lienviet24h) với đầy đủ và đa dạng các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng Số: Quản lý tài khoản, mở tài khoản thanh toán online, thông báo biến động số dư, định danh bằng CCCD gắn chip; Giao dịch và chuyển tiền hoàn toàn miễn phí; Thanh toán bằng mã QR; Thanh toán hóa đơn điện, nước, viễn thông, truyền hình, phí bảo hiểm, viện phí; Nạp tiền, gửi tiền, rút tiền tiết kiệm, vay tiền trực tuyến; Dịch vụ thẻ, và trả góp linh hoạt. Bên cạnh các sản phẩm và dịch vụ được coi là thế mạnh và cốt lõi của Ngân hàng Số, Lienviet24h còn chú trọng tích hợp với các nền tảng số khác để cung cấp và gia tăng thêm nhiều tiện ích cho khách hàng như: Mua sắm trực tuyến, đặt vé máy bay, tàu xe, phòng khách sạn, vé xem phim; ủy thác thanh toán, quà tặng...

Sự tối ưu và toàn năng của nền tảng Ngân hàng Số Lienviet24h không chỉ bắt kịp được xu hướng thay đổi của thị trường và hành vi khách hàng mà còn giúp tối ưu chi phí, đóng góp vào kết quả kinh doanh vượt chỉ tiêu của toàn hàng với tổng số dư huy động tiết kiệm online qua Lienviet24h/Ví Việt trong năm 2022 là **25.565** tỷ đồng, phát triển mới **824.561** người dùng, tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch năm 2022 đạt **111,2%**. Lũy kế toàn hệ thống có **4,4 triệu** người dùng Lienviet24h/Ví Việt, **41,2 triệu** giao dịch được thực hiện với tổng giá trị giao dịch **669.833 tỷ đồng**.

Năm 2022 cũng đánh dấu bước đầu hoạt động thành công của Phòng giao dịch số thông minh (PGD số) - một trong những bước đi cụ thể hóa chiến lược số hóa toàn hệ thống của Ngân hàng trong 10 năm (2018 – 2028). Hiện nay, PGD số áp dụng công nghệ bảo mật tiên tiến, độ an toàn cao, mang lại nhiều trải nghiệm cho khách hàng với 100% thủ tục được số hóa như nhận diện khách hàng bằng camera AI, tự động xếp hàng chờ giao dịch với Smart Queue, đăng ký dịch vụ hoàn toàn bằng Smart Form mà không cần đến bất kỳ giấy tờ thủ tục nào. Để rút ngắn thời gian nhận diện khách hàng trong thời gian chỉ 05 giây và hoàn tất các thủ tục đăng ký cho khách hàng, PGD số đã tích hợp vô số công nghệ tiên tiến hiện nay như: Trí tuệ nhân tạo, Nhận diện khuôn mặt, Nhận diện giả mạo, lừa đảo.

Việc dẫn đầu các kênh thanh toán không dùng tiền mặt cũng trở thành chiến lược phát triển của Lienvietpostbank. Ngân hàng thể hiện được khả năng vượt trội trong mảng thẻ tín dụng khi số lượng thẻ phát hành mới năm 2022 tăng trưởng 32% so với số lượng thẻ phát hành năm 2021 (năm 2022 phát hành 114.545 thẻ, năm 2021 phát hành 86.524 thẻ). Nhờ lợi thế số hóa và chiến lược kinh doanh thẻ hiệu quả của Khối Ngân hàng Số, đã đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm 2022 với **328.113** thẻ các loại đã được kích hoạt, trong đó có **113.495** thẻ tín dụng quốc tế, **23.085** thẻ ghi nợ quốc tế, **191.533** thẻ ghi nợ nội địa. Tính riêng số lượng thẻ tín dụng được phát hành là **114.515** thẻ và **113.495** thẻ tín dụng được kích hoạt, vượt kế hoạch **113,5%**. Quy trình phát hành thẻ tín dụng cũng đang được Lienvietpostbank thay đổi theo hướng số hóa, phát hành thẻ ảo và cấp hạn mức trước cho các khách hàng sử dụng thường xuyên các dịch vụ của Ngân hàng.

Với hoạt động kinh doanh thẻ, Lienvietpostbank liên tục cho ra mắt nhiều dòng sản phẩm thẻ và ứng dụng công nghệ để vận hành tự động sản phẩm, dịch vụ trên các hệ thống từ nội bộ đến phục vụ khách hàng, rút ngắn thời gian xử lý và gia tăng trải nghiệm cho khách hàng. Với tính năng tự động cập nhật hạn mức thẻ ngay khi thanh toán dư nợ thẻ tín dụng và tính năng đăng ký dịch vụ trích nợ tự động, khách hàng sẽ hoàn toàn chủ động lựa chọn thanh toán tối thiểu hoặc thanh toán toàn bộ từ tài khoản thanh toán ngay trên ứng dụng Lienviet24h mà không phải lo trễ hạn.

Bên cạnh đó, Lienvietpostbank luôn chú trọng nâng cấp hệ thống bảo mật, tối ưu hệ thống thanh toán và mang lại sự an tâm cho khách hàng bằng việc bổ sung tính năng thanh toán dư nợ thẻ theo số Card ID; nâng cấp hệ thống bảo mật 3D Secure 2.0 cho các loại thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế; triển khai hình thức xác nhận giao dịch thanh toán online (eCom) qua SMS OTP của thẻ nội địa.

Ngoài việc chú trọng nâng cao tiện ích, chất lượng dịch vụ, Lienvietpostbank đẩy mạnh các hoạt động triển khai Digital Marketing để quảng bá các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng qua các kênh: Social Media Marketing, Video Viral, Affiliate Marketing và tích cực triển khai các chương trình ưu đãi dành cho các khách hàng mới và khách hàng hiện hữu khi chi tiêu như: hoàn tiền khi chi tiêu, tặng lượt chơi golf, miễn phí sử dụng dịch vụ phòng chờ sân bay hạng thương gia, cùng các chương trình khuyến mại kết hợp với các đối tác VISA, JCB, NAPAS, Tiki, Shopee... Riêng với các dòng thẻ cao cấp, khách hàng cũng nhận được những đặc quyền riêng như: rút tiền mặt bằng 50% hạn mức tín dụng tại hơn 2 triệu ATM có biểu tượng Visa/JCB trên toàn thế giới; được tham gia dịch vụ trả góp với lãi suất ưu đãi 0% tại hàng nghìn điểm chấp nhận thanh toán có liên kết với Ngân hàng.

Kết thúc năm, Lienvietpostbank ghi nhận sự bứt phá ngoạn mục trong hoạt động kinh doanh các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng Số và Thẻ đồng thời gặt hái được các thành tựu khi liên tiếp nhận các giải thưởng lớn. (Vui thông xem chi tiết Danh mục Giải thưởng tại trang16-17).

MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023

Với định hướng trở thành ngân hàng dẫn đầu về nền tảng số, Lienvietpostbank nhất quán trong chủ trương và định hướng phát triển các giải pháp nâng cao tính năng và tiện ích thanh toán trên nền tảng số, tinh giản trong quy trình giao dịch, thanh toán và tập trung tối ưu hóa trải nghiệm cá nhân cho khách hàng. Một số dự án đang xây dựng và sắp tới triển khai như sau:

- Phát triển mạnh Mobile Payment, tích hợp thanh toán Tap to Pay với Google Pay, Apple Pay. Cung cấp dịch vụ "Một chạm" qua thiết bị di động để thanh toán hàng hóa dịch vụ, thanh toán không tiếp xúc, không dùng tiền mặt, bảo đảm sự an toàn bảo mật cho khách hàng.
- Xây dựng một hệ sinh thái toàn diện với các đối tác viễn thông, trung gian thanh toán, nông nghiệp, bán lẻ, bảo hiểm..., để cung cấp "Cửa hàng một điểm đến" cho các tiện tích Ngân hàng – Bảo hiểm – Tài chính phục vụ cho các nhu cầu quản lý tài chính của khách hàng.
- Triển khai mạnh sản phẩm Thẻ ảo, giúp giảm thời gian phát hành thẻ cho khách hàng và cung cấp dịch vụ nhanh chóng. Khách hàng có thể thỏa sức mua sắm online ngay lập tức mà không cần chờ đợi thẻ cứng đến tay.
- Xây dựng hệ thống Loyalty cho tất cả các sản phẩm dịch vụ Thẻ và Ngân hàng số, giúp Ngân hàng đánh giá nhu cầu và thói quan tiêu dùng của khách hàng, qua đó bán chéo các sản phẩm tài chính như cho vay, huy động, bảo hiểm, đầu tư,...
- Xây dựng và hiện thực hóa chiến lược "Đại dương xanh" cho khu vực nông thôn:
  - Thông qua việc cung cấp trực tiếp các sản phẩm dịch vụ tài chính của Ngân hàng đến tận tay người dân như Thẻ tín dụng nội địa nông thôn nhằm cung cấp cơ hội cho người dân tiếp cận nguồn vốn dễ dàng cho những khoản vay tiêu dùng nhỏ lẻ, dịch vụ thanh toán văn minh, hiện đại, góp phần lành mạnh hóa thị trường tài chính vi mô, hạn chế và đẩy lùi nạn tín dụng đen trên địa bàn nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó, người dân có thể rút tiền qua hệ thống POS tại các Phòng Giao dịch Bưu điện tại thôn, xã và tiêu dùng, thanh toán với lãi suất thấp.
  - Bên cạnh đó, triển khai các chương trình huy động thông qua Tổ huy động, vay vốn nông thôn bằng cách cung cấp các dịch vụ về quản lý dòng tiền, huy động, tín dụng trên ứng dụng Lienviet24h cho các Tổ trưởng đóng vai trò là điểm cung cấp các dịch vụ tài chính cho người dân nông thôn đến tận làng xã.
  - Với chiến lược khai thác nhóm khách hàng khu vực nông thôn, Lienvietpostbank đẩy mạnh các chương trình tiếp thị phù hợp để gia tăng lượng khách hàng mở tài khoản Lienviet24h định danh trực tuyến eKYC, phát triển các khoản vay, quỹ tín dụng và quản lý dòng tiền hiệu quả cho khách hàng.

- Phát triển và xây dựng những gói sản phẩm với ưu đãi dành cho khách hàng doanh nghiệp như các gói ủy thác thanh toán lương, gói combo ưu đãi; cung cấp các dịch vụ như quản lý dòng tiền, chuyển tiền theo lô, thanh toán đa dạng dịch vụ (điện, nước, thuế...), tiết kiệm, tích hợp nhiều tiện ích như mở tài khoản trực tuyến, mở tài khoản số đẹp, xác thực chữ ký số, giao dịch và quản lý tài chính cùng với sự hỗ trợ 24/7 từ tổng đài chăm sóc khách hàng với mục tiêu đem lại trải nghiệm an toàn và mang lại sự tiết kiệm, hiệu quả cho doanh nghiệp.
- Số hóa việc cấp hạn mức thấu chi, phát hành thẻ tín dụng online trên các kênh số Internet Banking/Mobile Banking doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NỔI BẬT NĂM 2022

Xác định chuyển đổi số là xu hướng tất yếu đối với hoạt động Ngân hàng, hàng loạt các dự án công nghệ đã được triển khai thành công

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

STT	Nhóm dự án	Kết quả thực hiện
1	Các dự án Hạ tầng	Hoàn thành: 28 gói / Đang thực hiện: 18 gói
2	Các dự án An ninh thông tin	Hoàn thành: 1 gói / Đang thực hiện: 1 gói
3	Các gói bảo hành bảo trì và gia hạn bản quyền phần mềm	Hoàn thành: 29 gói / Đang thực hiện: 3 gói
4	Các dự án triển khai hệ thống phần mềm	Hoàn thành: 2 gói / Đang thực hiện: 10 gói

CÁC DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NĂM

STT	Tên dự án/hoạt động	Nội dung	Kết quả đạt được
1	EA - Enterprise Architechture	Thực hiện dự án Tư vấn kiến trúc doanh nghiệp số do đối tác IBM tư vấn.	Xây dựng bản lộ trình Chuyển đổi số (CĐS) trước mắt trong khoảng thời gian 5 năm với 22 dự án nền tảng để Ngân hàng từng bước thực hiện lộ trình chuyển đổi thành Kiến trúc doanh nghiệp số.
2	Basel III và IFRS 9	Triển khai chuẩn mực quản trị rủi ro Basel III và báo cáo tài chính IFRS 9.	Hoàn thành triển khai đồng thời Basel III và IFRS 9 – hai chuẩn mực quản trị rủi ro và báo cáo tài chính khắt khe trong lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới.
3	Ma trận truy cập CoreBanking theo chức danh trên Hr/AD	- Ban hành ma trận phân quyền truy cập của hệ thống Ngân hàng lõi (CoreBanking). - Triển khai xác thực Mật khẩu AD + OTP cho tất cả user Ngân hàng và Bưu cục trên Corebanking.	Hạn chế được rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
4	Uniform	Thí điểm Dự án Uniform – Giao diện hợp nhất cho 9 CN/PGD và là cơ sở để dự án golive toàn hàng vào tháng 01/2023.	Xây dựng được giao diện chung cho các giao dịch tại quầy, rút ngắn quy trình và thao tác nghiệp vụ. Kết quả triển khai thí điểm tại 9 CN/PGD là cơ sở để dự án golive toàn hàng vào tháng 01/2023.
5	Phần mềm Quản lý bán bảo hiểm	Phối hợp với Khối Sản phẩm và các đơn vị liên quan xây dựng phần mềm quản lý bán Bảo hiểm.	Tạo ra 1 kênh bán hàng hiệu quả từ khâu tự động hóa quy trình đến quản lý cơ hội bán hàng, chăm sóc khách hàng, kiểm soát doanh số.
7	Bảo mật 3DS EMV 2.0	Triển khai dự án nâng cấp hệ thống bảo mật 3DS EMV 2.0 cho giao dịch trực tuyến thẻ VISA, Mastercard, JCB.	Phối hợp với Ngân hàng Số và đối tác triển khai dự án nâng cấp hệ thống bảo mật 3DS EMV 2.0 cho giao dịch trực tuyến thẻ VISA, Mastercard, JCB theo đúng kế hoạch của tổ chức thẻ quốc tế VISA, Mastercard ngay trên Mobile App.
8	Hệ thống Kiosk điện tử	- Thực hiện dự án Kiosk điện tử và phần mềm quản lý tập trung LCD. - Thực hiện dự án Lắp đặt đồng bộ hệ thống màn hình LCD tại HO & ĐVKD.	- Nâng cao hiệu quả tiếp thị tại mặt tiền trụ sở ĐVKD. - Hình ảnh quảng cáo chuyên nghiệp. - Nội dung truyền thông được quản lý tập trung, đồng bộ từ hội sở.

Trong năm 2022, Ngân hàng đã ký kết hợp tác với IBM triển khai thành công dự án xây dựng "Kiến trúc doanh nghiệp số (Enterprise Architecture-EA)" được xem như là bản "Quy hoạch thành phố" giúp xây dựng một kế hoạch chiến lược để triển khai Chiến lược Số của Ngân hàng với sự phối hợp, gắn kết đồng bộ, chặt chẽ giữa Nghiệp vụ và CNTT, đưa các năng lực số vào trong kiến trúc CNTT nhằm mang lại các giá trị kinh doanh với độ linh hoạt cao, cách thức làm việc mới. Đặt nền tảng cho hành trình đạt đến Ngân hàng nhận thức thông minh thông qua chuyển đổi số.

Lợi ích **"Kiến trúc doanh nghiệp số"** mang lại cho Lienvietpostbank

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2023-2027

Tiếp nối hành trình chuyển đổi số, giai đoạn 2023-2027, Lienvietpostbank định hướng đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số là một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh tổng thể với mục tiêu, lộ trình thực hiện như sau:

MỤC TIÊU

Số hóa, chuyển đổi số vươn lên đạt mức Tốt.

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

Triển khai theo từng giai đoạn và dần mở rộng cho đến khi đạt được mục tiêu. Sau mỗi giai đoạn sẽ có phân tích, đánh giá để kịp thời đưa ra những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại Ngân hàng.

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Về công tác tổ chức

Đi theo hướng tư vấn của IBM, Ngân hàng thay đổi về mặt mô hình tổ chức bằng việc xây dựng tách biệt 2 cơ cấu sau:

- **Run the bank:** Mục đích để quản trị, vận hành, phát triển đối với các hệ thống CNTT hiện có (đảm bảo cho Ngân hàng vẫn hoạt động ổn định).
- **Transform the bank:** Thành lập văn phòng Chuyển đổi số (DTO) độc lập để triển khai các dự án đổi mới, nâng cao sự ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, vận hành & kinh doanh.

Về lộ trình thực hiện:

Lộ trình triển khai tập trung cho 6 nhóm trụ cột chính, bao gồm:

- **Trụ cột 1:** Bộ 3 hệ thống lõi CoreBanking, Thẻ & Lienviet24h được coi là "xương sống" trong chiến lược chuyển đổi số của Ngân hàng. Đảm bảo vận hành ổn định thông suốt luôn là nhiệm vụ trọng tâm, cùng với đó là thực hiện nâng cấp hệ thống để mang đến dịch vụ tốt hơn cho khách hàng và thúc đẩy sự phát triển của Ngân hàng
- **Trụ cột 2:** Số hóa & Tự động hóa quy trình điều hành, vận hành & trải nghiệm khách hàng.

  Theo dõi và tự động hoá các quy trình kinh doanh bằng cách sử dụng hệ thống Quản lý Quy trình Kinh doanh (BPM), công cụ Theo dõi Hoạt động Kinh doanh (BAM) và Tự động hoá Quy trình bằng Robot (RPA). Cải thiện quy trình bằng tính năng AI trong các giải pháp tự động hóa để tăng hiệu quả hoạt động và gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- **Trụ cột 3:** Hồ dữ liệu DataLake

  Cho phép Ngân hàng thu thập lượng lớn dữ liệu có cấu trúc/phi cấu trúc theo lô (batch) hoặc gần thời gian thực để có kết quả phân tích tốt hơn và trở thành ngân hàng ra quyết định dựa trên dữ liệu. DataLake là nền tảng cho phép Ngân hàng nâng cao năng lực dự đoán giúp có được sự thấu hiểu về khách hàng, quản trị, thu hút khách hàng và quản lý lợn nhuận tốt hơn.
- **Trụ cột 4:** Open API & Open Banking:

  Từng bước nâng cấp, chuyển đổi kết nối Ngân hàng với các đối tác thành open API & Microservices, hướng tới phát triển Open Banking API cho phép đối tác thứ 3 có thể truy cập vào dữ liệu ngân hàng dưới sự đồng ý của khách hàng nhằm giúp cộng đồng fintech tạo ra các dịch vụ và tăng nguồn thu cho ngân hàng.

  Xây dựng một hệ sinh thái toàn diện với các đối tác kiều hối, trung gian thanh toán, nông nghiệp, bán lẻ, bảo hiểm v..v để cung cấp "Cửa hàng một điểm đến" cung cấp các tiện tích Ngân hàng – Bảo hiểm – Tài chính phục vụ cho các nhu cầu quản lý tài chính của khách hàng.
- **Trụ cột 5:** Tổ chức, xây dựng, vận hành hệ thống CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế, công nghệ tiên tiến.

  Nghiên cứu áp dụng có chọn lọc theo lộ trình các tiêu chuẩn về quản lý, quản trị CNTT đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới đảm bảo phù hợp với mô hình hoạt động và văn hóa của tổ chức.
- **Trụ cột 6:** Nâng cao năng lực An ninh thông tin

  Tăng cường đầu tư, triển khai các giải pháp an ninh, bảo mật tương xứng với mức độ quan trọng và rủi ro của hệ thống thông tin nhằm đảm bảo an toàn thông tin.

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

LÀ MỘT TRONG CÁC NGÂN HÀNG TIÊN PHONG ÁP DỤNG CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ RỦI RO BASEL THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Trong năm 2022, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt công bố đáp ứng các chuẩn mực quản trị điều hành theo Basel III nhằm nâng cao chất lượng về vốn, năng lực tài chính và khẳng định vị thế của Ngân hàng. Bên cạnh việc triển khai và áp dụng Basel III, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt còn triển khai chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) nhằm tăng cường tính minh bạch về tài chính và nâng cao hiệu quả, an toàn trong hoạt động tiến tới các chuẩn mực tài chính quốc tế toàn diện. Ngân hàng Bưu điện Liên Việt vẫn sẽ tiếp tục triển khai các chuẩn mực quản trị tiên tiến theo thông lệ quốc tế, nhằm hội nhập sâu rộng vào thị trường vốn quốc tế và nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

Ngân hàng Bưu điện Liên Việt luôn thực hiện quản trị rủi ro một cách chặt chẽ, nghiêm túc tuân thủ tất cả các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Hệ số CAR luôn được duy trì ở mức cao hơn so với quy định của Ngân hàng Nhà nước đảm bảo sự an toàn, lành mạnh trong hoạt động, đáp ứng tốt các yêu cầu về vốn.

QUAN TÂM PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ TẠO SỰ GẮN BÓ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI NGÂN HÀNG

Công tác quản trị nhân sự là một trong những hoạt động luôn được Lienvietpostbank quan tâm để phát triển nguồn lực đủ về chất lượng và số lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đáp ứng các yêu cầu trong triển khai kinh doanh.

Năm 2022, số lượng học viên và các khóa đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến tiếp tục tăng lên so với năm 2021. Các tài liệu đào tạo, đề thi liên tục được cập nhật và đổi mới để đi sát với thực tế triển khai và tạo cho học viên sự hứng thú trong học tập, nâng cao kiến thức. Ngoài việc đào tạo các CBNV mới, Ngân hàng cũng liên tục có các khóa đào tạo chuyên sâu, nâng cao cho toàn bộ nhân sự. Nhờ đó, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao, đảm bảo trình độ về chuyên môn để mang đến cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ tốt nhất và sự tư vấn chính xác, hiệu quả nhất.

Lienvietpostbank cũng là một trong số các ngân hàng có văn hóa làm việc chuyên nghiệp và nề nếp nhất từ đó tạo cho CBNV tác phong làm việc năng động, tuân thủ nhưng luôn nhiệt huyết. Môi trường làm việc tạo sự minh bạch, tạo điều kiện cho nhân sự có năng lực thăng tiến, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Trong năm 2022, Ngân hàng đã có các điều chỉnh chính sách đối với người lao động theo hướng cạnh tranh, gắn chặt với hiệu quả công việc, quá trình đóng góp và cam kết của người lao động đối với ngân hàng. Điều này đã tạo ra tinh thần làm việc có tính tập thể, đoàn kết và tạo sự gắn kết nguồn nhân lực với Ngân hàng.

NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI ĐỂ SẴN SÀNG CHO MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Lienvietpostbank luôn quan tâm đầu tư hệ thống CNTT để đáp ứng yêu cầu đổi mới về sản phẩm, dịch vụ trong thời đại công nghệ 4.0 và chuyển đổi số. Ngân hàng đang làm việc với đối tác tư vấn IBM thực hiện dự án Tư vấn cấu trúc doanh nghiệp số để rà soát toàn bộ hệ thống CNTT. Trên cơ sở kết quả dự án, Lienvietpostbank sẽ thực hiện đầu tư CNTT theo chiến lược công nghệ dài hạn, triển khai công tác chuyển đổi số, số hóa hoạt động Ngân hàng một cách toàn diện từ quy trình vận hành nội bộ đến quy trình giao dịch với khách hàng.

Qua đó tiếp tục tối ưu hóa những lợi thế và thế mạnh sẵn có, để hướng tới hiệu quả cao hơn nữa đặc biệt trong giai đoạn tới khi số lượng khách hàng tăng lên nhanh chóng nhờ dịch vụ Ngân hàng Số.

Ngân hàng cũng đã triển khai nhiều dự án, giải pháp mới để cải tiến công nghệ trong nhiều mảng hoạt động, nâng cao năng suất lao động và phát triển nhiều tính năng, tiện ích trên ứng dụng Lienviet24h với công nghệ hiện đại nhất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh với các ứng dụng ngân hàng khác.

ĐIỀU HÀNH LINH HOẠT CÔNG TÁC CÂN ĐỐI VỐN VÀ CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT ĐỂ PHÙ HỢP VỚI TỪNG THỜI KỲ

Ngân hàng luôn thực thi các chính sách huy động theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước, điều tiết lãi suất phù hợp với từng thời kỳ để cân đối mức độ tăng trưởng nguồn vốn phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, sử dụng tối ưu hóa các nguồn vốn huy động.

Trong một số giai đoạn thị trường huy động gặp khó khăn, Lienvietpostbank vẫn tăng trưởng được huy động từ tập khách hàng bán lẻ, đặc biệt là khách hàng cá nhân do: (i) Mạng lưới hoạt động phủ khắp cả nước nên việc giao dịch với khách hàng có rất nhiều thuận lợi; (ii) Thương hiệu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tạo được uy tín trên thị trường và được khách hàng tin tưởng lựa chọn. Do đó, khả năng huy động bán lẻ của Ngân hàng rất tốt, luôn đảm bảo nguồn vốn phục vụ kinh doanh và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ, PHÁT TRIỂN SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

Trong năm 2022, nhiều ứng dụng Công nghệ thông tin đã được triển khai trong quá trình vận hành để góp phần rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng, tăng cường tính tự động trong các quy trình tác nghiệp. Việc sử dụng công nghệ để cải tiến quy trình là một trong các hoạt động Ngân hàng sẽ triển khai mạnh trong thời gian tới nhằm đem lại cho khách hàng sự trải nghiệm dịch vụ tốt nhất.

Chất lượng nhân sự cũng đã được nâng cao, đặc biệt là bộ phận bán hàng trực tiếp để thực hiện tư vấn, bán hàng bài bản theo đúng quy trình, quy định, đồng thời hỗ trợ khách hàng lựa chọn sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất với nhu cầu. Trong năm qua, Ngân hàng cũng triển khai chính sách miễn phí dịch vụ chuyển tiền, chương trình mở tài khoản số đẹp, phát triển hoạt động thanh toán qua ứng dụng LienViet24h với hệ sinh thái dịch vụ đa dạng,... Điều này đã góp phần tăng số lượng khách hàng, đặc biệt là khách hàng sử dụng dịch vụ Thẻ, Ngân hàng Số. Với tốc độ tăng số lượng khách hàng hiện tại, Ngân hàng sẽ có tập khách hàng rất lớn trong vài năm tới và có thể khai thác, bán chéo nhiều sản phẩm, dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

KIỆN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lienvietpostbank tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các Khối/Phòng như: Khối Ngân hàng số, Khối CNTT, Trung tâm kinh doanh Bảo hiểm... theo hướng chuyên môn hóa, phù hợp với định hướng chiến lược và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch được mở rộng thêm 5 điểm so với năm 2021 để phát triển hoạt động bán lẻ trên địa bàn nông thôn, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro. Đối với các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy định sản phẩm dịch vụ, Ngân hàng thường xuyên rà soát, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ quy định pháp lý và giản lược các bước nhằm tăng năng suất lao động chung.

ĐỊNH HƯỚNG, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2023

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN BÁN LẺ TRÊN CƠ SỞ KHAI THÁC THẾ MẠNH MẠNG LƯỚI RỘNG LỚN

Là một trong những ngân hàng TMCP có quy mô mạng lưới lớn nhất tại Việt Nam với 561 điểm giao dịch Ngân hàng (đến 31/12/2022) và quyền khai thác các điểm giao dịch bưu điện trải rộng đến địa bàn cấp huyện trên cả nước, Lienvietpostbank có nhiều lợi thế trong việc thâm nhập phát triển thị trường bán lẻ tại từng khu vực vùng sâu, vùng xa. Trên cơ sở thế mạnh đó, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển tập khách hàng nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn, đặc biệt chú trọng phát triển tại những vùng kinh tế còn nhiều khó khăn, hỗ trợ giảm thiểu tình trạng "tín dụng đen" trong bối cảnh dư địa bán lẻ còn nhiều tiềm năng; tăng cường bán chéo các sản phẩm dịch vụ đặc biệt là các sản phẩm công nghệ tới khu vực nông thôn.

ĐẢM BẢO NGUỒN VỐN TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH, BỀN VỮNG TRÊN CƠ SỞ LINH HOẠT CÂN ĐỐI NGUỒN NHẰM GIA TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG

Ngân hàng linh hoạt trong cân đối nguồn vốn để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn, trên cơ sở đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng. Theo đó, Ngân hàng sẽ thường xuyên phân tích, đánh giá các tác động từ thị trường tới hoạt động kinh doanh và xây dựng các kịch bản kinh doanh hàng tháng để từ đó đưa ra chính sách lãi suất, sản phẩm phù hợp theo từng thời kỳ.

KIỆN TOÀN BỘ MÁY TỔ CHỨC ĐỂ PHÙ HỢP HƠN VỚI HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng tiếp tục triển khai đẩy mạnh công tác kiện toàn bộ máy nhằm gia tăng chuyên môn hóa trong từng mảng dịch vụ, giảm thiểu thời gian vận hành, tối ưu hóa chi phí trên cơ sở tinh gọn bộ máy theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và phù hợp với định hướng kinh doanh.

Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp tục chú trọng rà soát các quy định, quy trình vận hành từ Hội sở đến các ĐVKD để thường xuyên cập nhật phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và nâng cao năng suất lao động, theo đó góp phần rút ngắn thời gian thực hiện công việc, tăng cường tính tự động trong các quy trình tác nghiệp và đặc biệt phát triển sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao để gia tăng sự trải nghiệm cho khách hàng.

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ RỦI RO ĐÁP ỨNG TỐT QUY ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Trong năm 2022, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã hoàn thành Chuẩn mực quản trị rủi ro Basel III, theo đó Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh áp dụng Chuẩn mực này vào thực tiễn trong các năm tới, nhằm tạo khung quản trị rủi ro vững chắc và khẳng định tính minh bạch trong các hoạt động cũng như bổ sung thêm nền tảng bền vững giúp hoạt động kinh doanh phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn chiến lược sắp tới.

Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nhiều giải pháp như: (i) xây dựng nhiều lớp kiểm soát theo chiều sâu, tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các lớp kiểm soát, đảm bảo công tác kiểm soát thông suốt tại tất cả các cấp từ Hội sở đến từng ĐVKD; (ii) tổ chức các lớp đào tạo nhận diện rủi ro cho cán bộ nhân viên, theo đó nâng cao vai trò giám sát của từng vòng kiểm soát để tăng cường và phát hiện rủi ro sớm, trên cơ sở đó hạn chế những tổn thất có thể xảy ra.

ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG TRONG VẬN HÀNH NỘI BỘ VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Ngân hàng tiếp tục đặt mục tiêu Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, dựa trên các cơ sở: (i) Làm chủ về công nghệ, thúc đẩy số hóa và chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động vận hành và trong quy trình giao dịch với khách hàng; (ii) Xây dựng hệ sinh

thái tài chính số toàn diện (bao gồm hệ sinh thái thanh toán không dùng tiền mặt), hỗ trợ phát triển tài chính vi mô; (iii) Hợp nhất trải nghiệm khách hàng trên cả kênh online và offline; (iv) Tập trung phát triển thêm các tính năng giao dịch nhằm tăng khả năng cạnh tranh của ứng dụng Lienviet24h trên thị trường.

Việc đẩy mạnh phát triển Ngân hàng Số cùng hệ thống mạng lưới rộng khắp cả nước sẽ tạo nên sự cộng hưởng giúp Lienvietpostbank phát triển bền vững và đóng góp thêm vào kết quả kinh doanh trong các năm tới từ đó ngày càng khẳng định vị thế, uy tín của Ngân hàng trên thị trường.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Trong năm 2023, Ngân hàng tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ, thường xuyên tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm nhằm hỗ trợ các cán bộ nhân viên mới dễ dàng nắm bắt và triển khai công việc. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng thường xuyên rà soát, xem xét và điều chỉnh nhân sự cho phù hợp với năng lực, kinh nghiệm nhằm nâng cao năng suất lao động. Xây dựng cơ chế lương thưởng và chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích các cán bộ nhân viên phát huy hết khả năng sáng tạo, tăng năng suất lao động, và ổn định công tác.

ĐA DẠNG HÓA NGUỒN DOANH THU, TĂNG THU NHẬP TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI TÍN DỤNG

Ngân hàng chú trọng phát triển và đẩy mạnh các dịch vụ trọng tâm thông qua các chương trình, chính sách cạnh tranh để khuyến khích khách hàng ưu tiên sử dụng các dịch vụ của Lienvietpostbank. Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn quan tâm nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng thông qua việc phát triển kỹ năng tư vấn, kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự để mang đến cho khách hàng các trải nghiệm tốt nhất khi sử dụng dịch vụ của Lienvietpostbank.

Năm 2023, các phần mềm công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý khách hàng và phục vụ chuyên sâu các nhóm dịch vụ trọng tâm như Thẻ, Ngân hàng Số, Bảo hiểm sẽ được triển khai. Đây là công cụ tự động để hỗ trợ đội ngũ bán hàng nắm bắt sát sao các nhu cầu, thói quen tiêu dùng, khả năng tài chính của khách hàng để từ đó thiết kế các sản phẩm phù hợp với từng khách hàng. Với mục tiêu tăng số lượng sản phẩm bán chéo trên mỗi khách hàng, nguồn thu từ các dịch vụ phi tín dụng sẽ tăng lên góp phần chuyển dịch tỷ trọng thu nhập phi tín dụng trong cơ cấu nguồn thu của Ngân hàng.

QUYẾT LIỆT TRONG CÔNG TÁC THU HỒI NỢ XẤU

Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn bằng nhiều biện pháp như đôn đốc khách hàng trả nợ, thu giữ tài sản, khởi kiện, thi hành án, trong đó chú trọng thu hồi các nhóm có khả năng thu hồi cao. Đồng thời thực hiện rà soát, đánh giá lại thực trạng các khoản nợ đã được cơ cấu của những khách hàng bị ảnh hưởng của Covid-19 để có biện pháp phân loại, xử lý hiệu quả, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp theo đúng quy định của NHNN.

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Năm 2022 là một năm kinh tế thế giới có nhiều biến động, kinh tế trong nước đã có sự phục hồi nhưng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, cùng với sự quyết tâm và tinh thần trách nhiệm, ngành ngân hàng nói chung và Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (Lienvietpostbank) nói riêng đã góp phần tích cực vào quá trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Để đạt được kết quả đó là nhờ sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Ngân hàng cùng sự chung tay, đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên Lienvietpostbank.

Xác định được những thách thức, trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Điều hành và có những quyết sách đúng đắn, kịp thời để đồng hành và hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành các kế hoạch đã đặt ra. Ban Điều hành cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết, luôn bám sát kế hoạch và mục tiêu, đồng thời linh hoạt trong công tác điều hành và sâu sát trong quản lý, nhờ đó Lienvietpostbank đã đạt được kết quả khả quan, hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã giao phó. Một số kết quả cụ thể Lienvietpostbank đã đạt được trong năm 2022:

- Tính đến ngày 31/12/2022, tổng tài sản của Ngân hàng đạt gần 328.000 tỷ đồng (tăng 13% so với năm 2021), huy động thị trường 1 đạt hơn 250.900 tỷ đồng và cho vay thị trường 1 đạt hơn 235.700 tỷ đồng. Đặc biệt là lợi nhuận lũy kế của Ngân hàng đã vượt kế hoạch cả năm khi đạt hơn 5.600 tỷ đồng, đây là mức cao nhất trong 14 năm hoạt động của Ngân hàng.
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, năm 2022, Lienvietpostbank đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ thông qua các đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó vốn điều lệ của Lienvietpostbank tăng từ 12.035.904.740.000 đồng tại thời điểm đầu năm 2022 lên 17.291.053.690.000 đồng tính đến cuối năm. Việc tăng quy mô vốn điều lệ giúp nâng tầm thương hiệu và giá trị của Lienvietpostbank đối với các nhà đầu tư và trên thị trường tài chính.
- Năm 2022, Lienvietpostbank đã được nhận giải thưởng "Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á 2022", đây là giải thưởng lớn và uy tín do Enterprise Asia – Tổ chức phi chính phủ hàng đầu khu vực về kinh doanh tổ chức thường niên trên 14 quốc gia và thị trường trong khu vực Châu Á. Ngoài ra Lienvietpostbank còn nhận được 05 giải thưởng lớn về kinh doanh thẻ quốc tế; Ngân hàng dẫn đầu về doanh số chi tiêu thẻ tín dụng 2021; Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số thẻ tín dụng năm 2021; Ngân hàng dẫn đầu về số lượng thẻ Platinum tích lũy 2021; Ngân hàng dẫn đầu về phát hành thẻ mới năm 2021; Ngân hàng dẫn đầu về số lượng thẻ ghi nợ tích lũy 2021.

Ngoài mục tiêu phát triển hoạt động kinh doanh, Lienvietpostbank vẫn luôn duy trì phương châm hoạt động "Gắn xã hội trong kinh doanh". Hằng năm, Lienvietpostbank vẫn tài trợ cho các hoạt động liên quan đến học tập, y tế, an sinh xã hội, tài trợ cho những vùng gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh. Cụ thể năm 2022, Lienvietpostbank đã tài trợ hàng chục tỷ đồng cho công tác cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học, tài trợ cho Quỹ vì người nghèo, tài trợ xây nhà tình nghĩa, xây nhà cho những người nghèo khổ. Ngoài ra, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt cũng tài trợ cho các công trình tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình tưởng niệm các anh hùng có công với đất nước.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022 với việc hoàn thành dự án Tư vấn Chiến lược chuyển đổi số với IBM, triển khai thành công Basel III, Lienvietpostbank đã sẵn sàng bước vào giai đoạn tới với quyết tâm đổi mới toàn hệ thống và triển khai quyết liệt từ Hội sở đến ĐVKD để đạt được các kế hoạch đưa ra. Trên cơ sở đó, Ngân hàng sẽ tạo lập vị thế mới, xứng đáng với tiềm lực thực tế và trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu trên thương trường.

Với tầm nhìn đó, Hội đồng Quản trị định hướng một số chiến lược trọng tâm trong các năm tới cụ thể như sau:

- Thực hiện chuyển đổi số, số hóa hoạt động Ngân hàng: Triển khai toàn diện Chuyển đổi số, số hóa hoạt động ngân hàng để đạt được quy trình vận hành tinh gọn, gia tăng trải nghiệm khách hàng, bổ sung các giải pháp chuyên biệt cho từng nhóm/phân khúc khách hàng chuyên sâu, đảm bảo cho phát triển kinh doanh trên nền tảng số một cách thông minh, hiệu quả và khác biệt. Việc triển khai sẽ thực hiện sâu rộng đồng bộ, chuyên nghiệp từ nâng cấp hạ tầng công nghệ, tối ưu hóa quy trình, triển khai tự động hóa, liên thông và cá nhân hóa cho toàn bộ các dịch vụ ngân hàng của Lienvietpostbank.
- Đẩy mạnh bán lẻ đặc biệt tập trung trên địa bàn nông thôn: Mục tiêu của Lienvietpostbank số 1 về Ngân hàng TMCP Bán lẻ tại thị trường nông thôn. Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cho vay nông nghiệp nông thôn, cho vay tiêu dùng… ưu tiên cấp tín dụng theo danh mục tín dụng xanh.
- Tái cấu trúc ngân hàng theo hướng hỗ trợ tốt nhất cho phát triển kinh doanh: Xây dựng mô hình hoạt động linh hoạt, tinh gọn để đảm bảo hoạt động vận hành tốc độ nhanh nhưng vẫn an toàn, tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và đầy đủ các chốt kiểm soát.
- Tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động phi tín dụng trong Tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tỷ lệ bán chéo sản phẩm trên 01 khách hàng, từ đó tăng thu nhập từ các sản phẩm: Thanh toán, Ngân hàng số, Thu hộ Chi hộ, bảo lãnh, kinh doanh ngoại tệ, bảo hiểm…
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị rủi ro quyết liệt xử lý nợ xấu: Lienvietpostbank thường xuyên nâng cấp hệ thống kiểm tra, giám sát để phù hợp với thực tế triển khai và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế cao nhất. Song song với đó, Ngân hàng thực hiện quy trình cảnh báo sớm các hoạt động tiềm ẩn rủi ro và quyết liệt xử lý nợ quá hạn, nợ xấu để nâng cao chất lượng tài sản.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng có kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng tốt thông qua chính sách về tuyển dụng, đào tạo từ Hội sở đến ĐVKD. Ngân hàng cũng xây dựng chính sách đãi ngộ nhân sự hợp lý để phát huy tối đa nguồn lực CBNV, giữ chân nhân sự tốt.

CHƯƠNG 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vui lòng xem BCTN trang 18-19.

CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Ủy ban Nhân sự**

  Quyết định các vấn đề về nhân sự trong phạm vi thẩm quyền được phân công.

  Thẩm định để trình HĐQT phê duyệt, quyết định các vấn đề theo phân quyền về nhân sự vượt thẩm quyền của Ủy ban.

  Nghiên cứu, tham mưu, tư vấn giúp HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Ban Điều hành công ty; ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ đối với Ban Điều hành, các cán bộ, nhân viên; quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công tác nhân sự của Ngân hàng.

  Đầu mối tổ chức việc nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện các dự án chiến lược về cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ngân hàng để tham mưu, đề xuất HĐQT về việc xây dựng các chiến lược, chính sách về quản trị, phát triển nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức.

- **Ủy ban Quản lý rủi ro**

  Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược rủi ro, tổ chức chỉ đạo việc xây dựng và thông qua các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng; Thực hiện phê duyệt, quyết định các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

  Phân tích, đưa ra cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn và dài hạn.

  Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy định, chính sách quản trị rủi ro hiện hành để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT.

- **Ủy ban Phòng chống rửa tiền**

  Tham mưu cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược liên quan phòng chống rửa tiền, đảm bảo phù hợp với chiến lược kinh doanh, các quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, về công tác phòng, chống rửa tiền trong toàn hệ thống ngân hàng; trong công tác quản lý, giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách của Ngân hàng về phòng, chống rửa tiền.

  Nghiên cứu, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro liên quan đến phòng, chống rửa tiền trong ngắn hạn và dài hạn.

  Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy định, chính sách phòng chống rửa tiền hiện hành để đưa ra khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT.

CÁC HOẠT ĐỘNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và theo các quy định của Pháp luật. Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 04 cuộc họp HĐQT định kỳ và quyết định gần 700 vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản. Các quyết định của HĐQT thông qua để giải quyết các vấn đề liên quan đến định hướng phát triển hoạt động, xây dựng hệ thống, quản lý, giám sát hoạt động của Ban Điều hành, nâng cao vị thế, uy tín của Lienvietpostbank trên thị trường tài chính...

Về hoạt động của các thành viên HĐQT, từng thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể dựa trên nguyên tắc phát huy thế mạnh của từng thành viên, tạo sức mạnh trí tuệ tập thể để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đề ra. Từng thành viên HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, luôn sát sao với mảng công việc được phân công phụ trách, hỗ trợ kịp thời Ban Điều hành giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Thành viên HĐQT độc lập ngoài thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định có liên quan của Ngân hàng còn chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc Ban điều hành và các đơn vị liên quan thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Thành viên HĐQT độc lập luôn đưa ra ý kiến đảm bảo tính khách quan, độc lập, vì mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Ngân hàng.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Vui lòng xem BCTN trang 20

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên BKS, đồng thời thường xuyên lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội ý thảo luận, quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật. Công việc giám sát của Ban Kiểm soát được triển khai cụ thể như sau:

- **Giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông**

  Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành Ngân hàng và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT và Tổng Giám đốc.

  Giám sát việc tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động, phân loại tài sản có, trích lập dự phòng, tái cơ cấu hoạt động; giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu như huy động vốn, sử dụng vốn, trạng thái ngoại hối, chất lượng tín dụng, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng…

  Giám sát hoạt động Ngân hàng qua tiếp nhận thông tin về quản trị, điều hành Ngân hàng thông qua các nghị quyết, quy chế, quy trình, quy định, chỉ thị, công văn, báo cáo, thông báo… của HĐQT, Tổng Giám đốc.

- **Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

Ban Kiểm soát thường xuyên phối hợp với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình. BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban Điều hành. BKS cũng cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm soát của BKS.

Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hoạt động Ngân hàng.

- **Hoạt động khác của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tham gia thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2021 và Báo cáo Tài chính bán niên năm 2022, đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, phù hợp với chế độ kế toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Kiểm soát trực tiếp chỉ đạo và giám sát hoạt động Khối Kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm đảm bảo sát với thực tế hoạt động Ngân hàng.

Ban Kiểm soát thường xuyên rà soát quy định nội bộ về hoạt động của BKS và Kiểm toán nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ, mô hình tổ chức và thực tiễn hoạt động.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Vui lòng xem BCTN trang 157.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ *(Tính đến thời điểm 31/12/2022)*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng…)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	
1	Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch HĐQT	34.244.089	2.76	41.570.611	2,76	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
2	Phạm Doãn Sơn	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.875.754	1,85	27.770.021	1,85	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
3	Huỳnh Ngọc Huy	Phó Chủ tịch HĐQT	107.792	0,009	430.854	0,03	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
4	Dương Công Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT	158.117	0,013	191.946	0,013	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
5	Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT	91.825	0,007	211.374	0,014	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
6	Dương Hoài Liên	Thành viên HĐQT	0	0	100.000	0,006	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
7	Trần Thanh Tùng	Trưởng ban kiểm soát	99.444	0,008	220.720	0,015	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
8	Hồ Nam Tiến	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	106.935	0,009	466.813	0,031	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
9	Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc	16.257	0,001	453.257	0,03	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	
10	Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc	139.185	0,011	727.358	0,048	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
11	Bùi Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc	106.935	0,008	726.450	0,048	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
12	Kim Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	0	0	336.000	0,022	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
13	Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	117.605	0,01	949.438	0,06	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
14	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	13.819	0,001	113.819	0,007	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
15	Nguyễn Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc	0	0	236.000	0,016	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
16	Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	6.591	0,0001	306.591	0,02	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
17	Lê Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc	22.510	0,001	585.721	0,04	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
18	Vũ Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	68	0	236.068	0,016	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
19	Nguyễn Quý Chiến	Phó Tổng Giám đốc	33.416	0,003	440.565	0,029	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
20	Lê Anh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	53.590	0,004	559.869	0,037	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
21	Hoàng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	65.742	0,005	42	0	Bán
22	Hoàng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	42	0	236.042	0,016	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
23	Phạm Doãn Phú	Con ruột Ông Phạm Doãn Sơn - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	484.464	0,04	588.115	0,04	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
24	Nguyễn Xuân Thủy	Em trai Ông Nguyễn Đức Thụy – Chủ tịch HĐQT	1.810.480	0,15	80	0	Bán
25	Dương Tuyết Lan	Em ruột Bà Dương Hoài Liên – Thành viên HĐQT	0	0	163.330	0,010	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
26	Lê Vân Quỳnh	Em dâu Ông Bùi Thái Hà - Phó Tổng Giám đốc	1.162	0,0001	5.270	0,0004	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
27	Nguyễn Vân Hương	Con ruột Bà Nguyễn Thị Gấm - Phó Tổng Giám đốc	0	0	1.558	0,0001	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
28	Phạm Thị Thanh Thủy	Vợ Ông Bùi Thái Hà - Phó Tổng Giám đốc	1.917.424	0,159	2.369.078	0,16	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
29	Vũ Quốc Vinh	Em ruột Ông Vũ Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc	0	0	56.312	0,004	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
30	Hoàng Văn Hạnh	Anh ruột Ông Hoàng Văn Phúc - Phó Tổng Giám đốc	0	0	933	0,0001	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
31	Nguyễn Hồng Cường	Anh rể Ông Hoàng Văn Phúc - Phó Tổng Giám đốc	0	0	2.169	0,0002	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	
32	Nguyễn Việt Anh	Em trai Ông Phùng Thế Việt - Thành viên Ban kiểm soát	0	0	3,185	0,0001	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
33	Nguyễn Lan Anh	Chị ruột Bà Nguyễn Ánh Vân - Phó Tổng Giám đốc	20.049	0,001	40.533	0,0027	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
34	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Chị ruột Ông Nguyễn Quốc Thành - Phó Tổng Giám đốc	0	0	348.158	0,023	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
35	Nguyễn Hồng Nhung	Vợ Ông Phùng Thế Việt - Thành viên Ban kiểm soát	0	0	3.200	0,0003	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
36	Nguyễn Duy Cường	Bố vợ Ông Phùng Thế Việt - Thành viên Ban kiểm soát	0	0	1.938	0,0002	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
37	Bùi Thị Thanh Huyền	Chị dâu Ông Dương Công Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT	473.319	0,04	574.585	0,04	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
38	Dương Công Đoàn	Anh ruột Ông Dương Công Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT	12.663.741	1,05	25.373.148	1,69	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
39	Nguyễn Thị Nguyệt	Em dâu Ông Dương Công Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT	107.792	0,008	132.111	0,008	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
40	Dương Công Thắng	Em ruột Ông Dương Công Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT	63.983	0,005	77,672	0,005	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
41	Nguyễn Đức Ứng	Anh rể Bà Nguyễn Thị Gấm - Phó Tổng Giám đốc	63.079	0,005	89.966	0,005	Cổ tức và mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ
42	Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc	727.358	0,048	588.358	0,039	Bán
43	Đặng Minh Hoàng	Con ruột Bà Nguyễn Ánh Vân - Phó Tổng Giám đốc	0	0	139.000	0,009	Mua
44	Phạm Thị Thanh Thủy	Vợ Ông Bùi Thái Hà - Phó Tổng Giám đốc	2.369.078	0,158	1.942.578	0,129	Bán
45	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Chị ruột Ông Nguyễn Quốc Thành – Phó Tổng Giám đốc	400.381	0,023	286.798	0,017	Bán
46	Dương Công Đoàn	Anh ruột Ông Dương Công Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT	29.179.120	1,687	21.168.696	1,224	Bán

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Lienvietpostbank luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty, thực hiện đầy đủ và kịp thời việc Công bố thông tin đúng hạn Báo cáo quản trị công ty 6 tháng/cả năm và Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI LIENVIETPOSTBANK

Hiện nay, phát triển bền vững đang là chủ đề được quan tâm trên toàn cầu và Chính phủ Việt Nam cũng đã có các cam kết, hành động nhằm hướng tới sự phát triển bền vững gồm:

- Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 về việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Trong đó Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đặt ra mục tiêu ngay từ năm 2015, hoạt động tín dụng của ngành ngân hàng cần chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng; góp phần cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, đảm bảo sự phát triển bền vững;
- Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018 phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Theo đó đề án chiến lược hướng đến mục tiêu tăng cường nhận thức và trách nhiệm xã hội của hệ thống ngân hàng với việc bảo vệ môi trường, hướng dòng vốn tín dụng và việc tài trợ những dự án thân thiện với môi trường; Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành sổ tay quản trị rủi ro môi trường và xã hội cho 10 ngành kinh tế trong hoạt động cấp tín dụng;
- Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ 01/01/2022 đã thể hiện cam kết của Việt Nam đối với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Luật đặt ra khuôn khổ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai các chính sách liên quan nhằm bảo vệ môi trường thông qua dòng vốn đầu tư;
- Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030: xây dựng thể chế chính sách gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh;
- Thông tư số 17/2022/TT-NHNN về quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài môi trường xã hội đã được ban hành ngày 23/12/2022 nhằm phù hợp với yêu cầu của khoản 4, Điều 149 Luật bảo vệ môi trường "Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng" nhằm hướng đến mục tiêu tăng trưởng tín dụng xanh trên toàn hệ thống;
- Đặc biệt, việc ký Khung Chiến lược Hợp tác Phát triển bền vững với Liên Hợp Quốc vào ngày 11/08/2022 thể hiện sự quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ trong việc hướng tới phát triển bền vững tại Việt Nam.

Nhận thức định hướng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như vai trò của tổ chức tài chính trong việc điều phối các nguồn vốn xanh và tiên phong trong việc phát triển lĩnh vực tài chính bền vững, định hướng của Lienvietpostbank trong năm 2023 hướng tới nội dung chính sau: (i) Định hướng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo mô hình bán lẻ, đẩy mạnh tín dụng xanh và cho vay bán lẻ; (ii) Nâng cao vị thế trên thị trường; (iii) Đẩy mạnh phát triển dịch vụ; (iv) Tăng cường chuyển đổi số để nâng cao chất lượng hoạt động nội bộ và chất lượng dịch vụ cung cấp tới Khách hàng; (iv) Tăng cường công tác quản trị rủi ro; (v) Quản trị tốt chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động; (vi) Kiện toàn mô hình tổ chức và tăng cao năng suất lao động; (vii) Nâng cao năng lực, chất lượng nhân sự và xây dựng đội ngũ nhân sự nguồn cho hệ thống.

Đồng thời, Lienvietpostbank đã thành lập Tổ công tác chuyên trách về phát triển bền vững và thực hiện đầu tư nguồn lực trong năm 2023 để triển khai phát triển bền vững bài bản, có hệ thống và hiệu quả tại Ngân hàng.

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIENVIETPOSTBANK

Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của Lienvietpostbank công bố công khai các tác động kinh tế, môi trường và/hoặc xã hội của Ngân hàng trong quá trình hoạt động trên cơ sở đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với tiêu chuẩn GRI.

Tiêu chuẩn áp dụng	Nội dung báo cáo phát triển bền vững của Lienvietpostbank tham chiếu theo bộ tiêu chuẩn GRI của Tổ chức sáng kiến toàn cầu
Phạm vi báo cáo	Thông tin và dữ liệu báo cáo bao trùm toàn bộ các hoạt động của ngân hàng trong giai đoạn 01/01/2022 đến 31/12/2022 và đặc biệt tập trung vào các dấu ấn nổi bật về phát triển bền vững và các nét đặc trưng được xuyên suốt trong chiến lược và văn hóa doanh nghiệp tại Ngân hàng.
Nội dung báo cáo	Báo cáo phát triển bền vững là một nội dung trong báo cáo thường niên của Ngân hàng năm 2022. Do đó, báo cáo tập trung vào các nội dung chính sau: • Sự tham gia của các bên liên quan • Văn hóa doanh nghiệp • Thực hiện tiết kiệm và tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường • Báo cáo kết quả các chỉ tiêu xã hội • Báo cáo các chỉ tiêu Kinh tế • Kết quả triển khai các chương trình, dự án hướng tới phát triển bền vững tại Lienvietpostbank • Chương trình tín dụng bền vững • Báo cáo trách nhiệm cộng đồng và xã hội

SỰ TƯƠNG TÁC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động, Lienvietpostbank thường xuyên tương tác với các bên liên quan nội bộ và bên ngoài, gồm: cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, người lao động, cơ quan quản lý, cộng đồng, cơ quan báo chí, các nhà cung cấp và đối tác. Cụ thể:

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất tương tác
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	
Đại hội đồng Cổ đông	Thường niên hoặc bất thường
Cập nhật thông tin định kỳ qua website IR, trực tiếp, điện thoại, email	Thường xuyên
Gặp gỡ các nhà phân tích	Thường xuyên khi phát sinh
KHÁCH HÀNG	
Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7	24/7
Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng	Định kỳ hàng tháng
Mạng xã hội (MXH) và bản tin theo dõi phản hồi trên MXH	Hàng ngày
NGƯỜI LAO ĐỘNG	
Khảo sát mức độ hài lòng	Thường niên
Hội nghị người lao động thường niên	Thường niên
Ấn phẩm nội bộ, bản tin nội bộ	Hàng ngày
Trao đổi với Công đoàn	Thường niên
Môi trường kết nối, đào tạo, giao lưu	Hàng tháng
CƠ QUAN QUẢN LÝ	
Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên	Thường xuyên theo phát sinh
Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn	Khi có phát sinh
Cung cấp các bài tham luận, báo cáo chuyên đề	Khi có phát sinh
Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo chính sách	Khi có phát sinh
CỘNG ĐỒNG	
Phối hợp với chính quyền địa phương	Theo thực tế phát sinh
Các chương trình an sinh xã hội chung tay cùng chính quyền địa phương	Theo thực tế phát sinh
CƠ QUAN BÁO CHÍ	
Họp báo	Theo thực tế phát sinh
Thông cáo báo chí/ báo cáo kết quả hoạt động định kỳ	Theo thực tế phát sinh
Đội ngũ chuyên gia trả lời cung cấp thông tin cho báo chí	Theo thực tế phát sinh
NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	
Gặp gỡ trao đổi trực tiếp bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp tác với nhà cung cấp	Khi phát sinh theo quy trình
Duy trì tính cạnh tranh	Thường xuyên theo quy trình
Đảm bảo minh bạch trong chào thầu	Thường xuyên theo quy trình
Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng	Thường xuyên theo quy trình

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI LIENVIETPOSTBANK

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

TUYÊN NGÔN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Nhằm tập trung trí tuệ và sức mạnh của tập thể Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, phấn đấu cho những mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của Ngân hàng, những người Lãnh đạo cao nhất của Ngân hàng đã ý thức sâu sắc phải xây dựng, không ngừng hoàn thiện, phát huy bản sắc văn hóa Ngân hàng Bưu điện Liên Việt làm nền tảng và động lực cho Ngân hàng **phát triển liên tục, hiệu quả, bền vững và trường tồn.**

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Kỷ cương - Sáng tạo - Nhân bản

Ý THỨC KINH DOANH

- Thượng tôn Pháp luật; gắn Xã hội trong kinh doanh.
- Tự tìm ra khiếm khuyết để hoàn thiện, nâng tầm kinh doanh là bí quyết thành công.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Ba (03) điều hướng tâm của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt:

- Không có con người, dự án vô ích;
- Không có khách hàng, ngân hàng vô ích;
- Không có Tâm – Tín – Tài – Tầm, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt vô ích.

Các quan điểm:

- Cổ đông: Là nền tảng của Ngân hàng.
- Khách hàng: Là ân nhân của Ngân hàng.
- Khách hàng không phải lúc nào cũng đúng, nhưng luôn luôn là khách hàng!
- Người lao động: Là sức mạnh của Ngân hàng.
- Chăm lo đời sống cho người lao động theo phương châm "Sống bằng lương – giàu bằng thưởng".
- Thương trường: Là thước đo vị thế của mỗi tổ chức tham gia thị trường. Ngân hàng Bưu điện Liên Việt chỉ có đối tác, không có đối thủ.
- Sản phẩm dịch vụ:
  - Luôn cung cấp những sản phẩm dịch vụ khách hàng cần, chứ không phải sản phẩm dịch vụ Ngân hàng có.
  - Hiện đại hóa, hướng tới Ngân hàng di động.

CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ THỰC THI VĂN HÓA DOANH NGHIỆP LIENVIETPOSTBANK

Văn hóa Doanh nghiệp Lienvietpostbank xoay quanh 03 Giá trị Cốt lõi là Kỷ cương, Sáng tạo và Nhân bản. Để đẩy mạnh và lan tỏa các giá trị này tới gần 12.000 CBNV trên toàn hệ thống, Lienvietpostbank tập trung các giải pháp chính như sau:

- Lãnh đạo thực hiện việc nêu gương trong thái độ, phong cách, hành động. Đặc biệt, tại Lienvietpostbank có cách phân chia lãnh đạo độc đáo là lãnh đạo hành chính (quản lý theo chức danh) và lãnh đạo công việc (Cá nhân làm đầu mối chịu trách nhiệm cho dự án, kế hoạch, sự vụ).
- Tập trung truyền thông rộng rãi thông qua các kênh truyền thông của Ngân hàng (Website, Fanpage, Bản tin âm thanh Lienvietpostbank Radio, Bản tin hình LPB News), hệ thống màn hình truyền thông (LCD, Kiosk, màn hình máy tính để bàn...), các ấn phẩm và qua các chương trình đào tạo cho các CBNV tân tuyển cũng như lồng ghép trong các chương trình đào tạo chuyên môn.
- Hàng năm có một loạt các hoạt động phản ánh và quảng bá văn hóa doanh nghiệp, tiêu biểu là Lễ Kỷ niệm thành lập 28/3 và Ngày hội Gia đình.
- Giá trị Nhân bản mang nét riêng của Lienvietpostbank đó là chăm lo toàn diện đến đời sống vật chất và tinh thần của CBNV, làm sao để CBNV coi Ngân hàng là gia đình thứ hai, ngôi nhà thứ hai của chính bản thân. Đồng thời, hết sức coi trọng đức tính vị tha trong công việc, tạo điều kiện cho CBNV mạnh dạn, tự chủ, sáng tạo trong hoạt động, có cơ hội sửa sai.
- Giá trị Nhân bản thể hiện ở việc khơi dậy tinh thần thiện nguyện ở mọi CBNV thông qua các hoạt động đóng góp cộng đồng mạnh mẽ của Ngân hàng cũng như tạo điều kiện cho mọi Đơn vị Kinh doanh, các đơn vị nghiệp vụ tại Hội sở chính chủ động thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện.

THỰC HIỆN TIẾT KIỆM VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở tinh thần thượng tôn pháp luật, Lienvietpostbank luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong tất cả các hoạt động tại Ngân hàng. Trong đó, các yếu tố môi trường cũng là một trong các yếu tố được xem xét trong quá trình triển khai các sản phẩm, dịch vụ tới Khách hàng và cũng là một trong các tiêu chí để xây dựng mục tiêu của Ngân hàng hướng tới các mô hình tín dụng xanh để bảo đảm sự phát triển bền vững, hài hòa. Theo đó, Ngân hàng đã xây dựng các sản phẩm như Nông nghiệp công nghệ cao, trồng cây cảnh, nuôi tôm... góp phần thúc đẩy tín dụng xanh.

- Ưu tiên nghiên cứu, phát triển các sản phẩm tín dụng xanh với các điều kiện tín dụng ưu đãi để hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh, có lợi cho môi trường được tiếp cận nguồn vốn Ngân hàng;
- Thực hiện tìm kiếm các đối tác, tổ chức trong và ngoài nước tài trợ nguồn vốn lãi suất thấp để tạo kênh tiếp cận tín dụng giá rẻ cho các Khách hàng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện về môi trường;
- Phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại, sử dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường góp phần phục vụ tăng trưởng xanh.

Ngoài ra, Ngân hàng đã và đang thực hiện việc cấp tín dụng cho các Dự án tuân thủ quy định pháp luật về môi trường thông qua việc.

- Xây dựng quy định nội bộ về việc quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng;
- Quản lý việc cấp tín dụng cho các Dự án liên quan đến môi trường, theo dõi sát sao việc sử dụng vốn vay để đảm bảo Khách hàng không sử dụng sai mục đích gây ra tác động xấu tới môi trường;
- Thẩm định chặt chẽ các điều kiện của Dự án, nhằm đảm bảo chỉ cấp tín dung đối với các Dự án đã được cấp phép và phê duyệt tuân thủ quy định pháp luật về môi trường theo quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, quán triệt tinh thần thực hành tiết kiệm và bảo vệ môi trường, trong hoạt động hàng ngày, Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp khuyến khích giảm thiểu phát thải và tiết kiệm nguồn tài nguyên như:

- Giảm thiểu mức tiêu thụ mực in, giấy tại Ngân hàng thông qua việc kết hợp các biện pháp: (i) Áp dụng kênh tra cứu trực tuyến đối với các văn bản triển khai hoạt động tại ngân hàng; (ii) Liên tục đầu tư vào các hệ thống công nghệ thông tin nhằm tăng năng suất lao động và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ tại Ngân hàng, giảm thiểu quy trình thủ công trên giấy tờ; (iii) Triển khai các chương trình khuyến khích khách hàng giao dịch qua kênh điện tử, .v.v...
- Hạn chế rác thải thông qua việc sử dụng cây nước cho phép tái sử dụng bình nước, tái sử dụng hộp mực in, kiểm soát lượng nước đóng chai được sử dụng tại các cuộc họp nội bộ ngân hàng,.v.v... Đồng thời, rác thải tại Ngân hàng cũng được thu gom và phân loại riêng theo quy trình nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và tái chế đối với các loại rác thải có thể tái sử dụng.
- Các thiết bị kiểm soát nước thông minh cũng được áp dụng tại ngân hàng nhằm kiểm soát và giảm thiểu lượng nước thải tại văn phòng trong quá trình hoạt động.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị, máy móc tại Ngân hàng (bao gồm cả xe cộ và máy móc) để giảm mức độ xả thải ra không khí và rác thải. Đặc biệt, các phương tiện vận tải cũ, có nguy cơ gia tăng lượng khí thải ra môi trường cũng được thay thế đúng thời hạn.

Song hành với các biện pháp từ Ngân hàng và nhằm ủng hộ các chiến lược bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên Ngân hàng cũng đã tự ý thức và chủ động hạn chế, giảm thiểu đồ nhựa dùng một lần; sống thân thiện với môi trường; góp phần giảm bớt phát thải gây ô nhiễm môi trường và hiệu ứng khí nhà kính, vì cuộc sống xanh cho cộng đồng xã hội.

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách tuyển dụng, lương & lộ trình nghề nghiệp

Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Tổng số lao động đến 31/12/2022 là 12.203 người, tăng 14,4% so với năm 2021 và số lượng cán bộ nữ được tuyển dụng mới trong năm 2022 chiếm trên 55%.

Trong những năm vừa qua, Lienvietpostbank không ngừng đổi mới, kiện toàn chính sách tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên thị trường nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.

Hình thức và phương thức tuyển dụng được đa dạng hóa: xét tuyển, thi tuyển tập trung, online...

Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học uy tín để nghiên cứu, trao đổi và triển khai các chương trình Tài trợ, chương trình Ngày hội việc làm,... nhằm thu hút sinh viên tài năng, tiếp cận nguồn cung nhân sự có chất lượng.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tại Lienvietpostbank liên tục tăng trưởng qua các năm.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp: Lienvietpostbank đã có lộ trình phát triển nghề nghiệp cho một số vị trí công việc và đang xây dựng lộ trình cho các vị trí công việc còn lại.

Chế độ đãi ngộ, phúc lợi

Chế độ đãi ngộ ngoài lương của Lienvietpostbank có nhiều hình thức phong phú: chế độ sinh nhật, hiếu, hỉ, nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, các sản phẩm tín dụng ưu đãi đối với người lao động...

Lienvietpostbank cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới lao động nữ thông qua các dịp tri ân ngày 8/3 và 20/10.

Mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động

Ban lãnh đạo Lienvietpostbank (người sử dụng lao động) luôn lắng nghe và cân nhắc ý kiến của người lao động trước khi đưa ra những thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động.

Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

Người lao động tại Lienvietpostbank được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được tham gia các khóa đào tạo về phòng cháy chữa cháy.

Đối với người lao động làm nghiệp vụ kho quỹ, Lienvietpostbank có các khoản phụ cấp bồi dưỡng độc hại,...

Người lao động tại Ngân hàng cũng thường xuyên được đào tạo về các nguy cơ, rủi ro trong công việc nhằm nâng cao ý thức tuân thủ và bảo vệ an toàn của người lao động trong quá trình làm việc như: An ninh thông tin, phòng chống tham nhũng, rủi ro và các biện pháp quản lý rủi ro trong nghiệp vụ hàng ngày, .v.v.....

Công tác đào tạo

Các chương trình đào tạo do Lienvietpostbank tổ chức là các chương trình đào tạo lõi được xây dựng theo lộ trình gắn với từng vị trí công việc. Căn cứ vào lộ trình đào tạo của từng vị trí công việc, các cán bộ sẽ được sắp xếp để đào tạo theo các nhóm chương trình chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu cần thiết của công việc thông qua nhiều hình thức đào tạo (tập trung, cầu truyền hình, E-learning hay các hình thức trực tuyến khác...).

Các nội dung đào tạo đa dạng, phong phú, bám sát mục tiêu chiến lược của các khối nghiệp vụ, chú trọng thực tiễn.

Phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao về nghiệp vụ, đào tạo các chứng chỉ nghề.

Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp.

Tổng số khóa đào tạo 206 khóa.

Tổng số lớp đào tạo 803 lớp.

Tổng số lượt học viên tham gia đào tạo 142.096 lượt, tăng ~161% so với năm 2021.

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Mọi quyết định liên quan tới người lao động của Lienvietpostbank đều được dựa trên các tiêu chí rõ ràng, hoàn toàn không dựa trên các tiêu chí về tôn giáo, giới tính.

Về cơ cấu cán bộ, Lienvietpostbank tiếp tục duy trì tỷ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Trong bộ máy quản lý điều hành đều có sự tham gia của nữ cán bộ.

Không sử dụng lao động trẻ em

Lienvietpostbank không sử dụng lao động trẻ em và chủ trương không sử dụng lao động trẻ em trong mọi vị trí công việc.

Chống lao động cưỡng bức và ép buộc

Lienvietpostbank luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động.

Việc cưỡng bức và ép buộc lao động là không được chấp nhận tại Lienvietpostbank. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Quy định của Pháp luật và Quy định của Ngân hàng.

Môi trường làm việc

Lienvietpostbank đã triển khai nhiều hoạt động nhằm tạo ra môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động như:

- Cơ chế tạo động lực cho cán bộ luôn được coi trọng, gắn với đánh giá hiệu quả công việc, chi trả tiền lương;
- Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, khuyến khích cán bộ không ngừng nỗ lực, nâng cao hiệu quả công việc;
- Tổ chức các chương trình như Ngày hội gia đình Lienvietpostbank, hội thao khu vực và toàn quốc, các hoạt động cho con cán bộ nhân viên vào ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Trung thu, cuộc thi hương sắc, các cuộc thi ảnh, viết bài,... về các hoạt động nghiệp vụ cũng như tâm tư tình cảm đối với Ngân hàng,...

TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG

Trong bối cảnh hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần có sự cạnh tranh khốc liệt thì công tác chăm sóc khách hàng là một trong những yếu tố then chốt được Lienvietpostbank chú trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh về chất lượng dịch vụ qua đó gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng.

Ngân hàng triển khai định kỳ các chương trình tri ân chăm sóc khách hàng trong các dịp đặc biệt như sinh nhật khách hàng, ngày Quốc tế Phụ Nữ 8/3, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, Tết Nguyên Đán... Bên cạnh đó các chương trình hội thảo tri ân khách hàng thân thiết cũng được triển khai tại các ĐVKD trên toàn hệ thống. Các thông tin về sản phẩm, chương trình cũng như các mẫu biểu đều được công bố đầy đủ, minh bạch trên các kênh thông tin chính thức như website, fanpage của Ngân hàng. Các thông tin về sản phẩm, chương trình cũng như các mẫu biểu đều được công bố đầy đủ, minh bạch trên các kênh thông tin chính thức như website, fanpage của Ngân hàng. Hệ thống tờ rơi, brochure, standee, poster về Sản phẩm dịch vụ (SPDV) được in màu, trưng bày tại không gian quầy giao dịch. Bảng lãi suất được in khổ A4 trưng bày trên mặt quầy. Hệ thống màn hình điện tử: ipad, Kios, LCD trình chiếu liên tục các thông tin về SPDV, chương trình khuyến mại, tỷ giá, lãi suất rõ ràng, đẹp mắt giúp KH dễ dàng tiếp cận thông tin.

Ngoài ra, Bảo đảm an toàn và bảo vệ quyền lợi của Khách hàng luôn được Lienvietpostbank đưa lên ưu tiên hàng đầu. Các sản phẩm dịch vụ trước khi ban hành phải đáp ứng các yêu cầu, quy định về an toàn, bảo mật thông tin, định kỳ được rà soát, đánh giá để cải tiến nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng Khách hàng, giảm thiểu mọi rủi ro và đáp ứng với các quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Song hành với hoạt động chăm sóc khách hàng, công tác quản lý chất lượng dịch vụ tại Lienvietpostbank cũng được chú trọng từ khâu xây dựng chính sách đến khâu giám sát triển khai và đánh giá. Ngân hàng đã xây dựng các quy định liên quan đến quy trình giải quyết khiếu nại của Khách hàng, trong đó quy định rất cụ thể nguyên tắc, trách nhiệm và thời gian xử lý chi tiết cho từng trường hợp. Nhờ đó Ngân hàng luôn đảm bảo cam kết với khách hàng về việc mọi góp ý/khiếu nại đều được tiếp nhận và xử lý triệt để cũng như thông tin phản hồi cho Khách hàng chính xác, minh bạch. Ngoài ra, mặc dù mạng lưới rộng khắp với 561 điểm giao dịch tại 63 tỉnh thành phố nhưng Ngân hàng vẫn liên tục triển khai các chương trình khảo sát lắng nghe ý kiến Khách hàng nhằm cải thiện chất lượng phục vụ ngày một tốt hơn như:

- Định kỳ hàng tháng khảo sát, đo lường sự hài lòng của khách hàng với đa dạng các hình thức như: gọi điện phỏng vấn Khách hàng, mời Khách hàng thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ qua QR code hoặc trên máy tính bảng...
- Triển khai và vận hành nhiều kênh hỗ trợ và ghi nhận ý kiến Khách hàng bao gồm: Tổng đài chăm sóc Khách hàng 24/7 miễn cước phí cho người gọi, webstie của Ngân hàng, Hòm thư góp ý đặt tại các ĐVKD...

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ

VỀ HOẠT ĐỘNG BÁN LẺ

Năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát ổn định, một số các ngành nghề bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong giai đoạn dịch bệnh cũng đang hồi phục và phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân được cải thiện là yếu tố thúc đẩy kinh tế, xã hội và nhu cầu tín dụng trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Với định hướng trở thành ngân hàng bán lẻ - ngân hàng của mọi người, trong những năm qua Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tập trung nguồn lực phát triển mạng lưới để phục vụ khách hàng ở mọi vùng miền, đặc biệt là các khách hàng ở các vùng sâu, vùng xa, những nơi mà trước đây người dân ít có cơ hội sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. Trong năm 2022, ngân hàng đã mở thêm 5 điểm giao dịch mới trên toàn hệ thống nâng con số điểm giao dịch toàn hàng lên 561 điểm giao dịch phủ sóng đến cấp quận, huyện. Với lợi thế mạng lưới, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (Lienvietpostbank) có nhiều cơ hội để thực hiện chiến lược kinh doanh khi định hướng của Chính phủ là đẩy mạnh xây dựng hạ tầng, phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững, kinh tế xã hội địa phương phát triển.
- Kết quả kinh doanh 2022 của Ngân hàng tăng trưởng mạnh so với năm 2021, lợi nhuận sau thuế của đạt 4.510 tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2021. Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản của ngân hàng đạt 327.745 tỷ đồng, tăng 13,3% so với cuối năm 2021. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 235.767 tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2021. Huy động thị trường 1 đạt 250.989 tỷ đồng, tăng 19,8% so với năm 2021.
- Nhìn chung phần lớn các mảng kinh doanh của ngân hàng đều tăng trưởng khá, đặc biệt là nguồn thu cốt lõi (thu nhập lãi thuần) và nguồn thu từ dịch vụ. Ngoài ra, tỷ lệ CIR (chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động) của Ngân hàng được cải thiện đáng kể, giảm từ 50,6% xuống 37,4%.
- Song song với việc kinh doanh hiệu quả, Lienvietpostbank còn tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động xã hội trực tiếp, hỗ trợ địa phương nghèo phát triển, đúng với phương châm "Gắn xã hội trong kinh doanh" mà Ngân hàng hướng đến lâu dài.

VỀ TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

Phát triển kinh tế ở các khu vực có tỷ lệ đói nghèo cao

- Ngân hàng luôn chú trọng phát triển và cung cấp các sản phẩm tài chính vi mô, linh hoạt, có cấu trúc đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với nhu cầu đại bộ phận người dân, đặc biệt là người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
- Các sản phẩm của ngân hàng như cho vay nông nghiệp nông thôn, cho vay hưu trí, cho vay theo tổ liên kết... đã góp phần đáng kể giúp người dân ổn định cuộc sống và làm giàu trên mảnh đất của mình.
- Ngân hàng cũng đang phối hợp với Dự án thúc đẩy bình đẳng giới tại Sơn La - GREAT, cung cấp vốn cho các nông hộ trồng gai xanh, các hộ trồng cafe sạch theo chuỗi, dự án ADB về tăng cường vai trò "Phụ nữ làm chủ", .v.v...
- Đồng thời, Ngân hàng cũng tích cực đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ số như Lienviet24h và các dịch vụ thu hộ, thanh toán hóa đơn trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong giao dịch hàng ngày.

Các sản phẩm và dịch vụ cho những người có thu nhập thấp

- Các sản phẩm cho vay nông nghiệp nông thôn của Ngân hàng thường có mức lãi suất ưu đãi hơn (giảm khoảng 1%/năm) để phục vụ các đối tượng có thu nhập thấp.
- Bên cạnh đó, Ngân hàng cung cấp các dịch vụ nộp NSNN, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí... miễn phí hoặc với mức phí rất thấp để đảm bảo mọi người dân đều có thể sử dụng dịch vụ.
- Các dịch vụ ngân hàng như mở tài khoản ngân hàng, tài khoản LienViet24h thường được miễn phí mở tài khoản, miễn duy trì số dư và có nhiều chương trình ưu đãi tặng thưởng cho Khách hàng để khuyến khích khách hàng làm quen và sử dụng dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là ngân hàng số theo đúng chủ trương của Chính phủ.

Nâng cao kỹ năng và kiến thức cho khách hàng và cộng đồng

- Ngân hàng đã phối hợp với Hiệp hội Mắc ca thực hiện cho vay trồng cây mắc ca đồng thời hướng dẫn người dân về kỹ thuật canh tác... Ngân hàng phối hợp với "Dự án thúc đẩy bình đẳng giới tại Sơn La, Lào Cai - GREAT", cung cấp vốn cho các nông hộ trồng gai xanh, các hộ trồng cafe sạch theo chuỗi, dự án ADB về tăng cường vai trò "Phụ nữ làm chủ".

- Ngoài ra, các Chi nhánh của Ngân hàng cũng thường xuyên tổ chức các hội thảo nhỏ để hướng dẫn cho người dân sử dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số (Lienviet24h).

Hỗ trợ việc làm trong chuỗi cung ứng hoặc trong chuỗi phân phối

- Ngân hàng hỗ trợ tạo việc làm một cách gián tiếp thông qua việc hợp tác cấp tín dụng với các đối tác. Ngân hàng hiện đang hợp tác với Yanmar Việt Nam để cấp tín dụng và bảo lãnh cho các Đại lý bán máy và Khách hàng mua máy nông nghiệp của Yanmar.

- Ngân hàng cũng đang phối hợp với Dự án GREAT tại Sơn La để cấp tín dụng theo chuỗi, thông qua đó tạo việc làm cho các bên liên quan trong các chuỗi sản xuất - cung ứng - phân phối - tiêu thụ. Mô hình cho vay theo chuỗi dự kiến sẽ được nhân rộng trong các năm tiếp theo.

Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương

- Với việc mở rộng mạng lưới và cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, Lienvietpostbank giúp cải thiện điều kiện kinh tế tại các địa phương, gián tiếp tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư nhằm giúp cho các địa phương thu hút đầu tư nước ngoài.

- Các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng tại các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa đã giúp cải thiện môi trường xã hội, tạo điều kiện để người dân ổn định sinh kế, tạo điều kiện để người dân tiếp cận tài chính và sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng, tài chính số dễ dàng hơn.

- Ngân hàng đang cung cấp các sản phẩm tín dụng nông thôn có tính cạnh tranh cao trên thị trường và phù hợp với các đối tượng khách hàng thuộc khu vực nông thôn như: Cho vay Nông Nghiệp Nông Thôn, Cho vay Sản Xuất Kinh Doanh, Cho vay nhà đất, Cho vay hưu trí, Tổ liên kết... (Hiện tại tín dụng lĩnh vực Nông nghiệp nông thôn chiếm tỷ trọng trên 30% và đang duy trì tăng trưởng). Nông nghiệp nông thôn đã, đang và sẽ là một trong định hướng chiến lược của Ngân hàng và với định hướng này, Ngân hàng sẽ xây dựng và triển khai thêm các sản phẩm phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. Từ đó, góp phần hỗ trợ sinh kế cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

- Cùng với đó, thực hiện chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tập trung triển khai các sản phẩm cho vay nông nghiệp công nghệ cao, phối hợp với các hiệp hội ngành nghề để tư vấn tới bà con nông dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến. giúp người dân ổn định cuộc sống, làm giàu trên chính mảnh đất của mình.

THÔNG LỆ MUA SẮM

Hoạt động mua sắm tại Lienvietpostbank được thực hiện trên cơ sở bộ quy định nội bộ với các tiêu chí, chỉ tiêu định mức rõ ràng tương ứng với các cấp phê duyệt khác nhau nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động mua sắm tại Ngân hàng.

CHỐNG THAM NHŨNG

Hưởng ứng đường lối của Đảng, Chính phủ về phòng, chống tham nhũng, Ban lãnh đạo Ngân hàng đã quán triệt tinh thần thượng tôn pháp luật và chỉ đạo quyết liệt trong việc kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn các hành vi tiêu cực, tham nhũng. Theo đó, một loạt các biện pháp đã được triển khai đồng bộ tại Lienvietpostbank như:

- Lồng ghép các tiêu chí phòng, chống tham nhũng và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa tham nhũng trong tất cả các quy định nội bộ của Ngân hàng.

- Thường xuyên đào tạo, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng tại Ngân hàng để nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng và văn hóa tuân thủ của cán bộ công nhân viên thông qua các khóa đào tạo định kỳ, đào tạo nội bộ, bản tin, công văn cảnh báo, .v.v....

- Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (thông cáo báo chí, website, kênh chia sẻ thông tin nội bộ, v.v...)

- Xây dựng và triển khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ trong mọi hoạt động của Ngân hàng, đặc biệt là trong công tác chi tiêu và nhân sự.

- Áp dụng các bộ quy tắc ứng xử nội bộ, quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cán bộ nhân viên và đơn vị tại Ngân hàng trong quá trình hoạt động và cung cấp sản phẩm/dịch vụ tới Khách hàng.

- Chú trọng đầu tư vào các hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao trải nghiệm và chất lượng dịch vụ cung cấp tới Khách hàng, hỗ trợ hiệu quả hơn cho quá trình vận hành tại Ngân hàng, tăng năng suất, giảm thiểu công việc thủ công và từ đó góp phần hạn chế hành vi tham nhũng.

- Chủ động thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, khuyến khích khách hàng sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt, các sản phẩm số thông qua các chương trình khuyến mại, ưu đãi nhằm góp phần nhỏ trong nỗ lực hạn chế tiền mặt và kiểm soát tham nhũng của Chính phủ.

- Bắt buộc thu thập thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của Khách hàng (đặc biệt là các khách hàng doanh nghiệp), áp dụng các biện pháp phát hiện và kiểm soát tăng cường đối với các cá nhân có ảnh hưởng Chính trị theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Liên tục giám sát, rà soát và đánh giá các hoạt động vận hành nghiệp vụ tại Ngân hàng để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng. Đồng thời, Ngân hàng cũng có bộ quy định nội bộ nhằm đưa ra các hành động kịp thời nếu nghi ngờ hành vi tham nhũng xảy ra.

THUẾ

Quán triệt tinh thần thượng tôn pháp luật, Ngân hàng luôn minh bạch và công bố đầy đủ thông tin báo cáo tài chính và nghiêm túc tuân thủ các quy định về thuế của pháp luật Việt Nam. Theo đó, năm 2022, Ngân hàng đã thực hiện nộp/cấn trừ cho Ngân sách Nhà nước trên 900 tỉ đồng.

Bên cạnh việc tuân thủ pháp luật thuế trong hoạt động, Ngân hàng cũng đã thực hiện triển khai nhiều sản phẩm hỗ trợ công tác thu ngân sách nhà nước (thuế, phí, lệ phí) và các biên lai thu (phí, lệ phí, phí phạt vi phạm hành chính).

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI LIENVIETPOSTBANK

Ngân hàng có chiến lược và kế hoạch phát triển tài chính toàn diện, luôn chú trọng phát triển và cung cấp các sản phẩm tài chính vi mô, linh hoạt, đơn giản, dễ triển khai, phù hợp với nhu cầu đại bộ phận người dân, đặc biệt là người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Các sản phẩm có tính cạnh tranh cao trên thị trường và phù hợp với các đối tượng khách hàng thuộc khu vực nông thôn như cho vay nông nghiệp nông thôn, cho vay sản xuất kinh doanh, cho vay nhà đất, cho vay hưu trí, cho vay theo tổ liên kết...

Tín dụng nông nghiệp nông thôn là một định hướng chiến lược của Ngân hàng, hiện chiếm tỷ trọng ***trên 30%*** và đang duy trì tăng trưởng. Trong đó, Ngân hàng cũng đã tập trung triển khai cho vay nông nghiệp công nghệ cao như cho vay trồng cây Mắc ca. Các sản phẩm cho vay nông nghiệp nông thôn thường có mức lãi suất ưu đãi hơn (giảm khoảng 1%-2%/năm) để phục vụ các đối tượng có thu nhập thấp.

Góp phần phát triển các vùng nông thôn bền vững, Ngân hàng đang triển khai hợp tác với các đối tác như ADB, Yanmar Việt Nam và Dự án GREAT, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân... Ngân hàng hiện đang hợp tác với ADB để hướng tới triển khai cấp tín dụng cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Trong năm 2022, Ngân hàng đã phối hợp với Yanmar Việt Nam để thực hiện cấp tín dụng Khách hàng vay mua máy nông nghiệp và bảo lãnh/tín dụng cho các Đại lý của Yanmar Việt Nam. Ngân hàng cũng phối hợp với GREAT (Dự án thúc đẩy bình đẳng giới tại Sơn La) để triển khai thí điểm mô hình cho vay theo chuỗi sản xuất – cung ứng – phân phối – tiêu thụ, theo đó Ngân hàng triển khai cấp vốn cho các nông hộ tại địa bàn Sơn La để trồng cây gai xanh và cafe sạch theo chuỗi. Mô hình cho vay theo chuỗi này dự kiến sẽ được đánh giá và chỉnh sửa trong năm 2023 để nhân rộng trong các năm tiếp theo.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tham gia cấp tín dụng xanh: Cấp tín dụng cho các dự án năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ và năng lượng mặt trời, và cấp tín dụng cho các dự án nông nghiệp công nghệ cao như cho vay trồng cây Mắc ca, cho vay trồng rau sạch theo tiêu chuẩn VietGap...

Thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, Ngân hàng cũng tích cực đẩy mạnh và hướng dẫn người dân sử dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số như LienViet24h và các dịch vụ thu hộ, thanh toán hóa đơn trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt là người dân các vùng nông thôn làm quen với giao dịch không dùng tiền mặt và sử dụng dịch vụ ngân hàng số trong giao dịch hàng ngày. Các dịch vụ nộp NSNN, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí... được miễn phí hoặc có mức phí rất thấp, mở tài khoản ngân hàng, tài khoản LienViet24h thường kèm theo các chương trình ưu đãi tặng thưởng để khuyến khích khách hàng làm quen và sử dụng dịch vụ.

Ngân hàng chú trọng công tác đào tạo, hướng dẫn cho Khách hàng. Ngân hàng đã và đang phối hợp với các hiệp hội ngành nghề như Hiệp hội Mắc ca, Hội nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ để tư vấn cho người dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến... giúp người dân ổn định cuộc sống, làm giàu trên chính mảnh đất của mình. Ngoài ra, các cán bộ của Ngân hàng chủ động hướng dẫn trực tiếp cho người dân cài đặt và sử dụng LienViet24h và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trực tuyến.

Bảo đảm an toàn cho Khách hàng và bảo vệ quyền lợi của Khách hàng được ưu tiên hàng đầu, các sản phẩm dịch vụ trước tiên phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu, quy định về an toàn, bảo mật, định kỳ được rà soát, đánh giá để cải tiến nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng Khách hàng, giảm thiểu mọi rủi ro và đáp ứng với các quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Ngân hàng cũng tập trung nghiên cứu xây dựng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số trên ứng dụng LienViet24h nhằm đảm bảo đơn giản, dễ thao tác, thuận tiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng đồng thời hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn vốn, nâng cao chất lượng tín dụng của Ngân hàng.

Với việc mở rộng mạng lưới và cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, Lienvietpostbank góp cải thiện điều kiện kinh tế tại các địa phương, gián tiếp hỗ trợ sinh kế cho người dân, tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư nhằm giúp cho các địa phương thu hút đầu tư nước ngoài.

Hiện tại ngân hàng hoạt động theo mô hình NHTM bán lẻ đa năng, cung cấp đa dạng SPDV tới nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Thời gian tới, Ngân hàng sẽ tiếp tục cơ cấu, điều chỉnh mô hình phục vụ chuyên sâu thêm nhiều phân khúc khách hàng như Khách hàng ưu tiên, Khách hàng bán buôn...

CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG BỀN VỮNG

Trong năm 2022, Ngân hàng đã đẩy mạnh các chương trình ưu đãi lãi suất, đồng thời ban hành các chương trình ưu đãi mới hỗ trợ cho các khách hàng có thể tiếp cận nguồn vốn của Ngân hàng nhằm mục đích khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định tiêu dùng đời sống:

- Chương trình ưu đãi lãi vay với mức giảm từ 1% - 2%/năm triển khai ưu đãi đồng bộ đối với các Nhóm sản phẩm vay vốn như: Nhóm cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn, Nhóm sản phẩm cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh, Nhóm sản phẩm nhà đất, Nhóm cho vay mua xe ô tô, Cho vay KHCN thông qua tổ liên kết vay vốn, Sản phẩm cho vay tiêu dùng có tài sản bảo đảm (trung dài hạn).

- Chương trình Ưu đãi lãi suất Khách hàng cá nhân vay mua, kinh doanh vật tư nông nghiệp, áp dụng rộng rãi trên toàn hệ thống với khách hàng là cá nhân có nhu cầu vay theo sản phẩm cho vay mua, kinh doanh vật tư nông nghiệp. Tính đến hết tháng 12/2022, dư nợ sản phẩm cho vay vật tư nông nghiệp đạt hơn 1.000 tỷ đồng.

- Chương trình Ưu đãi lãi suất Khách hàng cá nhân vay vốn mua máy Nông nghiệp Yanmar Việt Nam, áp dụng trên toàn hệ thống với khách hàng là cá nhân có nhu cầu mua máy Nông nghiệp của Yanmar Việt Nam để phục vụ phát triển nông nghiệp. Tính từ tháng 3/2022 đến hết tháng 12/2022, doanh số giải ngân gần 3 tỷ đồng, các khoản vay tập trung ở khu vực Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ.

- Hưởng ứng chủ trương của Quốc hội, Chính phủ và hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội sau ảnh hưởng của Covid-19, Ngân hàng đã giảm lãi suất vay cho khách hàng doanh nghiệp trong 2 tháng cuối năm 2022. Với quy mô dư nợ lên tới **hơn 3.000 tỷ đồng**, Ngân hàng ưu tiên hỗ trợ giảm lãi suất vay lên tới 1%/năm cho khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn.

Lienvietpostbank cam kết luôn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện.

- Lienvietpostbank tận dụng mạng lưới rộng khắp để cung cấp sản phẩm đến khách hàng trên địa bàn cả nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt là người dân ở các vùng nông thôn, vùng sâu và xa tiếp cận và sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng một cách dễ dàng. Các cán bộ Ngân hàng luôn sẵn sàng hướng dẫn và hỗ trợ Khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ của mình, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số hiện vẫn còn rất mới mẻ với người dân ở các vùng nông thôn.

- Các dịch vụ thu hộ, dịch vụ thanh toán hóa đơn được đẩy mạnh cung cấp tại các vùng nông thôn để góp phần hình thành thói quen sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số cho người dân ở khu vực nông thôn.

- Với nhóm Khách hàng hưu trí, Ngân hàng cung cấp dịch vụ trả lương qua tài khoản đồng thời cung cấp sản phẩm tín dụng hưu trí. Các sản phẩm dịch vụ này hỗ trợ nhiều cho nhóm Khách hàng hưu trí, giúp họ linh hoạt hơn khi sử dụng nguồn tiền của mình và đáp ứng nhanh nhu cầu vốn của Khách hàng. Cho vay hưu trí thực hiện thông qua việc phối hợp với các tổ hưu trí được thành lập tại các địa phương từ cấp xã, huyện, tỉnh, thành phố trên khắp cả nước. Với các khách hàng hưu trí, Ngân hàng phối hợp cùng Bưu điện gặp gỡ khách hàng tại các điểm chi trả lương hưu, bưu cục, điểm văn hóa xã, giới thiệu và hướng dẫn khách hàng các thủ tục vay vốn và cách thức sử dụng tài khoản, thẻ thay vì tiền mặt. Dư nợ cho vay hưu trí tại thời điểm cuối năm 2022 khoảng hơn 10.000 tỷ đồng.

- Ngân hàng tiếp tục tích cực phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để cung ứng dịch vụ tại khu vực nông thôn. Phối hợp với các Tổ chức Hội tại địa phương như Hội nông dân, Hội phụ nữ để người dân biết đến các Sản phẩm, dịch vụ của Lienvietpostbank. Đồng thời thông qua các Tổ chức này thúc đẩy cho vay các sản phẩm Cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn, cho vay thông qua Tổ liên kết vay vốn, Cho vay sản xuất kinh doanh... Dư nợ cho vay thông qua tổ liên kết tại thời điểm cuối năm 2022 khoảng hơn 1.500 tỷ đồng.

- Đối với lĩnh vực cấp tín dụng xanh: Ngân hàng thực hiện cấp tín dụng cho các dự án thủy điện nhỏ tại các tỉnh miền núi phía Bắc như Yên Bái, Hà Giang và dự án năng lượng mặt trời ở Hòa Bình, cấp tín dụng nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sạch tại các tỉnh Đăk Lăk, Đăk Nông, Bến Tre, Điện Biên, Tiền Giang (Dự án cho vay trồng cây Mắc ca, Dự án cho vay trồng rau sạch theo tiêu chuẩn VietGap...). Tổng dư nợ tín dụng xanh tại thời điểm 31/12/2022 là 2.271 tỷ đồng.

- Đặc biệt, trong khuôn khổ Chương trình cho vay trồng cây Măc ca, Ngân hàng đã phối hợp cùng Hiệp hội mắc ca tổ chức các hội thảo tại các Tỉnh/ huyện/ xã/ thôn để thực hiện giới thiệu về cây trồng, các biện pháp để phòng chống rủi ro (mua giống cây đảm bảo chất lượng, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây...), các gói cho vay của ngân hàng để thúc đẩy nhận thức của người dân đối với việc trồng cây mắc ca.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA NGÂN HÀNG VÀ CHIẾN LƯỢC

Xuất phát từ triết lý sống của các nhà sáng lập Ngân hàng là doanh nghiệp và doanh nhân lớn lên, phát triển trong xã hội nào thì một nguyên nhân chính của thành công là những điều kiện thuận lợi mà xã hội đó mang tới về phương diện chính sách, văn hóa, con người. Do vậy, doanh nghiệp và doanh nhân phải có nghĩa vụ đóng góp lại cho xã hội và cộng đồng bằng các hoạt động thiết thực. Từ triết lý này, Lienvietpostbank đã đặt ra chính sách từ những ngày đầu thành lập năm 2008 là "Gắn xã hội trong kinh doanh".

Song song với việc triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, Lienvietpostbank cam kết tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động xã hội trực tiếp, các hoạt động tài trợ, các phong trào từ thiện. Lienvietpostbank đã và đang gây dựng được danh tiếng như Ngân hàng đứng số Một về Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR).

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TIÊU BIỂU CỦA LIENVIETPOSTBANK

Từ năm thành lập 2008 đến tháng 12/2022, Lienvietpostbank và các Cổ đông sáng lập đã tích cực đóng góp trên 3.000 tỷ đồng cho cộng đồng và xã hội thông qua một loạt chương trình, hoạt động xã hội, tập trung vào 5 trụ cột:

1. Giáo dục – đào tạo nguồn nhân lực.

2. Y tế.

3. Văn hóa + Thể thao.

4. An sinh xã hội.

5. Hỗ trợ địa phương nghèo phát triển.

Trong đó, lĩnh vực giáo dục – đào tạo là lĩnh vực lớn nhất và chiếm trên 50% tổng số tiền Lienvietpostbank dành cho các hoạt động xã hội vì ban lãnh đạo Ngân hàng tin tưởng phát triển đất nước và cộng đồng một cách dài hạn, bền vững đặt gốc rễ ở việc phát triển con người, phát triển con người không có gì tốt hơn là thông qua hoạt động giáo dục - đào tạo.

Điểm nổi bật nhất trong hoạt động xã hội của Lienvietpostbank cho tới năm 2023 là Ngân hàng đã gây dựng được 2 thương hiệu, 2 danh tiếng lớn: Ngân hàng xây dựng nhiều trường học nhất tại Việt Nam (Cùng Cổ đông tài trợ xây dựng 250 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia) và Ngân hàng sáng lập và tài trợ nhiều quỹ học bổng nhất tại Việt Nam (sáng lập và tài trợ 09 quỹ khuyến học khuyến tài cấp tỉnh/thành và tài trợ hàng chục chương trình học bổng).

Năm 2022 nền kinh tế xã hội Việt Nam chuyển sang giai đoạn bình thường mới hậu dịch bệnh Covid-19. Nếu như năm 2021, mảng y tế gắn với đóng góp cho phòng chống dịch bệnh này là điểm nổi bật trong hoạt động xã hội của Lienvietpostbank thì năm 2022, giáo dục - đào tạo, văn hóa và thể thao là các dấu ấn rõ nét phản ánh chính sách nhất quán của Ngân hàng từ khi thành lập là "Gắn xã hội trong kinh doanh".

Giáo dục - Đào tạo

- Tài trợ xây dưng trường học tại tỉnh Quảng Nam, Ninh Thuận, Lai Châu, Tây Ninh, T. Trà Vinh, T. Điện Biên.
- Đồng sáng lập và tài trợ Quỹ Khuyến học Phạm Văn Trà tỉnh Hậu Giang, Quỹ Khuyến học Phạm Văn Trà thành phố Cần Thơ

Văn hóa

- Tài trợ nội thất và lễ khánh thành Đền thờ Anh hùng liệt sỹ chiến trường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
- Tài trợ xây dựng Đền Tưởng niệm Liệt sỹ, Nhà Tưởng niệm tại lòng hồ Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh.
- Tài trợ bổ sung và lễ khánh thành Đền Tưởng niệm liệt sỹ Trường Sơn, tỉnh Quảng Bình
- Tài trợ sửa chữa, cải tại đình làng tại xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
- Tài trợ Festival Hoa Đà Lạt 2022
- Tài trợ Chương trình khai mạc năm du lịch quốc gia tỉnh Quảng Nam 2022
- Tài trợ trung tâm sinh hoạt cộng đồng xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Thể thao

- Quảng cáo thương hiệu Lienvietpostbank đồng hành cùng Đội Bóng đá Công An Hà Nội
- Tài trợ VTV mua bản quyền World Cup 2022

An sinh xã hội

- Tài trợ Quỹ vì người nghèo tỉnh Bến Tre, tỉnh Lâm Đồng
- Tài trợ xây dựng nhà tình nghĩa tỉnh Thái Nguyên
- Tài trợ xây dựng nhà đại đoàn kết tỉnh Tuyên Quang

Hỗ trợ địa phương nghèo phát triển

- Tài trợ xây dựng đường Cựu Chiến binh tại tỉnh Bến Tre

CHƯƠNG 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giấy phép Hoạt động
Ngân hàng số 91/GP-NHNN ngày 28 tháng 3 năm 2008

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là điều chỉnh lần thứ 24 vào ngày 11 tháng 1 năm 2023.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch *(từ ngày 9/12/2022)*
		Phó Chủ tịch *(đến ngày 8/12/2022)*
	Ông Huỳnh Ngọc Huy	Chủ tịch *(đến ngày 9/12/2022)*
		Phó Chủ tịch *(từ ngày 9/12/2022)*
	Ông Phạm Doãn Sơn	Phó Chủ tịch thường trực
	Ông Dương Công Toàn	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
	Bà Dương Hoài Liên	Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên
	Ông Phùng Thế Việt	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Doãn Sơn	Tổng Giám đốc *(đến ngày 17/3/2023)*
	Ông Hồ Nam Tiến	Quyền Tổng Giám đốc *(từ ngày 17/3/2023)*
		Phó Tổng Giám đốc thường trực *(đến ngày 16/3/2023)*
	Ông Bùi Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc thường trực *(từ ngày 21/3/2023)*
	Bà Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Kim Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Vũ Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quý Chiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Anh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở chính Tòa nhà Lienvietpostbank
Số 210 Đường Trần Quang Khải,
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lậpbáo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hồ Nam Tiến
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi , Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt ("Ngân hàng"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 81.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.

Ý kiến **của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00022-23-1

Đàm Xuân Lâm
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Lê Nhật Vương
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

		Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt**	**4**	2.983.877	2.751.278
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")**	**5**	10.323.700	9.867.646
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác**	**6**	31.967.998	22.438.493
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		31.367.998	21.287.760
2	Cho vay các TCTD khác		658.198	1.150.733
3	Dự phòng cho vay các TCTD khác		(58.198)	-
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**7**	566.280	232.521
1	Chứng khoán kinh doanh		566.280	232.521
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**8**	-	84.831
VI	**Cho vay khách hàng**		230.636.976	205.783.434
1	Cho vay khách hàng	9	235.506.871	208.954.136
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(4.869.895)	(3.170.702)
VII	**Hoạt động mua nợ**	**11**	257.484	-
1	Mua nợ		260.453	-
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(2.969)	-
VIII	**Chứng khoán đầu tư**		42.007.290	38.689.486
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12(a)	42.007.290	38.706.806
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12(c)	-	(17.320)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**		315.931	315.931
4	Đầu tư dài hạn khác	13	315.931	315.931
X	**Tài sản cố định**		1.693.198	1.584.457
1	Tài sản cố định hữu hình	14	1.202.795	1.092.819
a	Nguyên giá		2.829.739	2.530.702
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.626.944)	(1.437.883)
3	Tài sản cố định vô hình	15	490.403	491.638
a	Nguyên giá		678.956	672.549
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(188.553)	(180.911)
XII	**Tài sản Có khác**	**16**	6.993.113	7.445.802
1	Các khoản phải thu		2.185.961	1.248.734
2	Các khoản lãi, phí phải thu		4.149.087	5.383.067
3	Tài sản Có khác		665.150	818.920
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(7.085)	(4.919)
	TỔNG TÀI SẢN		327.745.847	289.193.879

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

		Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN**	**17**	**3.076.781**	**1.702.874**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNNVN		3.076.781	1.702.874
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	39.660.022	46.281.380
1	Tiền gửi của các TCTD khác		37.694.447	36.848.831
2	Vay các TCTD khác		1.965.575	9.432.549
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**19**	**215.888.025**	**180.276.346**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**8**	**42.030**	**-**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**20**	**35.048.167**	**36.737.629**
VII	Các khoản nợ khác	21	9.975.668	7.393.773
1	Các khoản lãi, phí phải trả		6.525.149	5.696.602
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		3.450.519	1.697.171
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**303.690.693**	**272.392.002**
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	**Vốn và các quỹ**	**23**	**24.055.154**	**16.801.877**
1	Vốn		17.291.111	12.035.962
a	Vốn điều lệ	23	17.291.054	12.035.905
c	Thặng dư vốn cổ phần		57	57
2	Các quỹ của TCTD		2.860.199	2.183.660
5	Lợi nhuận chưa phân phối		3.903.844	2.582.255
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**24.055.154**	**16.801.877**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**327.745.847**	**289.193.879**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

		Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
1	Bảo lãnh vay vốn	38(a)	59.340	63.340
2	Cam kết giao dịch hối đoái	38(a)	74.355.004	72.977.996
	Cam kết mua ngoại tệ		54.514	2.270.761
	Cam kết bán ngoại tệ		32.868	1.130.987
	Cam kết giao dịch hoán đổi		74.267.622	69.576.248
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38(a)	1.786.014	1.281.853
5	Bảo lãnh khác	38(a)	944.919	891.795
6	Các cam kết khác	38(a)	301.096	2.828.995
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	38(b)	1.107.733	1.782.255
8	Nợ khó đòi đã xử lý	38(c)	5.916.900	3.123.928
9	Tài sản và chứng từ khác	38(d)	2.650.884	4.508.038

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:	Người soát xét:	Người phê duyệt:
Trần Hoài Thu	Nguyễn Thị Gấm	Hồ Nam Tiến
Trưởng phòng Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Quyền Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
1	Thu nhập lãi va` các khoản thu nhập tương tự	24	25.225.644	20.925.551
2	Chi phí lãi va` các chi phí tương tự	24	(13.325.675)	(11.908.392)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**11.899.969**	**9.017.159**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	2.096.512	1.113.896
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(434.650)	(256.014)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**1.661.862**	**857.882**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**26**	**10.463**	**138.787**
IV	**(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**27**	**(2.769)**	**4.543**
V	**Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**29**	**345.762**	**(1.384)**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		334.327	199.033
6	Chi phí hoạt động khác		(133.180)	(165.331)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**30**	**201.147**	**33.702**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**28**	**53.877**	**-**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**31**	**(5.306.893)**	**(5.090.421)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**8.863.418**	**4.960.268**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**32**	**(3.173.737)**	**(1.322.250)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**5.689.681**	**3.638.018**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(1.179.428)	(764.770)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**	**33**	**(1.179.428)**	**(764.770)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**4.510.253**	**2.873.248**
			Đã điều chỉnh lại	
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**34**	**2.671**	**1.651**

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:	Người soát xét:	Người phê duyệt:
Trần Hoài Thu	Nguyễn Thị Gấm	Hồ Nam Tiến
Trưởng phòng Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Quyền Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

STT	Chỉ tiêu	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	26.524.485	21.588.576
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(12.859.829)	(11.297.851)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.660.084	857.882
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	636.389	147.367
05	Thu nhập/(chi phí) khác đã nhận/(trả)	(91.337)	(118.097)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	298.260	162.114
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(5.256.098)	(4.662.304)
08	Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	(559.628)	(795.670)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	**10.352.326**	**5.882.017**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	492.535	(734.483)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(3.634.243)	(5.285.999)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	84.831	133.270
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(26.813.188)	(32.332.600)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất	(1.414.012)	(419.795)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(1.039.086)	(92.659)
	Những thay đổi về nợ hoạt động		
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.373.907	1.478.685
16	(Giảm)/tăng tiền gửi và vay các TCTD khác	(6.621.358)	31.536.264
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	35.611.679	5.750.359
18	(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá	(1.689.462)	4.486.424
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	42.030	-
21	Tăng khác về nợ hoạt động	1.196.210	233.449
22	Chi từ các quỹ của TCTD	(82.507)	(176.058)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**	**7.859.662**	**10.458.874**

		2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(145.140)	(354.296)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.816	12.768
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(8.279)	(12.097)
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	53.877	-
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**	**(90.726)**	**(353.625)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	2.999.955	-
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**2.999.955**	**-**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**	**10.768.891**	**10.105.249**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**33.906.684**	**23.801.435**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (Thuyết minh 35)**	**44.675.575**	**33.906.684**

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:	*Người soát xét:*	*Người phê duyệt:*
Trần Hoài Thu	Nguyễn Thị Gấm	Hồ Nam Tiến
Trưởng phòng Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Quyền Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank (gọi tắt là "Lienvietpostbank"), là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 91/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 28 tháng 3 năm 2008. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp được điều chỉnh lần thứ 24 vào ngày 11 tháng 1 năm 2023.

Theo Công văn số 244/TTg-DMDN ngày 21 tháng 2 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt việc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam ("Vietnam Post") (sau này đổi tên thành Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam) tham gia góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt bằng giá trị của Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện ("VPSC") và vốn góp thêm bằng tiền. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2011, Vietnam Post đã hoàn thành việc chuyển giao giá trị tài sản và nợ phải trả của VPSC cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt. Ngân hàng đã nhận được phê duyệt của NHNNVN theo Quyết định số 1633/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2011 về việc chính thức đổi tên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn cổ phần của Ngân hàng là 17.291.054 triệu VND (31/12/2021: 12.035.905 triệu VND). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, ba (3) văn phòng đại diện, tám mươi (80) chi nhánh, bốn trăm tám mươi mốt (481) phòng giao dịch, năm trăm sáu mươi tám (568) phòng giao dịch bưu điện trên cả nước (31/12/2021: Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, ba (3) văn phòng đại diện, bảy mươi sáu (76) chi nhánh, bốn trăm tám mươi (480) phòng giao dịch, sáu trăm mười ba (613) phòng giao dịch bưu điện trên cả nước).

(d) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có 12.203 nhân viên (31/12/2021: 10.649 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác được áp dụng cho báo cáo tài chính. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Ngân hàng là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu VND"). Riêng đối với chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ngân hàng trình bày số liệu theo hàng đơn vị VND (Thuyết minh 34).

(e) Hình thức ghi chép kế toán được áp dụng

Ngân hàng sử dụng phần mềm kế toán để ghi chép giao dịch của mình dưới hình thức sổ cái Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động vào cuối kỳ kế toán năm.

Xem chi tiết tỷ giá hối đoái của các ngoại tệ chính được áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 trong Thuyết minh 43(a).

(b) Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính về các khoản nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra. Việc điều chỉnh đối với các ước tính kế toán được ghi nhận trong năm mà các ước tính kế toán được thay đổi và các kỳ tương lai bị ảnh hưởng.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, cho vay các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 ("Thông tư 11") của NHNNVN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(i).

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Ngân hàng trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán, được trích lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, chứng khoán kinh doanh là chứng chỉ quỹ mở nước ngoài. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho chứng chỉ quỹ mở nước ngoài được phân loại là chứng khoán kinh doanh.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

(ii) Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày Ngân hàng trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kế toán tại ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở giao dịch chứng khoán công bố.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, trong trường hợp có cơ sở cho thấy việc suy giảm giá trị thì các chứng khoán này được trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11 như trình bày tại Thuyết minh 3(i).

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Ngân hàng khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán này không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

(g) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Ngân hàng có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các khoản đầu tư này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(h) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng. Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày tại Thuyết minh 3(i).

(i) Phân loại nợ, mức trích và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng, các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, các khoản nợ mua lại, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ, mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 11. Theo đó, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo phương pháp định lượng như sau:

Nhóm		*Tình trạng quá hạn*
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.

Nhóm		Tình trạng quá hạn
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.

Đối với các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng, Ngân hàng phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3, 4, 5.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao nhất.

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 ("Thông tư 14") và Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 ("Thông tư 03") của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ("Thông tư 01") của NHNNVN quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và và giữ nguyên nhóm nợ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện như sau:

- Phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022;
- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Khoản mục	Chi tiết khoản mục	Áp dụng phân loại
a	Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại khoản mục b, khoản mục c, khoản mục d.	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
b	Số dư nợ của các khoản nợ phát sinh trước ngày 23/1/2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/1/2020 đến ngày 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020
c	Số dư nợ của các khoản nợ phát sinh từ ngày 23/1/2020 đến trước ngày 10/6/2020 và quá hạn trước ngày 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn
d	Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 1/8/2020 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 7/9/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 11, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11, theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu thời hạn, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14) như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn trích
Tối thiểu 30% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định theo quy định của Thông tư 11 như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
(a) Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	100%
(b) Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	95%
(c) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do chính tổ chức tín dụng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	
▪ Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
▪ Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
▪ Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp (trừ tổ chức tín dụng) phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 11, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, khoản mua giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng khác phát hành, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

(iii) Sử dụng dự phòng rủi ro

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

(iv) Phân loại và dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không trích lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi Ngân hàng được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo cam kết ngoại bảng, trong trường hợp đó, khoản trả thay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(i)(i) và Thuyết minh 3(i)(ii).

(j) Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được ghi nhận theo giá trị thuần trong báo cáo tài chính dựa trên giá trị hợp đồng. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ cam kết mua/bán được quy đổi theo tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và hợp đồng hoán đổi tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Số dư của hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay vào cuối mỗi tháng. Lãi/lỗ chưa thực hiện tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động vào cuối kỳ kế toán năm.

(k) Hoạt động mua nợ

(i) Mua nợ

Giá trị khoản nợ được mua được ghi nhận là một khoản cho vay theo giá mua theo hợp đồng. Khoản tiền lãi nhận được được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích từ ngày mua, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi Ngân hàng mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(ii) Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ

Ngân hàng phân loại các khoản nợ đã mua vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm nợ mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và được trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(i).

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc

sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 - 50 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận tải - truyền dẫn	10 năm
▪ tài sản cố định khác	3 - 5 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, nhượng bán và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí nhượng bán, thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, nhượng bán và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí nhượng bán, thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(n) Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí cải tạo trụ sở được vốn hóa chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các chi phí cải tạo trụ sở được vốn hóa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 3 năm. Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

(o) Tài sản Có khác

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(ii) Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ về phí hoa hồng môi giới là các khoản chi phí hoa hồng trả cho hệ thống các phòng giao dịch bưu điện liên quan trực tiếp đến hoạt động huy động cho vay. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo kỳ hạn của từng khoản cho vay khách hàng trong thời gian từ dưới 1 năm đến 35 năm.

Chi phí chờ phân bổ khác là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và lãi trả trước tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Ngân hàng nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Chi phí chờ phân bổ của lãi trả trước tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ dưới 1 năm đến 10 năm.

(iii) Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế ("TCKT") lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
▪ Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
▪ Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
▪ Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
▪ Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ngân hàng sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(p) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Ngân hàng trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của hoạt động kinh doanh được sáp nhập với Ngân hàng tại ngày thực hiện nghiệp vụ sáp nhập kinh doanh. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được phân bổ vào kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 10 năm.

(q) Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN

Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN được phản ánh theo giá gốc.

(r) Tiền gửi và vay các TCTD khác

Tiền gửi và vay các TCTD khác được phản ánh theo giá gốc.

(s) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

(t) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được phản ánh theo giá gốc. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(u) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(v) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các Thuyết minh 3(d), 3(e), 3(f), 3(g), 3(h), 3(i), 3(k) và 3(o) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Ngân hàng có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(w) Vốn

(i) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(x) Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các TCTD, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết.

y) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Ngân hàng. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của Ngân hàng. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(z) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó các khoản này không thể hiện một cam kết về dòng tiền chắc chắn trong tương lai.

(aa) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(i)(i) và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) do áp dụng Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14, hoặc do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(i)(i) hoặc được giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14, số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm được hạch toán ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

(bb) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(cc) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm khoản thu phí và hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(dd) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(ee) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư và góp vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia của Ngân hàng được xác định.

Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, Ngân hàng chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

(ff) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(gg) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

(hh) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo và cho năm kết thúc cùng ngày, Ngân hàng không có các cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(ii) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(jj) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng được chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Ngân hàng được chia theo lĩnh vực kinh doanh.

(kk) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 ("Thông tư 27") của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(ll) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Ngân hàng và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- các tài sản tài chính đã được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Ngân hàng nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về đo lường giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(mm)Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm trước.

4. TIỀN MẶT

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	2.887.662	2.663.442
Tiền mặt bằng ngoại tệ	96.215	87.836
	2.983.877	2.751.278

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHNNVN		
■ Bằng VND	9.770.682	9.678.761
■ Bằng ngoại tệ	553.018	188.885
	10.323.700	9.867.646

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2022	31/12/2021
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng:		
■ Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
■ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
■ Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
■ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi bằng VND trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,50%	0,50%
Tiền gửi bằng USD trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng VND vượt hạn mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng USD vượt hạn mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,00%

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn		
▪ Bằng VND	460.581	2.192.380
▪ Bằng ngoại tệ	542.942	329.431
Tiền gửi có kỳ hạn		
▪ Bằng VND	21.752.300	11.857.549
▪ Bằng ngoại tệ	8.612.175	6.908.400
	31.367.998	21.287.760
Cho vay các TCTD khác		
▪ Bằng VND	658.198	1.150.733
▪ Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(58.198)	-
	600.000	1.150.733
	31.967.998	22.438.493

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	30.964.475	19.916.682
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	58.198	-
	31.022.673	19.916.682

Biến động dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác trong năm như sau:

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	58.198	-
Số dư cuối năm	58.198	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,00% - 8,60%	1,00% - 2,57%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,00% - 4,75%	0,01% - 0,50%
Cho vay bằng VND	5,8% - 13%	0,00% - 6,20%
Cho vay bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chứng khoán kinh doanh khác		
Chứng chỉ quỹ mở do các TCKT nước ngoài phát hành	566.280	232.521

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chứng khoán kinh doanh khác		
Chứng chỉ quỹ mở do các TCKT nước ngoài phát hành	566.280	232.521

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/ (nợ phải trả)	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/ (nợ phải trả)
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	15.204.071	124.567	5.542.835	29.667
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	75.423.765	(166.597)	69.876.588	55.164
	90.627.836	(42.030)	75.419.423	84.831

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	234.993.485	208.456.839
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	59.000	88.119
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	454.386	409.178
	235.506.871	208.954.136

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	228.513.627	204.089.692
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	3.566.426	2.000.990
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	1.069.695	460.296
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	1.004.566	1.069.630
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.352.557	1.333.528
	235.506.871	208.954.136

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 trong việc phân loại nợ theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(i). Theo đó, Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ.

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	88.471.294	70.667.278
Nợ trung hạn	100.339.749	92.483.210
Nợ dài hạn	46.695.828	45.803.648
	235.506.871	208.954.136

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cho vay các TCKT				
Công ty Nhà nước	-	0,00%	330	0,00%
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vốn Nhà nước 100%	370.506	0,16%	499.015	0,24%
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	35.015.355	14,87%	22.203.461	10,63%
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	3.321.598	1,41%	4.592.964	2,20%
Công ty cổ phần khác	79.755.195	33,87%	84.356.365	40,37%
Công ty hợp danh	774	0,00%	-	0,00%
Doanh nghiệp tư nhân	5.347	0,00%	6.941	0,01%
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	70.267	0,03%	117.168	0,06%
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	25.152	0,01%	30.299	0,01%
Cho vay cá nhân				
Cá nhân và hộ gia đình	116.942.677	49,65%	97.147.593	46,48%
	235.506.871	100%	208.954.136	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh doanh như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18.225.025	7,74%	13.470.163	6,45%
Khai khoáng	200.876	0,09%	800.577	0,38%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	16.893.510	7,17%	16.862.684	8,07%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.707.662	1,57%	4.535.069	2,17%
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	178.952	0,08%	3.685.765	1,76%
Xây dựng	44.511.469	18,90%	22.122.535	10,59%
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa môtô, ôtô, xe máy và xe có động cơ khác	56.359.145	23,93%	49.897.059	23,88%
Vận tải kho bãi	1.672.054	0,71%	5.423.936	2,60%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	15.287.303	6,49%	11.561.203	5,53%
Thông tin và truyền thông	70.748	0,03%	1.016.955	0,49%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	290.832	0,12%	1.083.904	0,52%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.911.365	1,66%	1.018.201	0,49%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	782.441	0,33%	5.780.649	2,77%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.585.087	0,67%	6.742.539	3,23%
Hoạt động của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Quản lý Nhà nước, An ninh Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội bắt buộc	12.971	0,01%	1.562.237	0,75%
Giáo dục và đào tạo	1.695.501	0,72%	3.300.602	1,58%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	376.457	0,16%	410.519	0,20%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	14.998.363	6,37%	7.921.959	3,79%
Hoạt động dịch vụ khác	740.641	0,31%	500.894	0,24%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	54.006.469	22,94%	51.256.686	24,51%
	235.506.871	100,00%	208.954.136	100,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Cho vay bằng VND	3,10% - 20,00%	3,25% - 18,15%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,80% - 8,00%	2,50% - 7,50%

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Dự phòng chung	1.751.300	1.554.425
Dự phòng cụ thể	3.118.595	1.616.277
	4.869.895	3.170.702

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	Dự phòng chung Triệu VND	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.554.425	1.616.277	3.170.702
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	196.875	2.916.330	3.113.205
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(1.414.012)	(1.414.012)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.751.300	3.118.595	4.869.895

	Dự phòng chung Triệu VND	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.312.305	952.896	2.265.201
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	242.120	1.082.547	1.324.667
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(419.166)	(419.166)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.554.425	1.616.277	3.170.702

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Mua nợ bằng VND	260.453	-
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(2.969)	-
	257.484	-

Giá trị nợ gốc và lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nợ gốc đã mua	251.835	-
Lãi của khoản nợ đã mua	8.618	-
Nợ gốc đã mua	260.453	-

Phân tích chất lượng dư nợ của hoạt động mua nợ như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	260.453	-

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
▪ Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương (i)	27.915.448	25.003.990
▪ Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành (ii)	14.091.841	13.196.903
Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	*2.241.590*	*2.247.617*
▪ Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	-	74.800
Chứng khoán vốn		
▪ Do các TCTD khác trong nước phát hành	1	431.113
	42.007.290	38.706.806
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		
▪ Dự phòng chung	-	(635)
▪ Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(16.685)
	-	(17.320)
	42.007.290	38.689.486

(i) Đây là số trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng phát hành bằng VND. Các trái phiếu này có kỳ hạn từ 5 đến 20 năm và có lãi suất năm từ 2,00% đến 9,10% (31/12/2021: từ 1,10% đến 9,10%). Tiền lãi được trả hàng năm.

(ii) Đây là số trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành bằng VND. Các trái phiếu này có kỳ hạn từ 6 tháng đến 10 năm và có lãi suất năm từ 2,30% đến 16,00% (31/12/2021: từ 2,30% đến 8,80%). Tiền lãi được trả 6 tháng một lần, hàng năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng cầm cố chứng khoán nợ là trái phiếu Chính phủ bao gồm:

- Trái phiếu Chính phủ có tổng mệnh giá 4.295.000 triệu VND (31/12/2021: 10.189.340 triệu VND) tại các TCTD khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn từ các TCTD khác (Thuyết minh 18).
- Trái phiếu Chính phủ có tổng mệnh giá 3.090.000 triệu VND (31/12/2021: 3.090.000 triệu VND) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu do Ngân hàng phát hành (Thuyết minh 20).
- Trái phiếu Chính phủ có tổng mệnh giá 3.331.761 triệu VND (31/12/2021: 1.450.000 triệu VND) tại NHNNVN làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay cầm cố giấy tờ có giá từ NHNNVN (Thuyết minh 17).

(b) Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương - đã niêm yết	27.915.448	25.003.990
Do các TCTD khác trong nước phát hành - chưa niêm yết	14.091.841	13.196.903
Do các TCKT trong nước phát hành - chưa niêm yết	-	74.800
Chứng khoán vốn		
Do các TCTD khác trong nước phát hành - đã niêm yết	1	431.113
	42.007.290	38.706.806

(c) Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Dự phòng giảm giá chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng chung chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	16.685	635	17.320
Hoàn nhập dự phòng trong năm (các Thuyết minh 29, 32)	(16.685)	(635)	(17.320)
Số dư cuối năm	-	-	-

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dự phòng giảm giá chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng chung chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	11.264	3.052	14.316
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (các Thuyết minh 29, 32)	5.421	(2.417)	3.004
Số dư cuối năm	16.685	635	17.320

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Số lượng cổ phần nắm giữ	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ sở hữu %
Đầu tư vào các TCKT			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt	1.375.000	15.931	5,50
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	30.000.000	300.000	6,87
		315.931	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Số lượng cổ phần nắm giữ	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ sở hữu %
Đầu tư vào các TCKT			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt	1.375.000	15.931	5,50
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	30.000.000	300.000	9,60
		315.931	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Nhà cửa Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải - truyền dẫn Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	632.296	699.662	885.093	313.651	2.530.702
Mua trong năm	-	103.894	62.729	49.150	215.773
Đầu tư XDCB hoàn thành	151.908	-	-	-	151.908
Thanh lý	-	(13.206)	(47.781)	(7.657)	(68.644)
Số dư cuối năm	784.204	790.350	900.041	355.144	2.829.739
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	233.125	528.659	459.368	216.731	1.437.883
Khấu hao trong năm	52.025	72.873	80.919	45.644	251.461
Thanh lý	-	(12.875)	(42.275)	(7.250)	(62.400)
Số dư cuối năm	285.150	588.657	498.012	255.125	1.626.944
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	399.171	171.003	425.725	96.920	1.092.819
Số dư cuối năm	499.054	201.693	402.029	100.019	1.202.795

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải - truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	600.557	673.102	845.415	289.751	2.408.825
Mua trong năm	-	41.057	98.324	29.150	168.531
Đầu tư XDCB hoàn thành	31.739	-	-	-	31.739
Thanh lý	-	(14.497)	(58.646)	(5.250)	(78.393)
Số dư cuối năm	632.296	699.662	885.093	313.651	2.530.702
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	189.222	469.763	424.251	178.269	1.261.505
Khấu hao trong năm	43.939	73.684	82.714	43.448	243.785
Thanh lý	-	(14.415)	(47.254)	(4.704)	(66.373)
Giảm khác	(36)	(373)	(343)	(282)	(1.034)
Số dư cuối năm	233.125	528.659	459.368	216.731	1.437.883
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	411.335	203.339	421.164	111.482	1.147.320
Số dư cuối năm	399.171	171.003	425.725	96.920	1.092.819

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 723.554 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2021: 582.787 triệu VND).

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	409.789	262.760	672.549
Mua trong năm	-	30.209	30.209
Thanh lý	-	(23.802)	(23.802)
Số dư cuối năm	409.789	269.167	678.956
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.666	164.245	180.911
Khấu hao trong năm	3.158	28.217	31.375
Thanh lý	-	(23.733)	(23.733)
Số dư cuối năm	19.824	168.729	188.553
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	393.123	98.515	491.638
Số dư cuối năm	389.965	100.438	490.403

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	373.270	251.945	625.215
Mua trong năm	36.519	10.815	47.334
Số dư cuối năm	409.789	262.760	672.549
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.777	137.783	151.560
Khấu hao trong năm	2.889	26.462	29.351
Số dư cuối năm	16.666	164.245	180.911
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	359.493	114.162	473.655
Số dư cuối năm	393.123	98.515	491.638

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 49.540 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2021: 61.033 triệu VND).

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Các khoản phải thu	2.185.961	1.248.734
Trong đó:		
■ *Phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) (i)*	*1.236.138*	-
■ *Tạm ứng mua tài sản cố định*	*216.463*	*320.184*
■ *Tạm ứng cho hoạt động xây dựng phục vụ mục đích từ thiện (ii)*	*247.701*	*338.816*
■ *Ký quỹ cho các hoạt động nghiệp vụ*	*194.984*	*228.000*
■ *Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ*	*137.391*	*58.186*
■ *Phải thu từ bưu điện các tỉnh (iii)*	*48.714*	*49.781*
■ *Tạm ứng chi phí sửa chữa trụ sở*	*28.609*	*34.983*
■ *Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn*	*33.958*	*34.890*
■ *Phải thu NHNNVN liên quan đến chương trình hỗ trợ lãi suất (iv)*	*9.268*	*9.268*
■ *Các khoản phải thu khác*	*32.735*	*174.626*
■ *Các khoản lãi, phí phải thu*	*4.149.087*	*5.383.067*
■ *Tài sản có khác*	*665.150*	*818.920*
Trong đó:		
■ *Chi phí chờ phân bổ (v)*	*626.970*	*782.908*
■ *Tài sản Có khác*	*38.180*	*36.012*
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(7.085)	(4.919)
	6.993.113	7.445.802

(i) Đây là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Ngân hàng từ dịch vụ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng đối ứng thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.

(ii) Đây là các khoản tạm ứng chi phí cho các dự án xây dựng các công trình phục vụ mục đích từ thiện xã hội bao gồm: tài trợ cho giáo dục, tài trợ cho y tế, tài trợ cho khắc phục hậu quả thiên tai, tài trợ cho đối tượng nhận tài trợ là hộ nghèo, và các khoản tài trợ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các dự án này chưa hoàn thành và chưa được quyết toán.

(iii) Đây là các khoản phải thu từ các bưu điện tỉnh liên quan đến các hoạt động huy động vốn và huy động tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng. Các khoản này phát sinh hàng ngày và có thời hạn thanh toán trong vòng 1 tháng.

(iv) Đây chủ yếu là số tiền lãi phải thu từ NHNNVN theo chương trình hỗ trợ lãi suất ban hành kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay tiền từ các ngân hàng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh.

i) Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chi phí chờ phân bổ về phí hoa hồng môi giới (*)	200.725	263.760
Tiền thuê nhà chờ phân bổ	159.027	228.440
Chi phí sửa chữa cải tạo trụ sở	78.745	123.829
Chi phí chờ phân bổ khác (**)	188.473	166.879
	626.970	782.908

(*) Đây là các khoản chi phí hoa hồng trả cho hệ thống các phòng giao dịch bưu điện liên quan trực tiếp đến hoạt động cho vay khách hàng. Các chi phí này được phân bổ theo kỳ hạn của từng khoản cho vay khách hàng.

(**) Bao gồm trong chi phí chờ phân bổ khác là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, lãi trả trước tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng và tạm ứng cho hoạt động xây dựng phục vụ mục đích từ thiện đã hoàn thành và đang chờ hồ sơ quyết toán.

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Vay NHNNVN		
■ Vay theo hồ sơ tín dụng (i)	122.642	168.382
■ Vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá	2.950.368	1.534.482
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước		
■ Tiền gửi bằng VND	3.771	10
	3.076.781	1.702.874

(i) Các khoản vay có kỳ hạn gốc từ 1 năm đến 9 năm và chịu lãi suất năm từ 3,30% đến 4,33% (31/12/2021: từ 3,30% đến 3,86%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng cầm cố chứng khoán nợ là các trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 3.331.761 triệu VND (31/12/2021: 1.450.000 triệu VND) tại NHNNVN làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay cầm cố giấy tờ có giá từ NHNNVN (Thuyết minh 12).

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
■ Bằng VND	25.772	26.944
■ Bằng ngoại tệ	10	10
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
■ Bằng VND	26.059.925	26.174.277
■ Bằng ngoại tệ	11.608.740	10.647.600
	37.694.447	36.848.831
Vay các TCTD khác		
■ Bằng VND	785.089	7.151.774
■ Bằng ngoại tệ	1.180.486	2.280.775
	1.965.575	9.432.549
	39.660.022	46.281.380

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,70% - 8,50%	0,80% - 3,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,05% - 4,75%	0,10% - 0,55%
Tiền vay bằng VND	2,10% - 5,62%	0,85% - 4,70%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,75% - 6,61%	0,75% - 2,54%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng cầm cố chứng khoán nợ là các trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 10.716.761 triệu VND (31/12/2021: 10.189.340 triệu VND) tại các TCTD khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn từ các TCTD khác (Thuyết minh 12).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
■ Bằng VND	18.117.334	17.264.500
■ Bằng ngoại tệ	643.650	581.941
Tiền gửi có kỳ hạn		
■ Bằng VND	194.153.393	158.755.651
■ Bằng ngoại tệ	2.813.204	3.401.189
Tiền ký quỹ		
■ Bằng VND	138.977	245.670
■ Bằng ngoại tệ	686	18.314
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
■ Bằng VND	334	382
■ Bằng ngoại tệ	20.447	8.699
	215.888.025	180.276.346

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Công ty Nhà nước	5.510.740	6.122.567
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có vốn Nhà nước 100%	43.290.510	37.913.585
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50%	7.252	13.466
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	5.888.102	3.267.124
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	4.814.055	4.232.566
Công ty cổ phần khác	8.456.507	8.123.061
Công ty hợp danh	15.268	5.197
Doanh nghiệp tư nhân	23.106	17.391
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.013.522	973.892
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	7.384	6.485
Hộ kinh doanh	2.685	6.633
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	4.421.229	4.446.983
Tiền gửi của các đối tượng khác	83.760	61.984
Tiền gửi của cá nhân		
Cá nhân	139.353.905	115.085.412
	215.888.025	180.276.346

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,20%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,00% - 10,40%	0,01% - 7,80%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,40%	0,00% - 0,40%
Tiền ký quỹ bằng VND	0,00% - 8,30%	0,00% - 7,10%
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
■ Dưới 12 tháng	8.000.000	-
■ Từ 12 tháng đến 5 năm	5.550.034	10.252.389
■ Chiết khấu	(367)	-
Trái phiếu bằng VND		
■ Từ 12 tháng đến 5 năm	14.290.000	18.871.647
■ Trên 5 năm	7.260.975	7.613.593
■ Chiết khấu	(52.475)	-
	35.048.167	36.737.629

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng cầm cố chứng khoán nợ là các trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 3.090.000 triệu VND (31/12/2021: 3.090.000 triệu VND) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu do Ngân hàng phát hành (Thuyết minh 12).

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
Dưới 12 tháng	3,20% - 10,50%	-
Từ 12 tháng đến 5 năm	4,00% - 7,40%	4,00% - 8,80%
Trái phiếu bằng VND		
Từ 12 tháng đến 5 năm	3,30% - 5,90%	3,60% - 7,10%
Trên 5 năm	6,50% - 10,50%	4,43% - 8,40%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	6.525.149	5.696.602
Các khoản phải trả nội bộ	17.125	251.332
Các khoản phải trả bên ngoài	3.036.856	1.223.725
■ *Các khoản phải trả cho dịch vụ Ví Việt*	*471.317*	*425.554*
■ *Nghĩa vụ thuế phải nộp (Thuyết minh 22)*	*878.161*	*230.687*
■ *Phải trả trong nghiệp vụ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)*	*1.236.138*	-
■ *Tiền giữ hộ và đợi thanh toán*	*249.520*	*365.982*
■ *Phải trả hoa hồng dịch vụ cho bưu điện tỉnh*	*79.068*	*72.036*
■ *Các khoản phải trả cho dịch vụ thẻ*	*58.468*	*58.294*
■ *Doanh thu chờ phân bổ*	*10.113*	*10.432*
■ *Phải trả về mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang*	*5.447*	*8.326*
■ *Các khoản phải trả cho dịch vụ Ngân hàng điện tử*	*1.223*	*4.032*
■ *Các khoản phải trả khác*	*47.401*	*48.382*
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	396.538	222.114
	9.975.668	7.393.773

(i) Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Số dư đầu năm	222.114	95.075
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 23)	256.931	303.097
Sử dụng quỹ trong năm	(82.507)	(176.058)
Số dư cuối năm	396.538	222.114

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/ cấn trừ	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	17.831	171.219	(171.054)	17.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.000	1.179.428	(559.628)	804.800
Các loại thuế khác	27.856	242.626	(215.117)	55.365
	230.687	1.593.273	(945.799)	878.161

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	14.826	77.833	(74.828)	17.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	215.900	764.770	(795.670)	185.000
Các loại thuế khác	18.222	176.792	(167.158)	27.856
	248.948	1.019.395	(1.037.656)	230.687

23. VỐN VÀ CÁC QUỸ

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	**10.746.389**	**57**	**587.366**	**1.161.514**	**3.793**	**1.732.607**	**14.231.726**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.873.248	2.873.248
Tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.289.516	-	-	-	-	(1.289.516)	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	143.662	287.325	-	(430.987)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(303.097)	(303.097)
Số dư tại ngày 31/12/2021	**12.035.905**	**57**	**731.028**	**1.448.839**	**3.793**	**2.582.255**	**16.801.877**
Số dư tại ngày 1/1/2022	**12.035.905**	**57**	**731.028**	**1.448.839**	**3.793**	**2.582.255**	**16.801.877**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	4.510.253	4.510.253
Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	349.958	-	-	-	-	-	349.958
Tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu (ii)	2.649.997	-	-	-	-	-	2.649.997
Tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu (iii)	2.255.194	-	-	-	-	(2.255.194)	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	225.513	451.026	-	(676.539)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(256.931)	(256.931)
Số dư tại ngày 31/12/2022	**17.291.054**	**57**	**956.541**	**1.899.865**	**3.793**	**3.903.844**	**24.055.154**

(i) Ngày 26 tháng 1 năm 2022, Ngân hàng đã gửi Báo cáo số 780/2022/LienVietPostBank tới UBCKNN để báo cáo về kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Ngân hàng. Theo đó, tổng số lượng cổ phần đã phân phối là 34.995.849 cổ phần, tương ứng 99,99% tổng số cổ phần dự kiến phát hành. Số người lao động được phân phối là 6.512 người lao động. Thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phát hành cho người lao động là 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Ngày 14 tháng 2 năm 2022, UBCKNN gửi Công văn số 669/UBCK-QLCB xác nhận đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Ngân hàng theo Báo cáo số 780/2022/LienVietPostBank ngày 26 tháng 1 năm 2022 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 34.995.849 cổ phiếu, tương đương 349.958.490.000 VND.

(ii) Ngày 24 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng đã gửi Công văn số 8091/2022/LienVietPostBank tới UBCKNN để báo cáo về kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành là 264.999.670 cổ phiếu, tương ứng 99,9999% tổng số cổ phiếu chào bán. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 2.649.996.700.000 VND.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, UBCKNN đã gửi Công văn số 4043/UBCK-QLCB về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng. UBCKNN xác nhận đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 8091/2022/LienVietPostBank ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 264.999.670 cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 70/GCN-UBCK ngày 25 tháng 3 năm 2022.

(iii) Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng đã gửi Báo cáo số 13633/2022/LienVietPostBank tới UBCKNN để báo cáo về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, tổng số lượng cổ phần đã phân phối là 225.519.376 cổ phần, tương ứng 99,99% tổng số cổ phần dự kiến phát hành.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, UBCKNN gửi Công văn số 7973/UBCK-QLCB xác nhận đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo số 13633/2022/LienVietPostBank ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 225.591.376 cổ phiếu, tương đương 2.255.193.760.000 VND.

Chi tiết vốn đầu tư và cổ phiếu của Ngân hàng

	31/12/2022	31/12/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.729.105.369	1.203.590.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	*1.729.105.369*	*1.203.590.474*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*1.729.105.369*	*1.203.590.474*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn đầu tư và cổ phiếu của chủ sở hữu

	Vốn góp tại ngày			
	31/12/2022		31/12/2021	
	Triệu VND	Tỷ lệ	Triệu VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	1.405.016	8,13%	1.221.753	10,15%
Cổ đông khác	15.886.038	91,87%	10.814.152	89,85%
	17.291.054	100%	12.035.905	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một cổ đông chiếm trên 5% cổ phiếu của Ngân hàng là Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam. Số giấy phép đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam là 0102595740 và địa chỉ trụ sở chính tại Số 5, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

24. THU NHẬP LÃI THUẦN

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
▪ Thu nhập lãi tư` tiền gửi	583.502	106.258
▪ Thu nhập lãi tư` cho vay khách hàng	22.696.143	19.093.098
▪ Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	43.768	31.292
▪ Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.868.956	1.694.722
▪ Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	33.257	-
▪ Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	18	181
	25.225.644	20.925.551
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		
▪ Chi phí lãi tiền gửi	(10.242.271)	(8.985.045)
▪ Chi phí lãi tiền vay	(356.843)	(101.041)
▪ Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	(1.903.706)	(1.945.335)
▪ Chi phí hoạt động tín dụng khác	(23.334)	(16.340)
▪ Chi phí hoa hồng môi giới tiết kiệm bưu điện	(799.521)	(860.631)
	(13.325.675)	(11.908.392)
Thu nhập lãi thuần	**11.899.969**	**9.017.159**

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Nghiệp vụ thanh toán về ngân quỹ	216.823	207.883
Nghiệp vụ ủy thác, tư vấn và đại lý bảo hiểm	1.623.724	660.064
Dịch vụ khác	255.965	245.949
	2.096.512	1.113.896
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(190.804)	(160.784)
Chi phí khác	(243.846)	(95.230)
	(434.650)	(256.014)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.661.862	857.882

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Lãi từ kinh doanh ngoại tệ	448.513	512.956
Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.222.390	350.580
	1.670.903	863.536
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ	(475.913)	(63.702)
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.184.527)	(661.047)
	(1.660.440)	(724.749)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10.463	138.787

27. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	4.625
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(2.769)	(82)
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(2.769)	4.543

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

28. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần		
■ *Từ góp vốn, đầu tư dài hạn*	53.877	-

29. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	343.379	34.404
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	(14.302)	(30.367)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 12)	16.685	(5.421)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	345.762	(1.384)

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu từ thanh lý tài sản	8.816	12.768
Thu từ các khoản nợ đã được xử lý	298.260	162.114
Thu từ các hợp đồng hoán đổi lãi suất	15.225	8.159
Thu nhập khác	12.026	15.992
	334.327	199.033
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi khác	(133.180)	(165.331)
Lãi thuần từ hoạt động khác	201.147	33.702

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	118.935	108.199
Chi phí cho nhân viên	3.038.695	2.737.169
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	*2.563.451*	*2.345.285*
Các khoản chi đóng góp theo lương	*237.687*	*205.835*
Chi trợ cấp thôi việc	*1.183*	*782*
Chi phí khác cho nhân viên	*236.374*	*185.267*
Chi về tài sản	884.358	855.389
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	*282.836*	*273.136*
Chi phí thuê tài sản	*334.040*	*321.817*
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	*179.068*	*161.949*
Chi phí dụng cụ và thiết bị	*69.352*	*76.832*
Chi phí khác về tài sản	*19.062*	*21.655*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.072.013	1.179.131
Trong đó:		
Công tác phí	*20.192*	*9.367*
Chi phí hoạt động đoàn thể của TCTD	*397*	*185*
Chi phí thông tin liên lạc	*9.473*	*8.651*
Chi phí in ấn, tiếp thị, quảng cáo và khuyến mãi	*579.121*	*838.553*
Chi phí lễ tân, khánh tiết, hội nghị	*187.837*	*113.131*
Chi phí điện, nước, vệ sinh cơ quan	*80.780*	*76.169*
Chi phí vật liệu văn phòng	*27.461*	*31.164*
Chi phí khác cho hoạt động quản lý	*166.752*	*101.911*
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	181.642	170.195
Chi phí dự phòng khác	2.166	-
Phân bổ lợi thế thương mại	-	34.342
Chi phí hoạt động khác	9.084	5.996
	5.306.893	5.090.421

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Trích lập dự phòng cho vay các TCTD khác	6	58.198	-
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	196.875	242.120
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	2.916.330	1.082.547
Trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ	11	2.969	-
Hoàn nhập dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp	12	(635)	(2.417)
		3.173.737	1.322.250

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	1.163.900	746.000
Điều chỉnh chênh lệch thuế TNDN của các năm trước	15.528	18.770
	1.179.428	764.770

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.689.681	3.638.018
Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng	1.137.936	727.604
Thuế tính theo thu nhập không chịu thuế	(10.775)	-
Thuế tính theo chi phí không được khấu trừ thuế	36.739	18.396
Điều chỉnh chênh lệch thuế TNDN của các năm trước	15.528	18.770
	1.179.428	764.770

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Ngân hàng chưa tính các ưu đãi là 20%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Lợi nhuận thuần trong năm	4.510.253	2.873.248
Số phân bổ trích lập các quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(256.931)	(303.097)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	4.253.322	2.570.151

(*) Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng ước tính khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 dựa trên số đã trích từ lợi nhuận năm 2021. Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2021 (Thuyết minh 21) thấp hơn số phân bổ dự kiến khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2021. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do ảnh hưởng của vấn đề này.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 (Số cổ phiếu)	2021 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	1.203.590.474	1.074.638.915
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	-	128.951.559
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	32.502.994	-
Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022 (Thuyết minh 23)	130.915.568	127.473.152
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2022 (Thuyết minh 23)	225.519.376	225.519.376
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	1.592.528.412	1.556.583.002

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.671	1.651

(d) Điều chỉnh lại số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng đã phát hành 264.999.670 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng với giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã phát hành thêm 225.519.376 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại để tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	1.203.590.474	2.135
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	352.992.528	(484)
Số điều chỉnh lại	1.556.583.002	1.651

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tiền mặt	2.983.877	2.751.278
Tiền gửi tại NHNNVN	10.323.700	9.867.646
Tiền gửi tại các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	31.367.998	21.287.760
	44.675.575	33.906.684

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2022	2021
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	12.203	10.649
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	11.753	10.420
Lương cơ bản (1) (Triệu VND)	2.563.451	2.345.285
Các khoản phụ cấp (2) (Triệu VND)	238.870	206.617
Thu nhập khác (3) (Triệu VND)	236.374	185.267
Tổng thu nhập (1+2+3) (Thuyết minh 31)	3.038.695	2.737.169
Tiền lương bình quân/tháng (Triệu VND)	18,18	18,76
Thu nhập bình quân/tháng (Triệu VND)	21,55	21,89

37. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

(a) Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Bất động sản	418.557.721	289.986.925
Động sản	8.721.363	11.429.379
Chứng từ có giá	77.867.203	87.036.658
Tài sản khác	105.858.974	64.966.016
	611.005.261	453.418.978

(b) Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Chứng khoán nợ	10.716.761	14.729.340

38. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(a) Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

	31/12/2022			31/12/2021		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp Triệu VND	Tiền gửi ký quỹ Triệu VND	Giá trị theo hợp đồng - thuần Triệu VND	Giá trị theo hợp đồng - gộp Triệu VND	Tiền gửi ký quỹ Triệu VND	Giá trị theo hợp đồng - thuần Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	59.340	-	59.340	63.340	-	63.340
Cam kết giao dịch hối đoái	74.355.004	-	74.355.004	72.977.996	-	72.977.996
Trong đó:						
▪ *Cam kết mua ngoại tệ*	*54.514*	-	*54.514*	*2.270.761*	-	*2.270.761*
▪ *Cam kết bán ngoại tệ*	*32.868*	-	*32.868*	*1.130.987*	-	*1.130.987*
▪ *Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ*	*74.267.622*	-	*74.267.622*	*69.576.248*	-	*69.576.248*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.791.299	5.285	1.786.014	1.413.842	131.989	1.281.853
Bảo lãnh khác	1.044.680	99.761	944.919	983.198	91.403	891.795
Các cam kết khác	335.712	34.616	301.096	2.828.995	-	2.828.995
	77.586.035	139.662	77.446.373	78.267.371	223.392	78.043.979

(b) Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	1.105.975	1.782.255
Phí phải thu chưa thu được	1.758	-
	1.107.733	1.782.255

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	3.200.989	2.052.215
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	2.715.877	1.071.566
Các khoản nợ khác đã xử lý	34	147
	5.916.900	3.123.928

(d) Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
Tài sản khác giữ hộ	2.650.884	4.508.038

39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Trong nước TriệuVND	Nước ngoài TriệuVND	Tổng cộng TriệuVND
Tiền gửi và cho vay TCTD khác	31.595.263	430.933	32.026.196
Chứng khoán kinh doanh và đầu tư – gộp	42.007.290	566.280	42.573.570
Cho vay khách hàng – gộp	235.506.871	-	235.506.871
Góp vốn, đầu tư dài hạn	315.931	-	315.931
Các khoản nợ NHNNVN	3.076.781	-	3.076.781
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	38.480.272	1.179.750	39.660.022
Tiền gửi của khách hàng	215.657.018	231.007	215.888.025
Phát hành giấy tờ có giá	35.048.167	-	35.048.167
Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	90.627.836	-	90.627.836
Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng – gộp	718.624	1.072.675	1.791.299

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

40. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
	Phải thu/(phải trả)	
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		
▪ Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	782.954	(878.869)
▪ Các khoản phải thu khác	48.714	49.781
▪ Lãi phải trả cho hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	(11.892)	(6.016)

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
	Doanh thu/(chi phí)	
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		
▪ Chi phí lãi đã trả	(12.431)	(47.151)

Thù lao, lương thưởng và phúc lợi khác của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2022 Triệu VND	2021 Triệu VND
Hội đồng Quản trị	(21.197)	(18.465)
Ban Kiểm soát	(2.262)	(2.073)
Tổng Giám đốc và thành viên quản lý chủ chốt khác	(34.050)	(30.960)

41. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

42. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng thường gặp phải là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Chính sách quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban ALCO có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng theo từng lĩnh vực quản lý.

Chính sách rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

Khối Pháp chế và Quản lý rủi ro là đầu mối phối hợp với các Khối nghiệp vụ thực hiện các cuộc soát xét định kỳ và đột xuất đối với các hệ thống và thủ tục kiểm soát quản lý rủi ro và báo cáo kết quả soát xét lên Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị. Khối Kiểm toán nội bộ thực hiện các chương trình rà soát, kiểm soát độc lập.

Cùng với việc thiết lập các bộ phận và chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính, Ngân hàng cũng thực hiện phối hợp với các đối tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông hỗ trợ công tác quản lý rủi ro bằng việc xây dựng hệ thống tích hợp các công cụ quản lý rủi ro nhằm bảo vệ khách hàng, nhà cung cấp và tăng cường sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Các chính sách rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản được phân tích chi tiết tại các Thuyết minh 43, 44 và 45.

43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu.

(a) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Ngân hàng chủ yếu sử dụng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam để hạch toán các hoạt động của mình. Do báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày bằng Đồng Việt Nam, báo cáo tài chính của Ngân hàng có khả năng bị ảnh hưởng bởi những biến động tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam.

Rủi ro trong các giao dịch bằng ngoại tệ của Ngân hàng sẽ làm phát sinh lãi hoặc lỗ ngoại tệ và các khoản lãi hay lỗ ngoại tệ này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Rủi ro này bao gồm các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng có nguồn gốc tiền tệ không phải bằng loại tiền tệ hạch toán của Ngân hàng, các đơn vị tiền tệ của tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, chứng khoán đầu tư, cho vay khách hàng, tiền gửi và tiền vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Giá trị ghi sổ						
	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính							
Tiền mặt	-	-	2.983.877	-	-	2.983.877	2.983.877
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	10.323.700	-	-	10.323.700	10.323.700
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	32.026.196	-	-	32.026.196	(*)
Chứng khoán kinh doanh	566.280	-	-	-	-	566.280	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	235.506.871	-	-	235.506.871	(*)
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	260.453	-	-	260.453	(*)
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	42.007.290	-	42.007.290	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	315.931	-	-	-	315.931	(*)
Tài sản cố định - thuần	-	-	-	-	1.693.198	1.693.198	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	5.864.102	-	-	5.864.102	(*)
	13.873.857	315.931	273.657.622	42.007.290	1.693.198	331.547.898	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	3.076.781	3.076.781	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	39.660.022	39.660.022	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	215.888.025	215.888.025	(*)
Công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	42.030	-	-	-	-	42.030	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	35.048.167	35.048.167	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	8.683.844	8.683.844	(*)
	42.030	-	-	-	302.356.839	302.398.869	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngân hàng cũng duy trì trạng thái mở để có thể thu lãi từ biến động tỷ giá.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Ngân hàng áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
USD	23.595	22.800
EUR	25.322	26.052
GBP	28.616	30.708
CHF	25.651	24.900
JPY	179	199
SGD	17.629	16.841
CAD	17.480	17.851
AUD	16.044	16.621
HKD	3.067	2.948

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính theo loại hình tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	VND Triệu VND	USD Triệu VND	EUR Triệu VND	Tiền tệ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản					
Tiền mặt	2.887.662	96.041	14	160	2.983.877
Tiền gửi tại NHNNVN	9.770.682	553.018	-	-	10.323.700
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	22.871.079	9.062.051	19.107	73.959	32.026.196
Chứng khoán kinh doanh	-	566.280	-	-	566.280
Cho vay khách hàng - gộp	231.094.056	4.412.815	-	-	235.506.871
Hoạt động mua nợ - gộp	260.453	-	-	-	260.453
Chứng khoán đầu tư - gộp	42.007.290	-	-	-	42.007.290
Góp vốn, đầu tư dài hạn	315.931	-	-	-	315.931
Tài sản cố định - thuần	1.693.198	-	-	-	1.693.198
Tài sản Có khác	6.093.772	894.860	2.444	9.122	7.000.198
	316.994.123	15.585.065	21.565	83.241	332.683.994
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	3.076.781	-	-	-	3.076.781
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.870.786	12.789.236	-	-	39.660.022
Tiền gửi của khách hàng	212.410.039	3.432.533	14.087	31.366	215.888.025
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.233.566	(1.191.536)	-	-	42.030
Phát hành giấy tờ có giá	35.048.167	-	-	-	35.048.167
Các khoản nợ khác	9.363.290	587.451	8.786	16.141	9.975.668
	288.002.629	15.617.684	22.873	47.507	303.690.693
Trạng thái tiền tệ nội bảng	28.991.494	(32.619)	(1.308)	35.734	28.993.301
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(20.828.007)	20.828.007	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**8.163.487**	**20.795.388**	**(1.308)**	**35.734**	**28.993.301**

Độ nhạy đối với tỷ giá

Bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động và vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng (với giả định các biến số, đặc biệt lãi suất, không thay đổi).

	Mức độ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động – tăng/(giảm) lợi nhuận Triệu VND	Mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu – tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu Triệu VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
VND tăng giá 3% so với USD	(623.862)	(499.089)
VND giảm giá 3% so với USD	623.862	499.089
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
VND giảm giá 1% so với USD	(36.894)	(28.515)
VND tăng giá 1% so với USD	36.894	28.515

(b) Rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Ngân hàng là không đáng kể do Ngân hàng nắm giữ danh mục chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán đã niêm yết không đáng kể tại ngày báo cáo.

(b) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động. Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

Tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng được phân loại theo thời hạn sớm hơn giữa kỳ định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Ngày định giá lại tài sản và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác nhiều so với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

Rủi ro lãi suất của Ngân hàng có thể xuất phát từ hoạt động đầu tư và hoạt động huy động vốn và cho vay.

Kỳ định lại lãi suất là thời hạn còn lại tính từ ngày lập báo cáo tài chính cho tới ngày định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- Tiền mặt tại quỹ, chứng khoán kinh doanh, góp vốn đầu tư dài hạn, và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, và tài sản có khác), được xếp loại là khoản mục không chịu lãi theo lãi suất hưởng thực tế;
- Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại là tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc, do đó kỳ hạn định lại lãi suất được xếp loại không chịu lãi hoặc đến một tháng;

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Kỳ định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- Kỳ định lại lãi suất của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD, các khoản cho vay khách hàng, các khoản mua nợ, các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN, các khoản tiền gửi và vay các TCTD và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Kỳ định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày báo cáo;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Kỳ định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày báo cáo.
- Kỳ định lại lãi suất của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Ngân hàng đối với từng đợt phát hành.
- Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác, và các khoản nợ khác được xếp loại là khoản mục không chịu lãi theo lãi suất hưởng thực tế.

Bảng sau trình bày tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng được phân loại theo thời hạn ngắn hơn giữa kỳ định giá lại lãi suất hoặc ngày đáo hạn hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

44. RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay và đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh.

Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng cố gắng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo.

Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Ngoài ra Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (nội bảng hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay và ứng trước, cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh của Ngân hàng. Ngân hàng có rủi ro tập trung chủ yếu vào một số ngành kinh tế nhất định.

Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Hội đồng rủi ro, Hội đồng xử lý nợ và Hội đồng Tín dụng. Ngân hàng tiến hành phân loại nợ đối với các khoản nợ của khách hàng và các TCTD khác dựa trên Thông tư 11, qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu, và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng sử dụng các công cụ như xây dựng các chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng, xây dựng các quy trình tín dụng, thực hiện rà soát rủi ro tín dụng, xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ, phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tài sản bảo đảm

Tài sản bảo đảm được định giá bởi một bộ phận độc lập với bộ phận kinh doanh dựa trên giá trị thị trường tại thời điểm định giá. Việc định giá tài sản bảo đảm được cập nhật định kỳ theo quy định. Các loại tài sản bảo đảm chính bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và giấy tờ có giá. Hướng dẫn đánh giá tài sản là động sản, bất động sản định kỳ được rà soát và cập nhật nhằm tuân thủ các quy định của NHNNVN.

Các cam kết và bảo lãnh

Để đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng, Ngân hàng phát hành các cam kết không hủy ngang và các nợ tiềm ẩn khác nhau. Các cam kết và bảo lãnh cũng được xếp hạng và phân loại rủi ro tín dụng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quá hạn Triệu VND	Không hưởng lãi Triệu VND	Dưới 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 đến 6 tháng Triệu VND	Từ trên 6 đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản									
Tiền mặt	-	2.983.877	-	-	-	-	-	-	2.983.877
Tiền gửi tại NHNNVN	-	10.323.700	-	-	-	-	-	-	10.323.700
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	37.366	-	24.602.698	7.265.300	120.832	-	-	-	32.026.196
Chứng khoán kinh doanh	-	566.280	-	-	-	-	-	-	566.280
Cho vay khách hàng - gộp (*)	2.519.679	-	48.491.447	147.252.186	11.944.366	1.459.096	18.997.753	4.842.344	235.506.871
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	39.273	100.273	37.058	43.019	40.830	-	260.453
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	4.715.339	50.000	450.000	1.150.000	500.000	13.610.000	21.531.951	42.007.290
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	315.931	-	-	-	-	-	-	315.931
Tài sản cố định - thuần	-	1.693.198	-	-	-	-	-	-	1.693.198
Tài sản có khác	7.480	6.992.718	-	-	-	-	-	-	7.000.198
	2.564.525	27.591.043	73.183.418	155.067.759	13.252.256	2.002.115	32.648.583	26.374.295	332.683.994
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.991.293	997.343	59.170	19.826	7.993	1.156	3.076.781
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	30.870.789	7.019.980	7.299	21.182	1.644.075	96.697	39.660.022
Tiền gửi của khách hàng	-	-	43.009.625	44.074.614	54.001.720	63.212.352	11.588.372	1.342	215.888.025
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	42.030	-	-	-	-	-	-	42.030
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	249.819	4.994.426	3.899.769	9.911.383	12.925.843	3.066.927	35.048.167
Các khoản nợ khác	-	9.975.668	-	-	-	-	-	-	9.975.668
	-	10.017.698	76.121.526	57.086.363	57.967.958	73.164.743	26.166.283	3.166.122	303.690.693
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	2.564.525	17.573.345	(2.938.108)	97.981.396	(44.715.702)	(71.162.628)	6.482.300	23.208.173	28.993.301

(*) Số dư này được xác định dựa trên số ngày quá hạn theo hợp đồng của từng khoản vay, không dựa trên cơ sở khách hàng.

45. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là loại rủi ro dẫn đến tổn thất và/hoặc mất khả năng thanh toán cho Ngân hàng khi Ngân hàng không đủ vốn khả dụng với chi phí hợp lý và/hoặc không thể bán tài sản với chi phí hợp lý và/hoặc phải huy động các nguồn vốn với chi phí cao vào đúng thời điểm mà Ngân hàng cần để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán, tài chính mà Ngân hàng phải thực hiện. Rủi ro thanh khoản phát sinh do nhiều nguyên nhân như sự mất cân đối về thời gian đáo hạn của tài sản nợ, tài sản có, sự nhạy cảm của tài sản tài chính với thay đổi lãi suất, rủi ro không đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu của Ngân hàng trong việc quản trị rủi ro thanh khoản là để đảm bảo tối đa rằng Ngân hàng có đủ khả năng thanh khoản để thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn, trong điều kiện bình thường và điều kiện căng thẳng, mà không để phát sinh lỗ không đáng có hoặc ảnh hưởng tới danh tiếng của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng duy trì cơ cấu tài sản nợ và tài sản có phù hợp, đồng thời tăng cường khả năng huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Ngân hàng quản lý tài sản có tính thanh khoản cao, linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngoài ra, Ngân hàng duy trì một khoản tiền gửi tại NHNNVN theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời luôn đảm bảo duy trì các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của NHNNVN.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời gian đáo hạn còn lại

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại là tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn trên hợp đồng của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay, tiền gửi được gia hạn.
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Đối với tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức kinh tế, có giả định một khối lượng nhất định được duy trì trong những kỳ hạn tiếp theo.
- Tài khoản không kỳ hạn của các TCTD khác ("vostro") và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại là tiền gửi không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đáo hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này thường được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo các thỏa thuận riêng giữa các bên hoặc phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng			Quá hạn và đã lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
		Quá hạn từ 10 đến 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	
Tiền gửi tại NHNNVN	10.323.700	-	-	-	-	10.323.700
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	31.967.998	-	-	-	58.198	32.026.196
Chứng khoán kinh doanh	566.280	-	-	-	-	566.280
Cho vay khách hàng - gộp (*)	224.511.485	868.970	478.867	277.214	7.506.212	235.506.871
Hoạt động mua nợ	260.453	-	-	-	-	260.453
Chứng khoán đầu tư - gộp	42.007.290	-	-	-	-	42.007.290
Tài sản tài chính khác	5.856.696	-	-	-	7.406	5.864.102
	315.493.902	868.970	478.867	277.214	1.864.123	7.571.816	326.554.892

(*) Số dư này được xác định dựa trên cơ sở dư nợ của khách hàng.

Xem chi tiết các loại và giá trị của tài sản bảo đảm trong Thuyết minh 37. Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của tất cả tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết. Cho mục đích xác định tài sản có bị giảm giá trị và có phải trích lập dự phòng hay không theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, giá trị các tài sản đảm bảo này được xác định theo quy định tại Thông tư 11.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quá hạn				Trong hạn					
	Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Không phân miền Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản									**2.906.642**	**12.454.597**	**22.650.313**	**57.977.714**
Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	2.983.877	2.731.566	11.645.960	19.764.084	53.339.663
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	-	-	-	-	10.323.700	1.747.037	9.800.057	2.465.049	25.225.644
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	5.468	31.898	-	-	7.265.300	120.832	-	24.602.698	984.529	1.845.903	17.299.035	28.114.019
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	566.280	162.689	516.715	844.446	2.096.512
Cho vay khách hàng - gộp (*)	1.496.853	1.022.826	-	-	1.250.587	3.655.915	14.702.724	22.348.055	42.007.290	12.387	291.922	2.041.783	2.541.539
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	-	-	-	-	-	315.931	315.931	**(2.664.026)**	**(10.228.093)**	**(19.108.959)**	**(49.114.296)**
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	-	-	1.693.198	-	1.693.198	1.693.198	(2.162.144)	(8.530.022)	(15.582.148)	(41.439.694)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(812.950)	(1.302.567)	(4.767.165)	(13.325.675)
Tài sản cố định - thuần	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.349.194)	(7.227.455)	(10.814.983)	(28.114.019)
Tài sản Có khác	7.480	-	-	-	-	-	-	6.992.718	6.992.718	(28.394)	(86.611)	(91.952)	(282.836)
Tổng tài sản	1.509.801	1.054.724	-	-	-	-	-	9.975.668	9.975.668	(473.488)	(1.611.460)	(3.434.859)	(7.391.766)
Nợ phải trả										242.616	2.226.504	3.541.354	8.863.418
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	-	-	-	1.991.293	1.991.293	(61.253)	(447.111)	(2.409.126)	(3.173.737)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	-	-	-	30.870.789	30.870.789	181.363	1.779.393	1.132.228	5.689.681
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	45.371.747	45.371.747	-	-	(1.179.428)	(1.179.428)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	42.030	42.030	181.363	1.779.393	(47.200)	4.510.253
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
Các khoản nợ khác	-	-	-	-	-	-	-	9.975.668	9.975.668				
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	88.251.527	88.251.527				
Mức chênh thanh khoản ròng	1.509.801	1.054.724	-	-	-	-	-	(30.261.272)	(30.261.272)				

(*) Số dư này được xác định dựa trên số ngày quá hạn theo hợp đồng của từng khoản vay, không dựa trên cơ sở khách hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
Tòa nhà Lienvietpostbank, Số 210 Đường Trần Quang Khải
Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Miền Bắc Triệu VND
I. Doanh thu	**19.966.162**
1. Doanh thu lãi	19.198.053
Doanh thu lãi khách hàng bên ngoài	11.213.501
Doanh thu lãi nội bộ	7.984.552
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	572.662
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	195.447
II. Chi phí	**(17.113.218)**
1. Chi phí lãi	(15.165.380)
Chi phí lãi khách hàng bên ngoài	(6.442.993)
Chi phí lãi nội bộ	(8.722.387)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(75.879)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(1.871.959)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	2.852.944
Chi phí dự phòng rủi ro	(256.247)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	2.596.697
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	2.596.697

47. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Ngân hàng và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

48 CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Thông tư 03 và Thông tư 14 (Thuyết minh 3(i)).

49. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính này được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt vào ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:	*Người soát xét:*	*Người phê duyệt:*
Trần Hoài Thu	Nguyễn Thị Gấm	Hồ Nam Tiến
Trưởng phòng Tài chính	*Kế toán trưởng*	*Quyền Tổng Giám đốc*

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Không phân miền	Tổng cộng Triệu VND
III.	**Tài sản**	**139.564.841**	**16.916.463**	**96.664.045**	**74.600.498**	**327.745.847**
1.	Tiền mặt	988.676	164.930	1.830.271	-	2.983.877
2.	Tài sản cố định	218.864	74.386	203.654	1.196.294	1.693.198
3.	Tài sản khác	138.357.301	16.677.147	94.630.120	73.404.204	323.068.772
IV.	**Nợ phải trả**	**136.968.027**	**16.735.101**	**94.884.617**	**55.102.948**	**303.690.693**
1.	Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	136.952.735	16.732.073	94.875.546	54.706.564	303.266.918
2.	Nợ phải trả nội bộ	9.037	2.132	5.956	-	17.125
3.	Nợ phải trả khác	6.255	896	3.115	396.384	406.650

Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tín dụng Triệu VND	Đầu tư Triệu VND	Kinh doanh và huy động vốn Triệu VND	Khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Kết quả kinh doanh bộ phận	19.522.406	2.211.949	(10.824.933)	(6.399.169)	4.510.253
Tài sản bộ phận	233.492.130	43.549.233	45.978.013	4.726.471	327.745.847
Nợ phải trả bộ phận	-	-	299.743.081	3.947.612	303.690.693

Lienvietpostbank

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

Trụ sở chính: Tòa nhà Lienvietpostbank, 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Hotline: 024 62 668 668 / Email: dichvukhachhang@lienvietpostbank.com.vn